

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
CỤC NHÀ GIÁO VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ GIÁO DỤC**

---o0o---

## **TÀI LIỆU TẬP HUẤN**

**MÔ-ĐUN:**

**QUẢN TRỊ HOẠT ĐỘNG NUÔI DƯỠNG, CHĂM SÓC, GIÁO DỤC  
TRẺ EM Ở CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON TRONG BỐI CẢNH  
TĂNG CƯỜNG TỰ CHỦ VÀ TRÁCH NHIỆM GIẢI TRÌNH**

**Nhóm tác giả:**

- PGS.TS. Đặng Thị Thanh Huyền (chủ biên)
- TS. Chu Thị Hồng Nhung
- ThS. Vũ Vương Kiều Hoa
- ThS. Vũ Ngọc Dự

**Hà Nội, tháng 10 năm 2022**

## MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT.....	4
I. MỤC TIÊU .....	5
II. CHUẨN BỊ .....	5
III. THỜI LƯỢNG .....	5
IV. NỘI DUNG .....	5
V. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP.....	6
NỘI DUNG 1. CÁC YÊU CẦU ĐỔI MỚI GIÁO DỤC MẦM NON VÀ CƠ CHẾ TĂNG CƯỜNG TỰ CHỦ VÀ TRÁCH NHIỆM GIẢI TRÌNH CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON HIỆN NAY.....	6
<b>Hoạt động 1. Tìm hiểu khái niệm và yêu cầu nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ trong bối cảnh đổi mới giáo dục mầm non hiện nay .....</b>	<b>6</b>
1.1. Một số khái niệm.....	7
1.2. Yêu cầu nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ trong bối cảnh đổi mới giáo dục mầm non hiện nay .....	10
<b>Hoạt động 2. Tìm hiểu cơ chế tăng cường tự chủ và trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục mầm non và tiêu chí đánh giá mức tự chủ, trách nhiệm giải trình ....</b>	<b>14</b>
1.3. Cơ chế tăng cường tự chủ và trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục mầm non và tiêu chí đánh giá mức tự chủ, trách nhiệm giải trình.....	14
NỘI DUNG 2. PHÂN TÍCH NHU CẦU NUÔI DƯỠNG, CHĂM SÓC, GIÁO DỤC TRẺ MẦM NON; TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐỐI VỚI ĐÁP ỨNG CÁC NHU CẦU ĐÓ .....	20
<b>Hoạt động 3. Tìm hiểu nhu cầu nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ và trách nhiệm của cơ sở giáo dục đáp ứng nhu cầu đó .....</b>	<b>20</b>
2.1. Nhu cầu của xã hội về nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ của xã hội.....	21
2.2. Nhu cầu ND, CS, GD trẻ của gia đình, cộng đồng, địa phương .....	24
2.3. Trách nhiệm của cơ sở giáo dục mầm non đối với đáp ứng các nhu cầu nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.....	33
NỘI DUNG 3. MỘT SỐ BIỆN PHÁP QUẢN TRỊ HOẠT ĐỘNG NUÔI DƯỠNG, CHĂM SÓC, GIÁO DỤC TRẺ Ở CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON THEO HƯỚNG TĂNG CƯỜNG TỰ CHỦ VÀ TRÁCH NHIỆM GIẢI TRÌNH .....	34
<b>Hoạt động 4. Phân tích biện pháp quản trị hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ ở CSGDMN theo hướng tăng cường tự chủ và trách nhiệm giải trình .....</b>	<b>34</b>
3.1. Biện pháp quản trị hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ em trong cơ sở giáo dục mầm non theo hướng tăng cường tự chủ và trách nhiệm giải trình .....	37
<b>Hoạt động 5. Phân tích biện pháp quản trị hoạt động giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non theo hướng tăng cường tự chủ và trách nhiệm giải trình .....</b>	<b>48</b>

3.2. Biện pháp quản trị hoạt động giáo dục trẻ em ở cơ sở giáo dục mầm non theo hướng tăng cường tự chủ và trách nhiệm giải trình .....	49
3.3. Đảm bảo điều kiện quản trị hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ theo hướng tự chủ, tự chịu trách nhiệm.....	64
VI. ĐÁNH GIÁ .....	71
TÀI LIỆU THAM KHẢO .....	83
PHỤ LỤC .....	85
Phụ lục 1. Mô tả mức tự chủ, trách nhiệm giải trình về nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ của cơ sở giáo dục mầm non- Gợi ý đánh giá .....	85
Phụ lục 2. Trường hợp minh họa 1: Đổi mới phương pháp, hình thức giáo dục trẻ em ở trường MN H.H .....	90

## DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

CB	Cán bộ
CBQL	Cán bộ quản lý
CSVC	Cơ sở vật chất
CSGDMN	Cơ sở giáo dục mầm non
ND,CS, GD	Nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục
GDMN	Giáo dục mầm non
GV	Giáo viên
GVMN	Giáo viên mầm non
MN	Mầm non
NV	Nhân viên
TNTT	Tai nạn thương tích
VSATTP	Vệ sinh an toàn thực phẩm
ĐBCL	Đảm bảo chất lượng
GDDT	Giáo dục đào tạo
TBGD	Thiết bị giáo dục

## **I. MỤC TIÊU**

### **1. Mục tiêu chung**

Mô- đun này giúp CBQL và GVMN cốt cán phát triển năng lực quản trị hoạt động ND,CS,GD trẻ em tại CSGDMN theo hướng tăng cường tự chủ và trách nhiệm giải trình.

### **2. Mục tiêu cụ thể**

Sau khi hoàn thành mô-đun , học viên sẽ:

- **Mô tả** được các yêu cầu đổi mới GDMN và cơ chế tăng cường tự chủ và trách nhiệm giải trình của CSGDMN hiện nay.

- **Xác định được nhu cầu ND,CS, GD trẻ và trách nhiệm của CSGDMN đối với đáp ứng các nhu cầu đó.**

- Thực hiện được nhiệm vụ trọng tâm trong quản trị hoạt động ND, CS, GD trẻ em ở CSGDMN theo hướng tăng cường tự chủ và trách nhiệm giải trình.

## **II. CHUẨN BỊ**

### **1. Về phía báo cáo viên**

- Chương trình/kịch bản các buổi tập huấn, bồi dưỡng
- Tài liệu mô -đun (Tài liệu in, tài liệu học qua mạng về mô - đun , bản trình chiếu PPT)
- Học liệu: Các video clip, Infographic,... minh họa phần viết về các phương pháp cụ thể (có thể 2-3 clip) hoặc buổi tọa đàm với các CSGDMN đã thực hiện phương pháp
- Phiếu học tập: hướng dẫn học tập cho học viên
- Phương tiện, thiết bị: Máy tính cá nhân, máy chiếu, mạng internet, micro, điện thoại thông minh (nếu có).

### **2. Về phía học viên**

- Đọc trước tài liệu, phiếu giao nhiệm vụ.

## **III. THỜI LƯỢNG**

Thời lượng: 15 tiết (lí thuyết: 05 tiết; thực hành: 10 tiết)

## **IV. NỘI DUNG**

### **NỘI DUNG 1. CÁC YÊU CẦU ĐỔI MỚI GIÁO DỤC MẦM NON VÀ CƠ CHẾ TĂNG CƯỜNG TỰ CHỦ VÀ TRÁCH NHIỆM GIẢI TRÌNH CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON HIỆN NAY**

**1. Các yêu cầu đổi mới giáo dục mầm non và cơ chế tăng cường tự chủ và trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục mầm non hiện nay**

#### ***1.1. Một số khái niệm***

***1.2. Yêu cầu nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ trong bối cảnh đổi mới giáo dục mầm non hiện nay***

***1.3. Cơ chế tăng cường tự chủ và trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục mầm non và tiêu chí đánh giá mức tự chủ, trách nhiệm giải trình***

## **NỘI DUNG 2. PHÂN TÍCH NHU CẦU NUÔI DƯỠNG, CHĂM SÓC, GIÁO DỤC TRẺ VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC TRONG ĐÁP ỨNG CÁC NHU CẦU ĐÓ**

*2.1. Nhu cầu của xã hội, cộng đồng về nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ*

*2.2. Nhu cầu của cá nhân, gia đình trẻ*

*2.3. Trách nhiệm của cơ sở giáo dục mầm non đối với đáp ứng các nhu cầu nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ*

## **NỘI DUNG 3. MỘT SỐ BIỆN PHÁP QUẢN TRỊ HOẠT ĐỘNG NUÔI DƯỠNG, CHĂM SÓC, GIÁO DỤC TRẺ Ở CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON THEO HƯỚNG TĂNG CƯỜNG TỰ CHỦ VÀ TRÁCH NHIỆM GIẢI TRÌNH**

*3.1. Biện pháp quản trị hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ em trong cơ sở giáo dục mầm non theo hướng tăng cường tự chủ và trách nhiệm giải trình*

*3.2. Biện pháp quản trị hoạt động giáo dục trẻ em ở cơ sở giáo dục mầm non theo hướng tăng cường tự chủ và trách nhiệm giải trình*

## **V. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP**

### **NỘI DUNG 1. CÁC YÊU CẦU ĐỔI MỚI GIÁO DỤC MẦM NON VÀ CƠ CHẾ TĂNG CƯỜNG TỰ CHỦ VÀ TRÁCH NHIỆM GIẢI TRÌNH CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON HIỆN NAY**

*Yêu cầu cần đạt của nội dung 1:* Học viên nắm được yêu cầu đổi mới GDMN trong ND, CS, GD trẻ, phân tích được cơ chế tăng cường tự chủ và trách nhiệm giải trình của CSGDMN.

*Thời lượng:* 02 tiết lý thuyết và 03 tiết thực hành

**Hoạt động 1. Tìm hiểu khái niệm và yêu cầu ND, CS, GD trẻ trong bối cảnh đổi mới GDMN hiện nay (01 tiết lý thuyết, 01 tiết thực hành)**

**Mục tiêu:** Học viên hoàn thành báo cáo kết quả thảo luận nhóm về yêu cầu đổi mới ND, CS, GD trẻ trong bối cảnh tăng cường tự chủ CSGDMN hiện nay nói chung và những khó khăn, thuận lợi tại đơn vị đang công tác

**Chuẩn bị:** Phiếu giao nhiệm vụ cho học viên, các văn bản, thông tư liên quan đến đổi mới GDMN

**Tổ chức hoạt động:**

Tổ chức hoạt động cụ thể theo phiếu giao nhiệm vụ số 1.

### **PHIẾU GIAO NHIỆM VỤ SỐ 1**

*Chia nhóm và thảo luận câu hỏi:*

- Anh/Chị hãy nêu các yêu cầu đổi mới ND, CS, GD trẻ trong bối cảnh tăng cường tự chủ CSGDMN hiện nay?

- Những thuận lợi/ khó khăn khi thực hiện các yêu cầu đổi mới ND, CS, GD trẻ trong bối cảnh tăng cường tự chủ CSGDMN **nơi** Anh/Chị đang công tác hiện nay?

*Các nhóm trình bày kết quả thảo luận qua PPT hoặc Padlet*

## THÔNG TIN PHẢN HỒI

### 1.1. Một số khái niệm

#### 1.1.1. Hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ ở trường mầm non

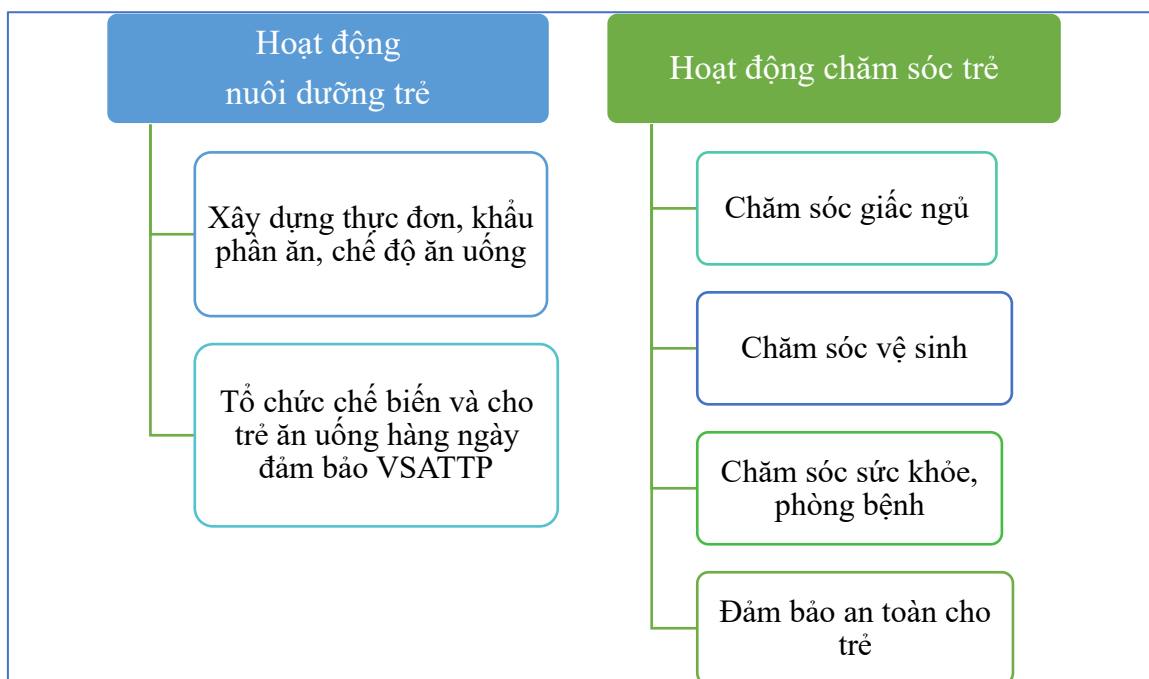
##### *Hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ*

Là hoạt động hàng ngày như hoạt động ăn, hoạt động ngủ, vệ sinh... giúp trẻ phát triển thể lực, phát triển vận động tinh và vận động thô.

Hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ tại CSGDMN là hoạt động của CB, GV, NV và các lực lượng có liên quan nhằm đảm bảo an toàn về thể trạng đáp ứng, thỏa mãn nhu cầu về dinh dưỡng cho trẻ, giúp cho cơ thể trẻ phát triển theo yêu cầu của độ tuổi, làm tiền đề cho sự phát triển toàn diện nhân cách.

Hoạt động nuôi dưỡng trẻ được thực hiện thông qua việc xây dựng thực đơn, khẩu phần ăn, chế độ ăn uống phù hợp với độ tuổi theo khuyến cáo của Viện Dinh dưỡng Việt Nam; tổ chức chế biến và tổ chức cho trẻ ăn uống theo chế độ sinh hoạt hàng ngày đảm bảo vệ sinh, an toàn thực phẩm.

Hoạt động chăm sóc trẻ tại CSGDMN hiểu theo nghĩa rộng bao gồm chăm sóc giấc ngủ; chăm sóc vệ sinh; chăm sóc sức khỏe, phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ.



**Hình 1. Hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ trong trường MN**

#### 1.1.2. Hoạt động giáo dục trẻ ở trường mầm non

Theo chương trình GDMN nội dung giáo dục bao gồm các nội dung giáo dục theo các lĩnh vực giáo dục như phát triển thể chất, phát triển nhận thức, phát triển ngôn ngữ, phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội, phát triển thẩm mỹ. Để thực hiện các nội dung giáo dục này thì GV phải thực hiện các hoạt động giáo dục ở trong các CSGDMN. Hoạt động giáo dục chia theo độ tuổi nhà trẻ và mẫu giáo.

##### *a) Hoạt động giáo dục đối với lứa tuổi Nhà trẻ gồm:*

- Hoạt động giao lưu cảm xúc: Hoạt động này đáp ứng nhu cầu gắn bó của trẻ với người thân, tạo cảm xúc hân hỷ, luyện tập và phát triển các giác quan, hình thành

mối quan hệ ban đầu với những người gần gũi. Đây là hoạt động chủ đạo của trẻ dưới 12 tháng tuổi.

- **Hoạt động với đồ vật:** Hoạt động này đáp ứng nhu cầu của trẻ về tìm hiểu thế giới đồ vật xung quanh, nhận biết công dụng và cách sử dụng một số đồ dùng, đồ chơi, phát triển lời nói, phát triển các giác quan,... Đây là hoạt động chủ đạo của trẻ từ 12 đến 36 tháng tuổi.

- **Hoạt động chơi:** Hoạt động này đáp ứng nhu cầu của trẻ về vận động và khám phá thế giới xung quanh, hình thành mối quan hệ với những người gần gũi. Ở độ tuổi này, trẻ có thể chơi theo tác vai (chơi phản ánh sinh hoạt), trò chơi có yếu tố vận động, trò chơi dân gian.

- **Hoạt động chơi - tập có chủ định:** Đây là hoạt động kết hợp yếu tố chơi với luyện tập có kế hoạch dưới sự hướng dẫn trực tiếp của GV. Hoạt động này được tổ chức nhằm phát triển thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và những yếu tố ban đầu về thẩm mỹ.

- **Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân:** Đây là hoạt động nhằm đáp ứng nhu cầu sinh lý của trẻ, đồng thời tập cho trẻ một số nề nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt hằng ngày và tạo cho trẻ trạng thái sáng khoái, vui vẻ.

*b) Hoạt động giáo dục đối với lứa tuổi Mẫu giáo gồm:*

- **Hoạt động chơi:** Hoạt động chơi là hoạt động chủ đạo của trẻ em lứa tuổi mẫu giáo. Trẻ có thể chơi với các loại trò chơi cơ bản sau: Trò chơi đóng vai theo chủ đề; Trò chơi ghép hình, lắp ráp, xây dựng; Trò chơi đóng kịch; Trò chơi học tập; Trò chơi vận động ; trò chơi dân gian; Trò chơi với phương tiện công nghệ hiện đại.

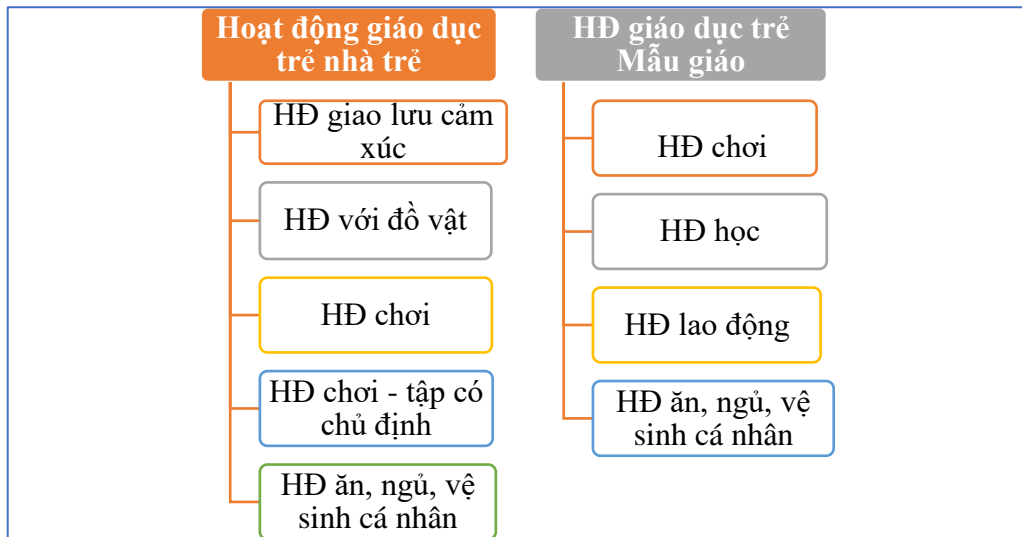
- **Hoạt động học:** Hoạt động học được tổ chức có chủ định theo kế hoạch dưới sự hướng dẫn trực tiếp của GV. Hoạt động học ở mẫu giáo được tổ chức chủ yếu dưới hình thức chơi.

- **Hoạt động lao động:** Hoạt động lao động đối với lứa tuổi mẫu giáo không nhằm tạo ra sản phẩm vật chất mà được sử dụng như một phương tiện giáo dục. Hoạt động lao động đối với trẻ mẫu giáo gồm: lao động tự phục vụ, lao động trực nhật, lao động tập thể.

- **Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân:** Đây là các hoạt động nhằm hình thành một số nề nếp, thói quen trong sinh hoạt, đáp ứng nhu cầu sinh lý của trẻ, tạo cho trẻ trạng thái thoải mái, vui vẻ.

Tổ chức các hoạt động giáo dục bảo đảm thực hiện mục tiêu GDMN, yêu cầu về nội dung GDMN, yêu cầu về phương pháp GDMN và được tổ chức phù hợp với sự phát triển của cá nhân trẻ em và của nhóm trẻ, lớp mẫu giáo.





**Hình 2. Hoạt động giáo dục trẻ trong trường MN**

### **1.1.2. Tự chủ và trách nhiệm giải trình của trường mầm non**

**Trường học tự chủ** là trường học được giao quyền ra các quyết định về định hướng phát triển, phân bổ các nguồn lực cho giáo dục, bao gồm: Quyền ban hành các quyết định; Quyền phát triển chương trình giáo dục, tài liệu học tập, chủ động đề xuất nhu cầu, tham gia tuyển dụng CB, GV, NV, phát triển năng lực nghề nghiệp cho giáo viên tại nhà trường; Huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực tài chính, CSVC, kỹ thuật: trường, lớp, sân bãi, các phương tiện giáo dục, xây dựng môi trường giáo dục để đạt được các mục tiêu phát triển nhà trường; đảm bảo chất lượng giáo dục.

#### **Trách nhiệm giải trình của CSGDMN**

Trách nhiệm giải trình của CSGDMN là sự thừa nhận về trách nhiệm đối với mọi hành động, mọi sản phẩm, mọi quyết định hay chính sách mà nhà trường đưa ra trong việc lãnh đạo, quản lý và thực hiện công việc; gắn với nghĩa vụ báo cáo, giải thích cho những các hoạt động của nhà trường và tác động của nó.

Có thể khái quát tự chủ và trách nhiệm giải trình luôn tồn tại song hành, là hai mặt của một quá trình. Tự chủ và trách nhiệm giải trình ở CSGDMN gồm các lĩnh vực chủ yếu sau:

- XD Kế hoạch GD nhà trường
- Tuyển sinh
- Phát triển chương trình nhà trường
- Tổ chức thực hiện ND, CS, GD trẻ
- Các điều kiện ĐBCL: Nhân sự, Tài chính, CSVC, môi trường giáo dục
- Giám sát, đánh giá

Giữa các yếu tố trên có mối quan hệ nhân quả, tác động qua lại lẫn nhau, không thể thiếu một yếu tố nào trong quá trình thực hiện tự chủ và trách nhiệm giải trình



**Hình 3. Nội dung tự chủ và trách nhiệm giải trình của CSGDMN về ND, CS, GD trẻ**

## **1.2. Yêu cầu nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ trong bối cảnh đổi mới giáo dục mầm non hiện nay**

### **1.2.1. Yêu cầu chung về đổi mới giáo dục mầm non**

Yêu cầu đổi mới phù hợp với chính sách phát triển GDMN hiện hành theo yêu cầu của các thông tư, văn bản. Cụ thể:

Định hướng phát triển GDMN giai đoạn 2016-2025 đã nhấn mạnh đến mục tiêu: Củng cố, phát triển, mạng lưới trường, lớp MN theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa và hội nhập quốc tế, phù hợp với điều kiện kinh tế- xã hội của các địa phương, nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu đến trường của trẻ. Nâng cao chất lượng ND,CS, GD trẻ, hướng tới đạt chuẩn chất lượng GDMN trong khu vực, chuẩn bị tốt cho trẻ vào học lớp 1; củng cố, nâng cao chất lượng phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi; phát triển GDMN dưới 5 tuổi, phấn đấu đạt chuẩn phổ cập GDMN cho trẻ em mẫu giáo vào năm 2025; thực hiện công bằng và bình đẳng trong tiếp cận GDMN (Đề án phát triển giáo dục mầm non giai đoạn 2018 - 2025 ).

Như vậy xu hướng đổi mới trong giai đoạn hiện nay là từng bước đổi mới chất lượng ND,CS,GD trẻ hướng tới đạt chuẩn chất lượng GDMN trong khu vực, chuẩn bị tốt cho trẻ vào học lớp 1. Để đáp ứng yêu cầu đổi mới trong giai đoạn hiện nay, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã có nhiều chỉ đạo nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ. Cụ thể như:

*Thông tư số 51/2020/TT- BGDDT ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành về Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình GDMN ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25/7/2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT*

ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trong đó việc sửa đổi bao gồm việc tăng cường tính đa dạng các vùng miền, các đối tượng trẻ, hướng đến sự phát triển toàn diện và tạo cơ hội cho trẻ phát triển, đảm bảo tính liên thông với chương trình giáo dục phổ thông. Chương trình thể hiện quan điểm toàn diện, lấy trẻ làm trung tâm với phương châm giáo dục “Chơi mà học, học bằng chơi”. Về phương pháp giáo dục phải chú ý đến đặc điểm cá nhân và tạo cho trẻ có cảm giác an toàn về thể chất và tinh thần, tạo điều kiện cho trẻ tích cực hoạt động. Chương trình nhấn mạnh đến các điều kiện thực hiện chương trình về tổ chức và quản lý, về đội ngũ CBQL, GV, NV, về CSVN, đồ dùng đồ chơi, học liệu, thiết bị dạy học, về tăng cường xã hội hóa giáo dục. Ngoài ra các CSGDMN có thể bổ sung một số nội dung như cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tiếp cận công nghệ số đảm bảo tính khoa học, phù hợp và hiệu quả. Ở một số trường có điều kiện có thể phát triển Chương trình GDMN theo hướng nâng cao ở một số lĩnh vực phù hợp với điều kiện của mỗi nhà trường, mỗi địa phương.

*Thông tư số 50/2020/TT- BGDDT ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình làm quen với tiếng Anh dành cho trẻ em mẫu giáo. Chương trình giúp trẻ được trải nghiệm, hứng thú với tiếng Anh; Hướng tới hình thành và phát triển năng lực giao tiếp bằng tiếng Anh, chuẩn bị tốt cho việc học tiếng Anh ở các cấp học tiếp theo.*

*Thông tư số 45/2021 /TT- BGDDT ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về việc xây dựng trường học an toàn, phòng chống tai nạn thương tích trong các cơ sở GDMN. Thông tư đã đưa ra những nội dung cụ thể để xây dựng trường học an toàn, phòng chống tai nạn thương tích trong các CSGDMN như xây dựng môi trường giáo dục đảm bảo an toàn, để tiếp cận và công bằng đối với mọi trẻ em, xây dựng và thực hiện bộ quy tắc ứng xử văn hóa trong CSGDMN theo quy định.*

*Thông tư số 52/2020/TT- BGDDT ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường mầm non, trong đó có những quy định cụ thể, điều chỉnh phù hợp với thực tiễn đổi mới và phát triển GDMN hiện nay.*

*Thông tư số 25/2018/TT-BGDDT ngày 08/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định chuẩn hiệu trưởng CSGDMN đã đưa ra các tiêu chuẩn và tiêu chí theo hướng phát triển năng lực lãnh đạo và quản trị nhà trường của người CBQL trong các CSGDMN đòi hỏi mỗi người CBQL cần phải không ngừng nâng cao hiệu quả quản trị CSGDMN trong giai đoạn hiện nay.*

*Thông tư số 26/2018/TT-BGDDT ngày 08/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định chuẩn nghề nghiệp GVMN xác định các tiêu chuẩn và tiêu chí phát triển năng lực của người GVMN như phát triển chuyên môn, xây dựng kế hoạch, tổ chức môi trường, ND, CS, GD trẻ... để giúp người GVMN ngày càng phát triển các năng lực chuyên môn đáp ứng với yêu cầu đổi mới hiện nay.*

Các yêu cầu chung về đổi mới trong GDMN là căn cứ, là cơ sở để các CSGDMN từng bước thực hiện, thay đổi cách làm cách thực hiện để từng bước đáp ứng với các yêu cầu này nâng cao chất lượng ND, CS, GD trẻ ở các CSGDMN.

### **1.2.2. Yêu cầu nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ em**

*Các yêu cầu đổi mới về ND, CS, GD trẻ để tiếp cận với sự phát triển của các nước tiên tiến trong khu vực và thế giới.*

#### **a) Tổ chức ăn cho trẻ**

Các nhà trường cần thiết phải đảm bảo bếp ăn một chiều, trang bị đầy đủ đồ dùng phục vụ ăn uống cho trẻ, xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn hợp lý phù hợp với trẻ và phù hợp với điều kiện của nhà trường và địa phương.

Đảm bảo quy trình giao nhận thực phẩm theo đúng quy định, sử dụng thực phẩm của các nhà cung ứng thực phẩm có uy tín, có đầy đủ giấy chứng nhận đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm do cơ sở y tế kiểm định chất lượng theo định kỳ. Chế biến thực phẩm theo dây chuyền sạch với các thiết bị nhà bếp vệ sinh, hiện đại. Lương thực, thực phẩm được lựa chọn cần phù hợp với các vùng miền, theo mùa để đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

Quan tâm đến đặc điểm của từng trẻ và có điều chỉnh phù hợp trong quá trình tổ chức bữa ăn cho trẻ nhằm đảm bảo đủ dinh dưỡng và sự phát triển thể chất của trẻ.

Rèn luyện cho trẻ một số kỹ năng hành vi văn hóa trong ăn uống.

*b) Chăm sóc giấc ngủ cho trẻ*

- Tổ chức cho trẻ ngủ theo nhu cầu độ tuổi.
- Đảm bảo các điều kiện như ánh sáng, không gian ngủ cho trẻ thoải mái, dễ chịu giúp trẻ ngủ sâu.
- Quan tâm đến đặc điểm riêng của từng trẻ và có điều chỉnh phù hợp với đặc điểm của trẻ.

- Cần chú trọng giáo dục trẻ các thói quen vệ sinh trước và sau khi ngủ, giữ trật tự trong quá trình ngủ, không làm ảnh hưởng đến người xung quanh.

*c) Chăm sóc vệ sinh cá nhân cho trẻ và vệ sinh môi trường*

- Đảm bảo vệ sinh cá nhân cho trẻ giúp trẻ có cơ thể khỏe mạnh.
- Đảm bảo vệ sinh môi trường trong toàn trường; vệ sinh lớp học, đồ dùng, đồ chơi, các dụng cụ phục vụ sinh hoạt hàng ngày của trẻ.
- Đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm và vệ sinh nguồn nước sạch sẽ.
- Đặc biệt chú trọng công tác đảm bảo vệ sinh an toàn cho trẻ và phòng chống các dịch bệnh.

*d) Chăm sóc sức khỏe và an toàn cho trẻ*

- Đảm bảo sự an toàn tuyệt đối cho trẻ về thể chất và tinh thần khi trẻ ở trường.
- Khám sức khỏe định kỳ. Theo dõi đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi. Phòng chống suy dinh dưỡng và béo phì.
- Phòng tránh các bệnh thường gặp. Theo dõi tiêm chủng.
- Thường xuyên cho trẻ được tắm nắng với nhiệt độ thời tiết phù hợp, đảm bảo sức khỏe cho trẻ.
- Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp. Phòng chống bạo lực học đường.

**1.2.3. Yêu cầu giáo dục trẻ em**

*Các yêu cầu về giáo dục trẻ em hướng theo xu hướng đổi mới nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ. Cụ thể:*

### *a) Mục tiêu phát triển toàn diện trẻ MN*

Mục tiêu của GDMN là giúp trẻ em phát triển về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ em vào lớp một; hình thành và phát triển ở trẻ em những chức năng tâm sinh lý, năng lực và phẩm chất mang tính nền tảng, những kỹ năng sống cần thiết phù hợp với lứa tuổi, khơi dậy và phát triển tối đa những khả năng tiềm ẩn, đặt nền tảng cho việc học ở các cấp học tiếp theo và cho việc học tập suốt đời.

### *b) Phát triển chương trình giáo dục của CSGDMN*

Căn cứ vào Chương trình GDMN do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, các sở giáo dục và đào tạo, phòng giáo dục và đào tạo hướng dẫn các CSGDMN xây dựng kế hoạch năm học, tổ chức thực hiện; phát triển Chương trình GDMN.

Ngoài những nội dung quy định tại mục C Phần hai Chương trình giáo dục nhà trẻ và mục C Phần ba Chương trình giáo dục mẫu giáo, các CSGDMN có thể lựa chọn, bổ sung một số nội dung giáo dục như: cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tiếp cận công nghệ số và những nội dung giáo dục khác phù hợp với mục tiêu của Chương trình GDMN, bảo đảm tính khoa học, thiết thực, hiệu quả, phù hợp với văn hóa, điều kiện của địa phương, của CSGDMN, khả năng và nhu cầu của trẻ, theo quy định của pháp luật để phát triển chương trình giáo dục nhà trường nhằm nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em. Việc tổ chức thực hiện các nội dung giáo dục bổ sung theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trên cơ sở Chương trình GDMN, GV chủ động xây dựng kế hoạch giáo dục phù hợp với nhóm/lớp, khả năng của cá nhân trẻ và điều kiện thực tế của địa phương.

Nội dung của các lĩnh vực giáo dục chủ yếu được tổ chức thực hiện theo hướng tích hợp và tích hợp theo các chủ đề gần gũi thông qua các hoạt động đa dạng, thích hợp với trẻ và điều kiện thực tế của địa phương.

### *c) Đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ và xây dựng môi trường giáo dục theo định hướng giáo dục lấy trẻ làm trung tâm*

Đối với giáo dục nhà trẻ, phương pháp giáo dục phải chú trọng giao tiếp thường xuyên, thể hiện sự yêu thương và tạo sự gắn bó của người lớn với trẻ; chú ý đặc điểm cá nhân trẻ để lựa chọn phương pháp giáo dục phù hợp, tạo cho trẻ có cảm giác an toàn về thể chất và tinh thần; tạo điều kiện thuận lợi cho trẻ được tích cực hoạt động giao lưu cảm xúc, hoạt động với đồ vật và vui chơi, kích thích sự phát triển các giác quan và các chức năng tâm lý, sinh lý; tạo môi trường giáo dục gần gũi với khung cảnh gia đình, giúp trẻ thích nghi với nhà trẻ.

Đối với giáo dục mẫu giáo, phương pháp giáo dục phải tạo điều kiện cho trẻ được trải nghiệm, tìm tòi, khám phá môi trường xung quanh dưới nhiều hình thức đa dạng, đáp ứng nhu cầu, hứng thú của trẻ theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi”. Chú trọng đổi mới tổ chức môi trường giáo dục nhằm kích thích và tạo cơ hội cho trẻ tích cực khám phá, thử nghiệm và sáng tạo ở các khu vực hoạt động một cách vui vẻ. Kết hợp hài hòa giữa giáo dục trẻ trong nhóm bạn với giáo dục cá nhân, chú ý đặc điểm riêng của từng trẻ để có phương pháp giáo dục phù hợp. Tổ chức hợp lý các hình thức hoạt động cá nhân, theo nhóm nhỏ và cả lớp, phù hợp với độ tuổi của lớp, với khả năng của từng trẻ, với nhu cầu và hứng thú của trẻ và với điều kiện thực tế.

Trong quá trình tổ chức các hoạt động, GV cần phối hợp các phương pháp tạo ra sức mạnh tổng hợp tác động đến các mặt phát triển của trẻ, khuyến khích trẻ sử dụng các giác quan (nghe, nhìn, sờ...), sử dụng lời nói và tích cực hoạt động để phát triển; tăng cường giao tiếp, hướng dẫn cá nhân bằng lời nói, cử chỉ và hành động; chú trọng sử dụng phương pháp tác động bằng tình cảm và thực hành. GV luôn là tấm gương cho trẻ noi theo.

**Hoạt động 2. Cơ chế tăng cường tự chủ và trách nhiệm giải trình của CSGDMN và tiêu chí đánh giá mức tự chủ, trách nhiệm giải trình**

**Thời lượng:** 01 tiết lý thuyết và 02 tiết thực hành

- **Mục tiêu:** Học viên hoàn thành báo cáo kết quả thảo luận nhóm về đánh giá mức tự chủ về ND, CS, GD trẻ ở 1 trường MN trong nhóm, những tiêu chí trường gặp khó khăn trong thực hiện tự chủ, trách nhiệm giải trình

- **Chuẩn bị:** Các văn bản, thông tư liên quan đến tự chủ và trách nhiệm giải trình của các CSGDMN, phiếu đánh giá để đánh giá mức tự chủ về ND, CS, GD trẻ ở CSGDMN

- **Tổ chức hoạt động:** Theo phiếu giao nhiệm vụ số 2

**PHIẾU GIAO NHIỆM VỤ SỐ 2**

*Thảo luận nhóm 6 - 8 người:*

Sử dụng Tiêu chí đánh giá về tự chủ và trách nhiệm giải trình để đánh giá mức tự chủ về ND, CS, GD trẻ ở 1 trường MN trong nhóm.

Những tiêu chí nào các trường gặp khó khăn trong thực hiện tự chủ, trách nhiệm giải trình?

*Trình bày kết quả thảo luận qua PPT hoặc Padlet*

**THÔNG TIN PHẢN HỒI**

**1.3. Cơ chế tăng cường tự chủ và trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục mầm non và tiêu chí đánh giá mức tự chủ, trách nhiệm giải trình**

**1.3.1. Cơ chế tăng cường tự chủ và trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục mầm non**

**a) Căn cứ pháp lý:**

Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/06/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Nghị định số 24/2021/NĐ-CP ngày 23/3/2021 của Chính phủ quy định về quản lý trong CSGDMN và cơ sở giáo dục phổ thông công lập;

Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển GDMN;

Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 3/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về về tài trợ cho các cơ sở giáo dục;

Thông tư 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt

chuẩn quốc gia đối với trường MN.

**b) Mục tiêu của tự chủ đối với CSGDMN công lập**

Các mục tiêu cụ thể của tự chủ đối với CSGDMN công lập:

- Trao quyền tự chủ trong tổ chức thực hiện kế hoạch chuyên môn, sắp xếp lại bộ máy, sử dụng có hiệu quả nguồn lực tài chính, nhân sự và CSVC để CSGDMN hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; phát huy mọi khả năng của đơn vị để cung cấp dịch vụ với chất lượng ngày càng cao; phát huy tính sáng tạo, năng động để tạo dựng uy tín, niềm tin, sức hút với cộng đồng.

- Nâng cao chất lượng ND, CS, GD trẻ thông qua việc nâng cao năng lực cho đội ngũ CBQL CSGDMN và GV về kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành; tăng cường CSVC; tăng thu nhập dựa trên năng lực, hiệu quả công việc và tạo động lực làm việc cho GV, NV, CBQL CSGDMN.

- Thực hiện xã hội hóa giáo dục, thu hút nguồn lực đầu tư cho công tác ND, CS, GD trẻ từ cộng đồng, từng bước giảm dần sự bao cấp từ ngân sách của Nhà nước. Tăng cường cơ hội tham gia vào công tác quản lý, ND, CS, GD trẻ của cha mẹ trẻ em và cộng đồng.

- Đảm bảo hiệu quả của công tác kiểm tra, giám sát và đánh giá đối với chất lượng ND, CS, GD trẻ.

- Tạo cơ sở để nhà nước tập trung nguồn lực đảm bảo cho các đối tượng chính sách, xã hội, đồng bào dân tộc thiểu số vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn được cung cấp dịch vụ theo quy định ngày càng tốt hơn.

**c) Nội dung tự chủ và trách nhiệm giải trình đối với CSGDMN công lập**

Nội dung tự chủ của CSGDMN công lập gồm: tự chủ tổ chức hoạt động ND, CS, GD trẻ; tự chủ về tổ chức bộ máy, nhân sự và tự chủ về tài chính, CSVC, TBGD.

**c1) Tự chủ và trách nhiệm giải trình về tổ chức hoạt động ND, CS, GD trẻ**

Tự chủ về hoạt động ND, CS, GD trẻ gồm: tự chủ về chương trình giáo dục nhà trường (mục tiêu, nội dung, phương pháp giáo dục), chất lượng giáo dục; hoạt động tuyển sinh; hoạt động ND, CS, GD trẻ; đánh giá và kiểm định chất lượng của cơ sở giáo dục; bảo đảm sự tham gia của gia đình, cộng đồng, xã hội trong hoạt động giáo dục.

- *Hoạt động tuyển sinh* đối với CSGDMN ngoài công lập và chất lượng cao được thể hiện ở việc được phép tuyển sinh không cần theo phân tuyến của UBND quận/huyện. Đối với CSGDMN công lập phải tuyển sinh theo quyết định phân tuyến của UBND quận/huyện. Các trường MN ngoài thời điểm tuyển sinh thì được phép chủ động nhận trẻ các thời điểm khác trong năm học.

- *Đánh giá và kiểm định chất lượng CSGD*: Theo Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường MN. Các trường MN tiến hành tự đánh giá dựa trên các tiêu chuẩn đánh giá do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, tự nhận xét, đánh giá thực trạng chất lượng ND, CS, GD trẻ, CSVC, các vấn đề liên quan khác của nhà trường để điều chỉnh các nguồn lực và quá trình thực hiện nhằm đạt tiêu chuẩn đánh giá trường MN.

Căn cứ Điều lệ trường MN ban hành theo Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 30/12/2020, CSGDMN được chủ động trong việc xác định phương hướng, chiến lược

phát triển nhà trường theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đảm bảo phù hợp điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương, tầm nhìn, sứ mệnh và các giá trị cốt lõi của nhà trường.

*Căn cứ chương trình GDMN đã được bổ sung sửa đổi theo Thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và được hợp nhất tại văn bản hợp nhất số 01/VBNH-BGDĐT ngày 13/4/2021, trên cơ sở Chương trình GDMN, hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành, CSGDMN được chủ động xây dựng và phát triển kế hoạch giáo dục năm học phù hợp với đặc điểm, tình hình thực tiễn, điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục của mỗi CSGDMN; đặc điểm, nhu cầu của trẻ; nhu cầu và điều kiện của cha mẹ trẻ; bối cảnh của địa phương.*

*- Nghị định số 24/2021/NĐ-CP ngày 23/03/2021 của Chính phủ quy định về quản lý trong CSGDMN và cơ sở giáo dục phổ thông công lập;*

*- Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;*

*- Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06/06/2018 của Chính phủ quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục;*

*- Thông tư số 04/2020/TT-BGDĐT ngày 18/03/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chi tiết một số điều của Nghị định 86/2018/NĐ-CP ngày 06/06/2018 của Chính phủ quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục.*

Tự chủ về chương trình giáo dục nhà trường là một nội dung quan trọng trong tự chủ về thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của CSGDMN. Chương trình GDMN do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành là Chương trình khung, có tính chất mở, thể hiện mục tiêu GDMN, quy định các yêu cầu về nội dung, phương pháp GDMN và đánh giá sự phát triển của trẻ. Chương trình bao gồm những nội dung cơ bản, cốt lõi và có tính linh hoạt, mềm dẻo làm cơ sở cho việc lựa chọn những nội dung giáo dục cụ thể phù hợp với kinh nghiệm sống, khả năng của trẻ và thực tế của từng địa phương, vùng miền.

Trên cơ sở nội dung Chương trình GDMN, các CSGDMN có thể chủ động, linh hoạt xây dựng và phát triển chương trình giáo dục nhà trường và kế hoạch ND, CS, GD cho phù hợp với khả năng của trẻ, thực tế địa phương, vùng miền và giáo dục hoà nhập đối với trẻ khuyết tật.

Các CSGDMN cũng được tự chủ trong lựa chọn các phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động ND, CS, GD trẻ đa dạng trên quan điểm giáo dục toàn diện, tích hợp, lấy trẻ làm trung tâm, phương châm giáo dục “chơi mà học, học bằng chơi”, chú trọng các hoạt động chủ đạo của từng lứa tuổi, tạo ra cơ hội cho trẻ hoạt động tích cực phù hợp với nhu cầu, hứng thú và sự phát triển của bản thân trẻ<sup>1</sup>.

### ***c2) Tự chủ về tổ chức tổ chức, nhân sự***

- Tự chủ về tổ chức, nhân sự gồm: sắp xếp cơ cấu tổ chức, tuyển dụng, sử dụng, bồi dưỡng, đánh giá, thực hiện chính sách đối với đội ngũ GV, NV của CSGDMN. Trong đó đặc biệt chú trọng phát triển năng lực nghề nghiệp của GV, NV, tạo điều kiện

---

<sup>1</sup> Tham khảo Kế hoạch số 626/KH-BGDĐT ngày 30/06/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Kế hoạch chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm” giai đoạn 2021-2025



cho GV được học tập, phát triển chuyên môn nghiệp vụ, hội nhập như năng lực ngoại ngữ, ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục trẻ.

Người đứng đầu CSGDMN có quyền nhất định trong việc bố trí, sắp xếp nhân sự phù hợp với yêu cầu công việc, thực tiễn của đơn vị như: phân công GV, điều động nhân sự giữa các bộ phận, giao nhiệm vụ cho các cá nhân và đơn vị... Tự chủ về tổ chức bộ máy, nhân sự cũng tạo ra sự chủ động cho người đứng đầu CSGDMN trong việc khen thưởng, quyết định mức thu nhập tăng thêm, phúc lợi, khen thưởng tương xứng với năng lực và công sức đóng góp của mỗi cá nhân.

Tự chủ về tổ chức, nhân sự được thể hiện qua việc CSGDMN chủ động tổ chức bồi dưỡng phát triển nghề nghiệp cho GV tại nhà trường để nâng cao chất lượng ND, CS, GD trẻ.

Tự chủ về tổ chức, nhân sự còn thể hiện ở việc tăng cường vị trí, vai trò của Hội đồng trường đối với CSGDMN. Theo đó, Hội đồng trường có nhiệm vụ và quyền hạn như quyết nghị về mục tiêu, chiến lược phát triển, kế hoạch hoạt động hằng năm của nhà trường; quyết nghị quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường; xem xét, sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định của nhà trường, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; quyết nghị về tổ chức, nhân sự; quyết nghị về chủ trương sử dụng tài chính, tài sản của nhà trường; Giám sát các hoạt động của nhà trường; giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết nghị của hội đồng trường; việc thực hiện quy chế dân chủ trong các hoạt động của nhà trường.

### ***c3) Tự chủ về tài chính, CSVC và sắp xếp môi trường giáo dục***

Tự chủ tài chính trong CSGDMN là nội dung có tính chất trung tâm và có vai trò quyết định đến các nội dung tự chủ còn lại. Đây là quá trình các CSGDMN tiến tới tự đảm bảo tài chính cho các hoạt động của mình, không phụ thuộc vào nguồn ngân sách nhà nước cấp hàng năm.

Quá trình thay đổi tiến tới tự chủ về tài chính ngày càng cao của CSGDMN sẽ tiến dần từ nhóm 4 lên nhóm 1.

- Nhóm 1: Đơn vị tự bảo đảm hoàn toàn chi thường xuyên và chi đầu tư.
- Nhóm 2: Đơn vị tự bảo đảm hoàn toàn chi thường xuyên.
- Nhóm 3: Đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên.
- Nhóm 4: Đơn vị do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên.

Tự chủ tài chính trong các đơn vị sự nghiệp công lập là mục tiêu mà Nhà nước hướng đến. Thực hiện tự chủ sẽ mang lại sự chủ động, sáng tạo, nâng cao năng lực, quyền tự quyết của các đơn vị, là cơ sở để Nhà nước dần thực hiện đúng vai trò định hướng, quản lý; giảm dần gánh nặng cho ngân sách Nhà nước. Khi các CSGDMN thực hiện quyền tự chủ tài chính thì cũng đồng nghĩa với việc sẽ có quyền quyết định mức thu và chi phù hợp với mức độ tự chủ đã được xác định. Đồng thời, các CSGDMN tự chủ vẫn phải chịu sự giám sát của Nhà nước và xã hội thông qua cơ chế thực hiện trách nhiệm giải trình. Đây là điểm mấu chốt quyết định sự thành công của lộ trình tiến tới tự chủ của các CSGDMN.

Các điều kiện thực hiện các mức tự chủ tài chính như sau:

*Đơn vị nhóm 1*

- Là đơn vị có mức tự bảo đảm kinh phí chi thường xuyên bằng hoặc lớn hơn 100%; có mức tự bảo đảm chi đầu tư bằng hoặc lớn hơn mức trích khấu hao và hao mòn tài sản cố định của đơn vị. Mức tự bảo đảm chi đầu tư được xác định bao gồm các nguồn sau: i) Số dự kiến trích lập Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp trong năm kế hoạch hoặc của bình quân 05 năm trước liền kề; ii) Số thu phí được để lại để chi thường xuyên không giao tự chủ theo quy định.

- Cung cấp các dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng ngân sách nhà nước, giá dịch vụ sự nghiệp công xác định theo cơ chế thị trường, có tính đủ khấu hao tài sản cố định và có tích lũy dành chi đầu tư.

#### *Đơn vị nhóm 2*

- Là đơn vị có mức tự bảo đảm kinh phí chi thường xuyên bằng hoặc lớn hơn 100% và chưa tự bảo đảm chi đầu tư từ nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, nguồn thu phí được để lại chi theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí, các nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định của pháp luật;

- Thực hiện cung cấp dịch vụ sự nghiệp công thuộc danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước, được Nhà nước đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo giá tính đủ chi phí (không bao gồm khấu hao tài sản cố định).

#### *Đơn vị nhóm 3*

- Là đơn vị có mức tự bảo đảm kinh phí chi thường xuyên từ 10% đến dưới 100%, được Nhà nước đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo giá chưa tính đủ chi phí và được phân loại theo mức đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên như sau:

+ Tự chủ một phần chi thường xuyên ở mức cao: Đơn vị tự bảo đảm từ 70% đến dưới 100% chi thường xuyên;

+ Tự chủ một phần chi thường xuyên ở mức trung bình: Đơn vị tự bảo đảm từ 30% đến dưới 70% chi thường xuyên;

+ Tự chủ một phần chi thường xuyên ở mức thấp: Đơn vị tự bảo đảm từ 10% đến dưới 30% chi thường xuyên.

Hiện nay đa số các CSGDMN đang ở nhóm 3 về tự chủ tài chính.

#### *Đơn vị nhóm 4*

- Là đơn vị có mức tự bảo đảm chi phí hoạt động thường xuyên dưới 10%;

- Đơn vị không có nguồn thu sự nghiệp. *Tự chủ CSVC, TBGD và sắp xếp môi trường giáo dục gồm:*

Huy động, bố trí nguồn lực cho CSVC, TBGD, sửa chữa các hạng mục nhỏ, bố trí các lớp học, phòng chức năng của CB, GV, NV và trẻ, sắp xếp không gian, môi trường sư phạm trong và ngoài lớp học,

Ban Giám hiệu, CB, GV, NV hàng năm có trách nhiệm rà soát, bổ sung, trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đảm bảo đáp ứng nhu cầu chăm sóc, giáo dục trẻ. Với nguồn kinh phí được cấp, hoặc huy động từ các nguồn lực khác, các CSGDMN có thể chủ động bổ sung trang thiết bị hiện đại (máy chiếu, máy tính, bình nóng lạnh...).

Căn cứ theo điều kiện thực tế, Ban Giám hiệu phân chia các lớp học, phòng chức năng cùng GV bố trí không gian các khu vực cho trẻ hoạt động ngoài trời (khu phát triển

thể chất, khu chơi với cát sỏi, khu chơi giao thông, khu chợ quê, vườn cây, vườn rau cho trẻ chăm sóc...). Tại lớp học, GV sắp xếp, bố trí môi trường, các góc chơi cho trẻ hoạt động theo quan điểm lấy trẻ làm trung tâm, nhằm thỏa mãn tối đa nhu cầu và phát huy năng lực cho trẻ.

### ***c) Trách nhiệm giải trình của CSGDMN***

CSGDMN phải thực hiện dân chủ, công bằng, công khai, minh bạch về chất lượng giáo dục và điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục, phù hợp với loại hình CSGDMN và quy định của pháp luật về trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục.

Trách nhiệm giải trình của CSGDMN với xã hội, học sinh, cơ quan quản lý, GV, NV, người lao động gồm những nội dung chính sau:

- Mục tiêu chất lượng giáo dục, kế hoạch tuyển sinh, kế hoạch giáo dục của CSGDMN, điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục, kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục;
- Hoạt động tuyển sinh, hoạt động giáo dục, quản lý tài chính, tài sản, tổ chức bộ máy và nhân sự của cơ sở giáo dục; bảo đảm sự tham gia của gia đình học sinh, tổ chức, cá nhân trong hoạt động giáo dục;
- Quản lý, sử dụng các nguồn lực xã hội hóa để tổ chức các hoạt động giáo dục và tổ chức cho học sinh tham gia hoạt động xã hội, phục vụ cộng đồng;
- Thực hiện trách nhiệm giải trình đối với các nội dung khác theo quy định của pháp luật về trách nhiệm giải trình của cơ quan nhà nước trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

Hiệu trưởng CSGDMN phải xác định nội dung và thực hiện trách nhiệm giải trình; tổ chức chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra CB, GV, NV, người lao động trong cơ sở giáo dục thực hiện nghiêm quy định về trách nhiệm giải trình. Bên cạnh đó, hiệu trưởng có trách nhiệm tổ chức tự đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục theo quy định; tổ chức cho CB, GV, NV, người lao động tham gia tự đánh giá chất lượng giáo dục và kiểm định chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục. CSGDMN cũng có trách nhiệm công khai mục tiêu chất lượng giáo dục, điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục, kết quả tuyển sinh, kết quả giáo dục, kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục theo quy định của pháp luật.

Trách nhiệm giải trình còn đòi hỏi GV, NV, người lao động tham gia giám sát việc tổ chức tuyển sinh, tổ chức hoạt động ND, CS, GD, quản lý tài chính, tài sản, tổ chức bộ máy và nhân sự của cơ sở giáo dục theo quy định của pháp luật.

### ***1.3.2. Tiêu chí đánh giá mức tự chủ và trách nhiệm giải trình về chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ của cơ sở giáo dục mầm non***

Gợi ý 03 nhóm tiêu chí và 12 tiêu chí cụ thể đánh giá mức tự chủ và trách nhiệm giải trình về ND, CS, GD trẻ của CSGDMN như bảng dưới đây:

**Bảng 1. Tiêu chí đánh giá mức tự chủ và trách nhiệm giải trình về ND, CS, GD trẻ của CSGDMN**

Nhóm tiêu chí	Tiêu chí
---------------	----------

<b>1) Tự chủ và trách nhiệm giải trình về nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ</b>	1. Tổ chức bữa ăn ở trường cho trẻ phù hợp với độ tuổi, xây dựng chế độ ăn cân đối, đa dạng, hợp lý, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng
	2. Chăm sóc giấc ngủ của trẻ em phù hợp với độ tuổi
	3. Chăm sóc vệ sinh cá nhân và vệ sinh môi trường, đảm bảo an toàn cho trẻ em
	4. Công khai, giải trình với các bên liên quan về chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ
<b>2) Tự chủ và trách nhiệm giải trình về giáo dục trẻ</b>	5. Xây dựng Kế hoạch giáo dục nhà trường
	6. Phát triển Chương trình giáo dục
	7. Lựa chọn các phương pháp, hình thức tổ chức giáo dục trẻ
	8. Công khai, giải trình với các bên liên quan về giáo dục trẻ
<b>3) Tự chủ và trách nhiệm giải trình về các điều kiện đảm bảo chất lượng ND, CS, GD trẻ</b>	9. Tự chủ về nhân sự
	10. Tự chủ về Tài chính
	11. Tự chủ về CSVC và sắp xếp môi trường giáo dục
	12. Phối hợp với cha mẹ trẻ, cộng đồng và công khai, giải trình với các bên liên quan về các điều kiện đảm bảo chất lượng ND, CS, GD trẻ

Mô tả mức tự chủ và trách nhiệm giải trình về ND, CS, GD trẻ của CSGDMN-Gợi ý đánh giá xem Phụ lục 1.

## **NỘI DUNG 2. PHÂN TÍCH NHU CẦU NUÔI DƯỠNG, CHĂM SÓC GIÁO DỤC TRẺ MẦM NON; TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐỐI VỚI ĐÁP ỨNG CÁC NHU CẦU ĐÓ (01 tiết lý thuyết, 03 tiết thực hành)**

*Yêu cầu cần đạt của nội dung 2:* Học viên phân tích được nhu cầu ND, CS, GD trẻ MN hiện nay. Trình bày được trách nhiệm của cơ sở giáo dục trong đáp ứng các nhu cầu đó.

**Hoạt động 3. Tìm hiểu nhu cầu ND, CS, GD trẻ MN và trách nhiệm của cơ sở giáo dục đáp ứng nhu cầu đó**

**Thời lượng:** 01 tiết lý thuyết, 03 tiết thực hành

**Mục tiêu:** Học viên hoàn thành báo cáo kết quả thảo luận nhóm về phân tích nhu cầu ND, CS, GD trẻ ở CSGDMN tại Trường hợp nghiên cứu 1, so sánh với nhu cầu ND, CS, GD trẻ ở địa phương.

**Chuẩn bị:** Giấy A0, bút, Chương trình GDMN

**Tổ chức hoạt động:** Theo phiếu giao nhiệm vụ số 3

### PHIẾU GIAO NHIỆM VỤ SỐ 3

Thảo luận nhóm 6-8 người:

- Nhóm 1,2,3,4: Phân tích nhu cầu ND, CS, GD trẻ ở CSGDMN tại Trường hợp nghiên cứu 1, so sánh với nhu ND, CS, GD trẻ ở địa phương

- Nhóm 5,6,7,8: Phân tích nhu cầu ND, CS, GD trẻ ở CSGDMN tại Trường hợp nghiên cứu 2, so sánh với nhu cầu ND, CS, GD trẻ ở địa phương

Trao đổi kết quả của các nhóm

#### Bảng phân tích nhu cầu ND, CS, GD trẻ ở trường được CSGDMN đáp ứng

TT	Nhu cầu xã hội	Nhu cầu gia đình, cộng đồng, địa phương
A	<b>Nhu cầu nuôi dưỡng, chăm sóc</b>	
1		
...		
B	<b>Nhu cầu giáo dục</b>	
1		
2		

### THÔNG TIN PHẢN HỒI

#### 2.1. Nhu cầu của xã hội về nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ của xã hội

Nhu cầu ND, CS, GD trẻ của xã hội là các yêu cầu đối với ND, CS, GD trẻ được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật Nhà nước, địa phương đối với trẻ em.

Dưới đây là một số nhu cầu căn bản.

**Luật Trẻ em** (được kỳ họp thứ 11, Quốc hội khóa XIII thông qua ngày 05/4/2016 và có hiệu lực từ 01/6/2017)

Điều 14. Quyền được chăm sóc sức khỏe: Trẻ em có quyền được chăm sóc tốt nhất về sức khỏe, được ưu tiên tiếp cận, sử dụng dịch vụ phòng bệnh và khám bệnh, chữa bệnh.

Điều 15. Quyền được chăm sóc, nuôi dưỡng: Trẻ em có quyền được chăm sóc, nuôi dưỡng để phát triển toàn diện.

Điều 16. Quyền được giáo dục, học tập và phát triển năng khiếu: 1) Trẻ em có quyền được giáo dục, học tập để phát triển toàn diện và phát huy tốt nhất tiềm năng của bản thân. 2) Trẻ em được bình đẳng về cơ hội học tập và giáo dục; được phát triển tài năng, năng khiếu, sáng tạo, phát minh.

**Điều lệ Trường Mầm non** (Thông tư số 52/2020/TT- BGDĐT ngày 31/12/2020

của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường mầm non)

### Điều 33. Quyền của trẻ em

1. Được ND, CS, GD phù hợp với điều kiện đi lại của trẻ và khả năng tiếp nhận của trường MN.
2. Được ND, CS, GD theo Chương trình GDMN phù hợp với khả năng và nhu cầu của trẻ em.
3. Trẻ em khuyết tật được giáo dục hòa nhập và được hưởng chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật theo quy định.
4. Được bảo đảm an toàn về thể chất và tinh thần; được chăm sóc, tôn trọng và đối xử bình đẳng; được bảo đảm quyền và lợi ích chính đáng; được bảo đảm điều kiện cơ sở vật chất, vệ sinh, an toàn tại trường MN.
5. Được tham gia các hoạt động phát huy khả năng của cá nhân.
6. Được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định.
7. Được hưởng các quyền khác theo quy định của pháp luật.

**Chương trình GDMN (Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 13/4/2021 ban hành Chương trình GDMN)**

## **CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC NHÀ TRẺ**

### **A. MỤC TIÊU**

Chương trình giáo dục nhà trẻ nhằm giúp trẻ từ 3 tháng tuổi đến 3 tuổi phát triển hài hòa về các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm - xã hội và thẩm mỹ.

#### **I. PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT**

- Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.
- Thích nghi với chế độ sinh hoạt ở nhà trẻ.
- Thực hiện được vận động cơ bản theo độ tuổi.
- Có một số tố chất vận động ban đầu (nhạy nhẹn, khéo léo, thăng bằng cơ thể).
- Có khả năng phối hợp khéo léo cử động bàn tay, ngón tay.
- Có khả năng làm được một số việc tự phục vụ trong ăn, ngủ và vệ sinh cá nhân.

#### **II. PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC**

- Thích tìm hiểu, khám phá thế giới xung quanh.
- Có sự nhạy cảm của các giác quan.
- Có khả năng quan sát, nhận xét, ghi nhớ và diễn đạt hiểu biết bằng những câu nói đơn giản.
- Có một số hiểu biết ban đầu về bản thân và các sự vật, hiện tượng gần gũi quen thuộc.

#### **III. PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ**

- Nghe hiểu được các yêu cầu đơn giản bằng lời nói.
- Biết hỏi và trả lời một số câu hỏi đơn giản bằng lời nói, cử chỉ.

- Sử dụng lời nói để giao tiếp, diễn đạt nhu cầu.
- Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của câu thơ và ngữ điệu của lời nói.
- Hồn nhiên trong giao tiếp.

#### *IV. PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM, KỸ NĂNG XÃ HỘI VÀ THẨM MỸ*

- Có ý thức về bản thân, mạnh dạn giao tiếp với những người gần gũi.
- Có khả năng cảm nhận và biểu lộ cảm xúc với con người, sự vật gần gũi.
- Thực hiện được một số quy định đơn giản trong sinh hoạt.
- Thích nghe hát, hát và vận động theo nhạc; thích vẽ, xé dán, xếp hình; thích nghe đọc thơ, kể chuyện....

### CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC MẪU GIÁO

#### A. MỤC TIÊU

Chương trình giáo dục mẫu giáo nhằm giúp trẻ em từ 3 đến 6 tuổi phát triển hài hòa về các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ, chuẩn bị cho trẻ vào học ở tiểu học.

#### *I. PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT*

- Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.
- Có một số tố chất vận động: nhanh nhẹn, mạnh mẽ, khéo léo và bền bỉ.
- Thực hiện được các vận động cơ bản một cách vững vàng, đúng tư thế.
- Có khả năng phối hợp các giác quan và vận động; vận động nhịp nhàng, biết định hướng trong không gian.
- Có kỹ năng trong một số hoạt động cần sự khéo léo của đôi tay.
- Có một số hiểu biết về thực phẩm và ích lợi của việc ăn uống đối với sức khỏe.
- Có một số thói quen, kỹ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khỏe và đảm bảo sự an toàn của bản thân.

#### *II. PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC*

- Ham hiểu biết, thích khám phá, tìm tòi các sự vật, hiện tượng xung quanh.
- Có khả năng quan sát, so sánh, phân loại, phán đoán, chú ý, ghi nhớ có chủ định.
- Có khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề đơn giản theo những cách khác nhau.
- Có khả năng diễn đạt sự hiểu biết bằng các cách khác nhau (bằng hành động, hình ảnh, lời nói...) với ngôn ngữ nói là chủ yếu.
- Có một số hiểu biết ban đầu về con người, sự vật, hiện tượng xung quanh và một số khái niệm sơ đẳng về toán.

#### *III. PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ*

- Có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp hằng ngày.
- Có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau (lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ...).

- Diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hóa trong cuộc sống hàng ngày.
- Có khả năng nghe và kể lại sự việc, kể lại truyện.
- Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi.

- Có một số kĩ năng ban đầu về việc đọc và viết.

#### *IV. PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KỸ NĂNG XÃ HỘI*

- Có ý thức về bản thân.
- Có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh.
- Có một số phẩm chất cá nhân: mạnh dạn, tự tin, tự lực.
- Có một số kĩ năng sống: tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm, chia sẻ.
- Thực hiện một số qui tắc, qui định trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi.

#### *V. PHÁT TRIỂN THẨM MỸ*

- Có khả năng cảm nhận vẻ đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và trong tác phẩm nghệ thuật.
- Có khả năng thể hiện cảm xúc, sáng tạo trong các hoạt động âm nhạc, tạo hình.
- Yêu thích, hào hứng tham gia vào các hoạt động nghệ thuật; có ý thức giữ gìn và bảo vệ cái đẹp

### **2.2. Nhu cầu nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ của gia đình, cộng đồng, địa phương**

Nhu cầu ND, CS, GD của cá nhân, gia đình trẻ, cộng đồng, địa phương cơ bản phù hợp với các nhu cầu chung của cộng đồng, xã hội, song sẽ có một số nhu cầu cụ thể, đặc biệt.

Ví dụ:

- Khám sức khỏe định kỳ thường xuyên
- Nhu cầu chăm sóc dinh dưỡng đặc biệt đối với trẻ suy dinh dưỡng; béo phì
- Nhu cầu đón trẻ sớm, trả muộn do điều kiện gia đình;
- Nhu cầu giáo dục năng khiếu (âm nhạc, mỹ thuật, thể thao, ...)
- Các nhu cầu nâng cao khác
- Phát triển kỹ năng giao tiếp tiếng Anh
- Can thiệp với trẻ có biểu hiện rối nhiễu về tâm lý và hành vi;
- Phát triển vận động và các giác quan ở lứa tuổi nhà trẻ
- Các hoạt động trải nghiệm tham quan dã ngoại theo chủ đề...

Để tìm hiểu các nhu cầu này, nhà trường cần có phiếu khảo sát nhu cầu ND, CS, GD trẻ (ngoài chương trình [quy định của Bộ GDĐT](#)). Có thể tham khảo công cụ đo



lượng sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục công (Quyết định 2329/QĐ-BGDĐT triển khai đo lường sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục công)

Dưới đây là 02 trường hợp về tự chủ và trách nhiệm giải trình về hoạt động ND, CS, GD trẻ tại CSGDMN đáp ứng nhu cầu xã hội và gia đình trẻ.

### **Trường hợp minh họa 1: Hoạt động ND, CS, GD trẻ đáp ứng nhu cầu của gia đình, xã hội của trường MN. MD**

#### **1. Hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ**

*Thực hiện công tác chăm sóc sức khỏe cho trẻ như: 100% trẻ mẫu giáo được đo chiều cao, đo thị lực, nhịp tim và huyết áp 2 lần/năm, cân và theo dõi biểu đồ tăng trưởng 4 lần/năm. Trẻ suy dinh dưỡng, trẻ có cân nặng cao hơn so với tuổi được cân 1 tháng/lần. Có các biện pháp can thiệp kịp thời với các trẻ đặc biệt. Làm tốt công tác phòng chống dịch bệnh, vệ sinh môi trường, xử lý kịp thời, hiệu quả các trường hợp trẻ ốm đột xuất trong ngày.*

*Đầu năm học nhà trường phối hợp với bác sỹ bệnh viện Nhi, chuyên gia giáo dục đặc biệt sàng lọc tâm lý miễn phí cho trẻ. Kịp thời phát hiện những trẻ có biểu hiện rối nhiễu về tâm lý, ngôn ngữ và hành vi để tư vấn cho phụ huynh có sự can thiệp kịp thời.*

*Phối hợp chặt chẽ với các tổ chức y tế chăm sóc răng miệng, tư vấn dinh dưỡng và sức khỏe, tư vấn tâm lý, phát triển tâm vận động cho trẻ. 3 lần/năm nhà trường mời bác sỹ bệnh viện Nhi Trung ương, Viện dinh dưỡng khám sức khỏe cho trẻ, tư vấn dinh dưỡng, sức khỏe, tâm lý cho phụ huynh với đầy đủ các chuyên khoa (răng hàm mặt, tai mũi họng, mắt..., dinh dưỡng, tâm lý trẻ em). Cha mẹ trẻ được tư vấn, được hướng dẫn cách theo dõi chăm sóc sức khỏe cho trẻ một cách phù hợp.*

*Tăng cường các hoạt động chăm sóc cá nhân. Có kế hoạch chăm sóc riêng đối với trẻ suy dinh dưỡng, thấp còi, béo phì. Cuối mỗi năm học tỷ lệ phục hồi trẻ suy dinh dưỡng đạt 100%. Tỷ lệ trẻ cân nặng cao hơn so với tuổi giảm 60%.*

*- Xây dựng thực đơn phong phú với bữa ăn tiêu chuẩn có từ 15- 20 loại thực phẩm, gia vị. Các món ăn đảm bảo dinh dưỡng và tỷ lệ các chất: Cháo chim bồ câu, lươn om nấm, cá hồi sốt kem, mì spaghetti, canh bí nấu sườn non, xôi lệ phở, rau, củ quả xào...*

#### **\* Các dịch vụ nuôi dưỡng, chăm sóc theo nhu cầu cha mẹ trẻ:**

*Trên cơ sở khảo sát nhu cầu của cha mẹ trẻ nhà trường tổ chức:*

- Đón sớm - trả muộn;*
- Ăn sáng;*
- Tiệc buffet có từ 12- 15 món ăn phù hợp với trẻ trong các ngày hội lễ;*
- Tư vấn tâm lý, tư vấn dinh dưỡng và sức khỏe;*

#### **2. Hoạt động giáo dục trẻ**

*Trường thực hiện mục tiêu giáo dục chung theo Chương trình GDMN quốc gia. Ngoài ra nhà trường xây dựng chương trình giáo dục nâng cao đã được thẩm định và thông qua đi sâu về lĩnh vực phát triển thể chất cho trẻ: giúp trẻ khỏe mạnh, thực hiện tốt các vận động theo độ tuổi, phát triển các tố chất vận động, có khả năng*

phối hợp khéo léo các giác quan, ngón tay và bàn tay, có kỹ năng thuần thục một số việc tự phục vụ bản thân. Đổi mới phương pháp, hình thức giáo dục trẻ, phát triển ở trẻ các kỹ năng nhận thức và kỹ năng sống. Tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất để hình thành nền tảng nhân cách ban đầu, phát triển toàn diện tâm lý, sinh lý phù hợp với đặc điểm lứa tuổi của trẻ, chuẩn bị cho trẻ hành trang sẵn sàng bước vào các cấp học tiếp theo và cuộc sống trong tương lai.

Các hoạt động giáo dục trong trường được tổ chức theo quan điểm lấy trẻ làm trung tâm. GV tăng cường giáo dục cá nhân, khuyến khích trẻ tích cực hoạt động; tăng cường các hoạt động cho trẻ trải nghiệm khám phá; tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động nhóm, tập thể, cá nhân, phát huy năng lực cá nhân, khả năng độc lập sáng tạo, mạnh dạn thích ứng và giải quyết các tình huống trong cuộc sống

Nhà trường áp dụng phương pháp và hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục tiên tiến của trường Quốc tế Unis, Singapo, Thụy Điển giúp trẻ phát triển toàn diện về trí lực, năng động tự tin, thích ứng cao với môi trường. Cụ thể:

+/ Ứng dụng có hiệu quả nội dung “Giáo dục phát triển bền vững” (giáo dục bảo vệ môi trường, dân chủ, bình đẳng giới), các trò chơi phát triển trí tuệ, phát triển vận động của Thụy Điển tại 12/12 lớp. GV thường xuyên liên lạc với GV trường Temtubo để cùng nhau học hỏi, chia sẻ kinh nghiệm giáo dục trẻ.

+/ Thực hiện thí điểm phương pháp dạy học Quốc tế có sự hỗ trợ về chuyên môn nghiệp vụ hàng tuần của điều phối viên trường Quốc tế Unis .

+/ Tổ chức có hiệu quả các hoạt động tạo hình, âm nhạc, thể chất trong các phòng chức năng do GV chuyên biệt được đào tạo, bồi dưỡng chuyên ngành thực hiện.

+/ Hàng tuần, theo từng chủ đề, GV tiến hành các hoạt động thực hành trải nghiệm thực tế với rau, hoa, quả, con vật, đồ vật...thật. Ở một số hoạt động thực hành có sản phẩm thì trẻ được mang về...

+/ Nhà trường có vườn rau, vườn cây được phân chia khu đất riêng cho mỗi lớp để trẻ được trồng, chăm sóc, quan sát sự phát triển của cây, thu hoạch khi cây, hoa trưởng thành, kết trái. Bên cạnh đó, với ưu thế sân vườn rộng, các cô giáo thường xuyên cho trẻ tiếp xúc với thiên nhiên, hít thở không khí trong lành, tham gia hoạt động ngoài trời, các trò chơi vận động ở ngoài sân.

+/ 100% trẻ ở độ tuổi mẫu giáo được tham gia hoạt động cho trẻ làm quen với tiếng Anh, hoạt động tại phòng máy 1 lần/tuần với các phần mềm giáo dục ưu việt nhằm phát triển tư duy của trẻ (kidsmarts, kidspix, bút chì thông minh...), tham gia 2/3 hoạt động ngoại khóa (võ, vẽ, múa) 1 lần/tuần.

+/ Hàng tháng nhà trường tổ chức các hoạt động tập thể theo chủ đề có sự tham gia, đánh giá của cha mẹ trẻ. Tổ chức tham quan cho trẻ đi thăm quan theo các chủ đề. Tổ chức cho trẻ xem nghệ thuật: Múa rối, tuồng, chèo, xiếc... Tổ chức cho trẻ tham gia hội thi “Chúng cháu vui khỏe”, “Bé khéo tay”, thi tìm hiểu “Luật an toàn giao thông”, “Giao lưu trò chơi dân gian” ...Tổ chức 15- 20 ngày hội/năm: Âm thực, thể dục thể thao, ngày hội nghề, ngày hội sách, lễ hội tăng rằm, Tết Nguyên đán...

+/ Can thiệp với trẻ có biểu hiện rối nhiễu về tâm lý và hành vi;

+/ Phát triển vận động và các giác quan ở lứa tuổi nhà trẻ, tiếng Anh nâng cao;  
+/ Các hoạt động trải nghiệm tham quan dã ngoại theo chủ đề...

## **Trường hợp minh họa 2: Tự chủ về ND, CS, GD trẻ của trường MN. AS**

### **2. Hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ**

#### **a) Chăm sóc sức khỏe và đảm bảo an toàn**

Tuyên truyền đến 100% CB, GV, NV xây dựng môi trường GD thân thiện, đảm bảo an toàn tuyệt đối về thể chất và tinh thần cho trẻ. Tổ chức cho 100% GV ký cam kết không vi phạm đạo đức nhà giáo.

Thực hiện xây dựng trường học an toàn, phòng chống TNTT, kịp thời phát hiện các yếu tố nguy cơ gây mất an toàn cho trẻ và chỉ đạo các biện pháp khắc phục. Thường xuyên rà soát phát hiện các yếu tố nguy cơ gây mất an toàn (sân vườn, hành lang, cầu thang, các lớp học, hệ thống dây điện, ổ cắm...) có biện pháp khắc phục kịp thời..

Xây dựng lịch phân công GV thực hiện nhiệm vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ theo chế độ sinh hoạt một ngày, đảm bảo an toàn cho trẻ cả về thể chất và tinh thần, ở mọi lúc, mọi nơi, đặc biệt là quản lý trẻ trong các hoạt động đón, trả trẻ, chăm sóc bán trú, hoạt động ngoài lớp học, hoạt động ngoài trời và trẻ mới đi học. Thực hiện sổ nhật ký nhóm lớp, thể hiện đủ các thông tin trao đổi, bàn giao giữa GV với GV, GV với cha mẹ trẻ. Thống nhất với cha mẹ đăng ký người đón trẻ.

Đảm bảo đủ điều kiện phục vụ và triển khai phòng dịch: nhiệt kế điện tử, khẩu trang, dung dịch sát khuẩn, trang thiết bị vệ sinh trường, lớp...

Xây dựng qui chế tổ chức hoạt động trong nhà trường trong đó rõ quy trình, trách nhiệm hoạt động theo dây chuyền: quy trình phân công GV trong lớp, NV nuôi dưỡng trong bếp, quy trình giao nhận thực phẩm, lưu và hủy mẫu thức ăn, quy trình chia thức ăn tại bếp ăn, trên các lớp, test mẫu thực phẩm (nếu có), phổ biến công khai, cam kết tới từng cá nhân.

100% trẻ được kiểm tra sức khỏe và đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng của Tổ chức Y tế Thế giới; được khám sức khỏe 1 lần/năm (đủ các chuyên khoa); trẻ mẫu giáo được đo huyết áp, nhịp tim, thị lực; 100% trẻ được rửa tay bằng xà phòng dưới vòi nước chảy ở các thời điểm thích hợp, súc miệng nước muối sau khi ăn.

Tăng cường dạy trẻ kỹ năng vệ sinh cá nhân, răng miệng chú trọng GD kỹ năng sống cho trẻ góp phần hình thành nề nếp, thói quen tốt, hành vi văn minh có lợi cho sức khỏe..

+/ Đảm bảo đủ đồ dùng cá nhân cho mỗi trẻ (cốc uống nước, khăn lau mặt, khăn lau miệng riêng có kí hiệu); Thực hiện giặt, hấp, sấy đối với khăn; rửa, hấp sấy/tráng nước sôi đối với cốc uống nước.

+/ Đảm bảo các điều kiện tổ chức giấc ngủ cho trẻ, mỗi trẻ có chăn, gối, chăn (theo mùa), được vệ sinh phơi, giặt hàng tuần.

+/ Giám sát và phối hợp với GV, NV thực hiện tốt công tác vệ sinh cá nhân, vệ sinh nhóm lớp, bếp ăn, vệ sinh môi trường.

+/ Xây dựng lịch vệ sinh hàng ngày, tuần, tháng.

+/ Đảm bảo không khí lưu thông, vệ sinh hàng ngày phòng ngủ/sinh hoạt chung, giá đồ chơi, đồ dùng ...

+/ Trang bị tại nhóm lớp nước sát khuẩn, dung dịch rửa tay.

### **b) Nuôi dưỡng:**

Thực hiện nghiêm túc Công văn số 964/ATTP-NĐTT ngày 23/4/2020 của Cục An toàn thực phẩm Bộ Y tế về việc hướng dẫn bảo đảm an toàn thực phẩm trong phòng chống dịch Covid-19 đối với bếp ăn cơ sở giáo dục.

Tăng cường phối hợp với Ban đại diện cha mẹ trẻ giám sát quá trình tổ chức hoạt động nuôi dưỡng tại trường, vệ sinh ATTP. Lựa chọn đơn vị cung ứng thực phẩm tốt, rõ trách nhiệm giải trình về chất lượng thực phẩm. Có hồ sơ đầy đủ, năng lực điều kiện cung ứng và chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm tốt, được Ủy ban nhân dân Quận phê duyệt. Lưu hồ sơ và hợp đồng cung ứng thực phẩm. Hiệu trưởng nhà trường chịu trách nhiệm về việc ký hợp đồng cung ứng thực phẩm và sử dụng thực phẩm tại trường.

Kiểm tra, ra soát kỹ chất lượng thực phẩm, nguồn gốc giá cả của các nhà cung ứng. Bếp ăn đủ điều kiện, trang bị đầy đủ đồ dùng, trang thiết bị phục vụ công tác nuôi dưỡng theo hướng chuẩn hoá, hiện đại hoá đảm bảo an toàn, hợp vệ sinh.

Tổ chức cho GV, NV học tập, thi quy chế chăm sóc trẻ, làm tốt lớp điểm về qui chế cho GV học tập rút kinh nghiệm.

Đảm bảo tổ chức bữa ăn, thời gian ăn cho trẻ, đặc biệt bữa ăn chính buổi chiều của nhà trẻ. Công khai, tăng cường việc giám sát của cha mẹ trẻ đối với các hoạt động giao nhận thực phẩm, chế biến, tổ chức bữa ăn cho trẻ bằng hình thức trực tiếp.

Xây dựng chế độ ăn cân đối, đa dạng, hợp lý, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng theo quy định trong Chương trình GDMN. Có hoạt động can thiệp, điều chỉnh chế độ ăn, giảm tỷ lệ trẻ SDD thể nhẹ cân, thấp còi, thừa cân, béo phì. Sử dụng phần mềm quản lý công tác bán trú để hỗ trợ quản lý nuôi dưỡng, tính khẩu phần ăn cho trẻ được Bộ Giáo dục và Đào tạo thẩm định. Thực hiện bữa chính tiêu chuẩn: có trên 10 loại thực phẩm, trong đó có từ 3 đến 5 loại rau, củ và bao gồm các món: cơm, món mặn, canh và tráng miệng.

Cải tiến, đổi mới hình thức truyền thông, quảng bá cho cha mẹ trẻ và cộng đồng về thực đơn, các điều kiện, chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ bằng nhiều hình thức phong phú: Dán ảnh tại bảng thông tin nội bộ, phát trên loa phát thanh, thông báo trên website, email, facebook...

### **3) Hoạt động giáo dục trẻ**

Phát triển chương trình giáo dục nhà trường trên cơ sở khung Chương trình GDMN và phát triển các nội dung, hoạt động mới phù hợp điều kiện thực tiễn, đáp ứng tốt nhất mục tiêu giáo dục. Chương trình giáo dục của nhà trường phù hợp với văn hóa, điều kiện địa phương, nhà trường, khả năng nhu cầu của trẻ, chú trọng mục tiêu, kết quả mong đợi đối với trẻ và cam kết về kết quả cuối năm của nhà trường. Chú trọng các nội dung giáo dục dinh dưỡng, sức khỏe, an toàn, kỹ năng phòng chống

dịch bệnh do Covid- 19... Công khai kế hoạch giáo dục tại bảng tuyên truyền, phối hợp với cha mẹ trẻ trong công tác chăm sóc, giáo dục trẻ.

**a) Giao nhiệm vụ làm điểm chuyên đề tại các lớp:**

+/ Chuyên đề tiếp cận học qua chơi và đổi mới phương pháp hình thức tổ chức lĩnh vực phát triển ngôn ngữ mẫu giáo bé C4, mẫu giáo nhỡ B2, mẫu giáo lớn A3;

+/ Chuyên đề ứng dụng phương pháp STEAM và sử dụng các trang thiết bị hiện đại: lớp mẫu giáo bé C3, mẫu giáo nhỡ B4, mẫu giáo lớn A1;

+/ Chuyên đề đổi mới phương pháp , hình thức tổ chức lĩnh vực phát triển nhận thức: Lớp mẫu giáo nhỡ B5;

+/ Chuyên đề phát triển vận động: lớp mẫu giáo nhỡ B3;

+/ Lòng ghép tích hợp các nội dung giáo dục bảo vệ môi trường , giáo dục sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả và giáo dục tài nguyên môi trường, biển, hải đảo vào cChương trình GDMN: lớp mẫu giáo lớn A5;

+/ Phòng chống TNTT: lớp mẫu giáo nhỡ B1, mẫu giáo lớn A3;

+/ Xây dựng môi trường học tập áp dụng quan điểm lấy trẻ làm trung tâm lớp mẫu giáo nhỡ B4;

+/ Xây dựng lớp mầm non hạnh phúc: lớp mẫu giáo bé C3, mẫu giáo nhỡ B4, mẫu giáo lớn A2;

+/ Thực hiện chuyên đề “Tôi yêu Việt Nam”, lòng ghép bảo vệ môi trường , sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả và giáo dục tài nguyên môi trường, biển, hải đảo.

**b) Tăng cường cho trẻ được trải nghiệm thực tế**, hình thành kỹ năng và ứng dụng linh hoạt trong cuộc sống... quan tâm phát triển năng lực cá nhân. Tổ chức các hoạt động lao động tự phục vụ, múa hát (dân vũ), trò chơi vận động nhanh, mạnh, bền, khéo, hoạt động lao động, trực nhật, tự phục vụ nhằm rèn luyện cho trẻ tính tự lập học tập, có kỹ năng sống, kỹ năng giao tiếp, lễ giáo tốt, giáo dục lòng nhân ái phù hợp với yêu cầu của xã hội hiện đại và truyền thống văn hóa dân tộc.

**c) Ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động giáo dục trẻ.** Thực hiện đổi mới, ứng dụng phương pháp giáo dục tiên tiến trong tổ chức các hoạt động giáo dục.

**d) Tổ chức các hoạt động giáo dục theo quan điểm tiếp cận học qua chơi.** giáo viên là người định hướng, gợi mở tạo điều kiện, cơ hội cho trẻ hoạt động tích cực, bộc lộ kinh nghiệm của bản thân, tự học thông qua các hoạt động, khám phá, trải nghiệm thực tế, thực hành, thí nghiệm, thu thập thông tin, thuyết trình... với nhóm và cá nhân trẻ. Tăng cường cho trẻ hoạt động, khám phá ngoài thiên nhiên, trong các phòng chức năng.

100% lớp xây dựng môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm, tổ chức các hoạt động giáo dục “Học bằng chơi, chơi mà học”, “Học thông qua trải nghiệm”

**đ) Tổ chức các hoạt động ngoại khóa:**

+/ Làm quen với tiếng Anh;

+ Chương trình giáo dục và phát triển thể chất GymKid của công ty cổ phần công nghệ BTS được xây dựng và phát triển bởi đội ngũ chuyên gia hàng đầu trong

*lĩnh vực giáo dục thể chất cho trẻ MN từ Singgapo giúp đánh giá chính xác khả năng và quá trình phát triển của trẻ theo từng giai đoạn, từng độ tuổi;*

*+/ Chương trình cho trẻ vận động theo nhạc của Công ty Trí Đức;*

*+/ Chương trình tạo hình sáng tạo của Trung tâm Sky Art*

*Việc cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tham gia các hoạt động ngoại khóa phải có sự thống nhất trong hội đồng sư phạm nhà trường và được sự đồng thuận của cha mẹ trẻ và sự cho phép của phòng giáo dục và đào tạo.*

*e) Xây dựng “Kế hoạch phối hợp chăm sóc, giáo dục trẻ giữa gia đình - nhà trường - cộng đồng”, tuyên truyền để cha mẹ trẻ tham gia tích cực các hoạt động. Huy động sự ủng hộ và tham gia của phụ huynh trong lớp về CSVC, đồ dùng học liệu cho các cháu hoạt động tích cực.*

Dưới đây là một phiếu khảo sát cha mẹ trẻ (minh họa) về nhu cầu ND, CS, GD trẻ MN

**Phòng GDĐT.....**

**Trường Mầm non.....**

**PHIẾU KHẢO SÁT Ý KIẾN CHA MẸ TRẺ MẦM NON ĐỐI VỚI DỊCH VỤ GIÁO DỤC CỦA NHÀ TRƯỜNG (Minh họa)**

*Kính thưa quý Phụ huynh!*

*Nhằm góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non trên địa bàn trường, nhà trường tổ chức khảo sát ý kiến Phụ huynh về mức độ hài lòng đối với các dịch vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ hiện tại và các nhu cầu chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục trẻ của gia đình.*

*Kính đề nghị quý Phụ huynh trả lời phiếu khảo sát bằng cách điền thông tin vào các nội dung phù hợp dưới đây.*

*Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của quý Phụ huynh!*

**THÔNG TIN VỀ NGƯỜI TRẢ LỜI**

Giới tính: Nam                  Nữ

Năm sinh:                      Dân tộc:

Trình độ học vấn cao nhất:

Nghề nghiệp:

Lớp con/cháu Ông/Bà đang học:

**NỘI DUNG**

**Câu 1. Ông/ Bà hài lòng như thế nào đối với các dịch vụ **nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ** và điều kiện ở trường mà con/ em của Ông/Bà đang học?**

*1= Rất không hài lòng; 2= Không hài lòng; 3= Phân vân; 4= Hài lòng; 5= Rất hài lòng*

TT	Nội dung	Mức hài lòng				
		1	2	3	4	5
A	TIẾP CẬN DỊCH VỤ GIÁO DỤC					
1	<b>Tuyển sinh</b>					
	a) Thông tin tuyển sinh của trường dễ dàng tiếp cận					
	b) Tiêu chuẩn tuyển sinh rõ ràng, minh bạch					
	c) Quy định về thủ tục nhập học đơn giản					
2	<b>Về tài chính - học phí</b>					
	a) Mức học phí của Nhà trường là phù hợp					
	b) Các khoản đóng góp ngoài học phí là hợp lý					
	c) Chính sách hỗ trợ học phí linh hoạt					
	d) Chính sách khen thưởng phù hợp					
B	CƠ SỞ VẬT CHẤT, THIẾT BỊ GIÁO DỤC					
3	Phòng học đáp ứng diện tích, thiết bị, vệ sinh, an toàn cho trẻ					
4	Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng số lượng, chất lượng, loại					
5	Sân chơi đáp ứng diện tích, bóng mát, đồ chơi, an toàn. Khu vực vệ sinh cho trẻ an toàn, sạch sẽ, có thiết bị tối thiểu					
C	MÔI TRƯỜNG GIÁO DỤC					
6	Các thành viên nhà trường đều gần gũi, thân thiện, tạo cơ hội để trẻ tham gia các hoạt động					
7	Các bé đều thân thiện, yêu thương, nhường nhịn nhau					
8	Giáo viên tận tâm, nhiệt tình, yêu quý, công bằng,... đối với trẻ					
9	Nhà trường phối hợp tốt với gia đình để chăm sóc, giáo dục trẻ					

10	Môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện với trẻ						
D	<b>HOẠT ĐỘNG NUÔI DƯỠNG, CHĂM SÓC GIÁO DỤC TRẺ</b>						
11	Tổ chức <b>nuôi dưỡng, chăm sóc</b> trẻ tốt (số bữa ăn, khẩu phần ăn, thời gian các bữa, chế độ dinh dưỡng...)						
	Tổ chức các hoạt động giáo dục và vui chơi cho trẻ chất lượng						
12	Tổ chức chăm sóc sức khỏe cho trẻ tốt (vệ sinh cá nhân, khám sức khỏe định kỳ, phòng bệnh, phát hiện và can thiệp sớm...)						
13	Trao đổi thường xuyên về kết quả đánh giá sự phát triển của trẻ						
14	Cô nuôi nhiệt tình, yêu thương, am hiểu và chăm sóc trẻ tốt						
E	<b>SỰ PHÁT TRIỂN VÀ TIẾN BỘ CỦA TRẺ</b>						
15	Con phát triển thể chất tốt (chiều cao, cân nặng, vận động)						
16	Con tiến bộ về nhận thức (hiểu biết môi trường tự nhiên, môi trường xã hội và tính toán đơn giản)						
17	Con tiến bộ về ngôn ngữ (nghe, hiểu, diễn đạt)						
18	Con tiến bộ trong lĩnh vực tình cảm và quan hệ xã hội						
19	<b>ĐÁNH GIÁ CHUNG</b>  <b>Nhà trường đáp ứng bao nhiêu % sự mong đợi của Ông/Bà khi cho con đi học?</b> <i>(điền từ 0% đến 100%, hoặc trên 100% nếu trường phục vụ tốt, vượt quá sự mong đợi của Ông/Bà)</i>						

**Câu 2. Ông/Bà đề xuất các nhu cầu riêng của gia đình về **nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ** (Nội dung này do Nhà trường đề xuất, kèm theo giá dịch vụ)**

1) Nhu cầu đưa, đón trẻ:

a. Đón sớm: có      Không    Trả muộn: có      Không

b. Nhu cầu chăm sóc đặc biệt (nêu cụ thể)



.....

2) Nhu cầu tham gia các Chương trình giáo dục (điền tên các chương trình GD dự kiến)

a) Chương trình.....

b) Chương trình.....

**Câu 3. Ông/Bà có đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ của nhà trường**

1) Tiếp cận dịch vụ giáo dục:

2) Cơ sở vật chất:

3) Môi trường giáo dục:

4) Hoạt động chăm sóc, giáo dục:

5) Sự phát triển và tiến bộ của trẻ em:

**Xin cảm ơn sự hợp tác của quý Phụ huynh!**

### **2.3. Trách nhiệm của cơ sở giáo dục mầm non đối với đáp ứng các nhu cầu nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em**

Trường MN có trách nhiệm tổ chức thực hiện các hoạt động ND, CS, GD trẻ đáp ứng nhu cầu của xã hội, cộng đồng nói chung và gia đình trẻ nói riêng.

#### ***2.3.1. Tổ chức thực hiện các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ trong nhà trường***

- Nhà trường xây dựng kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ phù hợp với điều kiện cụ thể, đáp ứng nhu cầu của cha mẹ trẻ

- Triển khai thực hiện kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ tới đội ngũ GV, NV toàn trường. Kiểm tra đánh giá việc thực hiện các hoạt động ND, CS trẻ điều chỉnh kịp thời phù hợp tình hình thực tế.

- Có các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ em có nhu cầu đặc biệt như khuyết tật, trẻ gặp vấn đề về dinh dưỡng.

### **2.3.2 Tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục trong nhà trường**

- Trường MN thực hiện Chương trình GDMN do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Xây dựng chương trình của nhà trường và có định hướng phát triển chương trình phù hợp với đặc thù của nhà trường.

- Xây dựng kế hoạch giáo dục theo năm, tháng, tuần và tổ chức các hoạt động giáo dục bảo đảm thực hiện mục tiêu GDMN, yêu cầu về nội dung GDMN, yêu cầu về phương pháp GDMN và được tổ chức phù hợp với sự phát triển của cá nhân trẻ em và của nhóm trẻ, lớp mẫu giáo.

- Xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục có nội dung đáp ứng nhu cầu của trẻ và phụ huynh như các hoạt động giáo dục năng khiếu, can thiệp trẻ khuyết tật.

### **2.3.3. Đảm bảo các điều kiện ND, CS, GD trẻ**

- Đảm bảo số lượng, chất lượng đội ngũ CB, GV, NV

- Huy động nguồn lực tài chính đáp ứng các nhu cầu ND, CS, GD trẻ.

- Đảm bảo đủ CSVC, TBGD, đồ dùng đồ chơi; Lựa chọn, mua sắm đồ dùng, đồ chơi, học liệu được sử dụng trong nhà trường theo quy định phục vụ cho hoạt động học tập và vui chơi của trẻ. Đồ dùng, đồ chơi, học liệu phù hợp mục tiêu, nội dung, phương pháp giáo dục theo Chương trình GDMN, văn hóa, điều kiện của địa phương và khả năng, nhu cầu của trẻ em.

- Xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, gồm cả môi trường vật chất và tinh thần để trẻ có thể phát triển tối đa bản thân.

- Phối hợp với cha mẹ trẻ em, cộng đồng đảm bảo các điều kiện ND, CS, GD trẻ

## **NỘI DUNG 3. MỘT SỐ BIỆN PHÁP QUẢN TRỊ HOẠT ĐỘNG NUÔI DƯỠNG, CHĂM SÓC, GIÁO DỤC TRẺ Ở CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON THEO HƯỚNG TĂNG CƯỜNG TỰ CHỦ VÀ TRÁCH NHIỆM GIẢI TRÌNH**

*Yêu cầu cần đạt của nội dung 3:* Học viên sẽ vận dụng được các biện pháp quản trị hoạt động ND, CS, GD trẻ ở các CSGDMN theo hướng tăng cường tự chủ và trách nhiệm giải trình nhằm đạt mục tiêu phát triển trẻ.

*Thời lượng:* 02 tiết lý thuyết, 04 tiết thực hành

**Hoạt động 4. Biện pháp quản trị hoạt động ND, CS trẻ ở CSGDMN theo hướng tăng cường tự chủ và trách nhiệm giải trình**

**Thời lượng:** 01 tiết lý thuyết, 02 tiết thực hành

**Mục tiêu:** Học viên hoàn thành báo cáo kết quả thảo luận về phân tích trường hợp nghiên cứu về biện pháp quản trị hoạt động ND, CS trẻ ở CSGDMN, so sánh mức tự chủ và trách nhiệm giải trình về hoạt động ND, CS trẻ của trường hợp minh họa với cơ sở giáo dục nơi học viên đang công tác

***Chuẩn bị:*** Phiếu giao nhiệm vụ, bút, giấy

***Tổ chức hoạt động:*** Theo Phiếu giao nhiệm vụ số 4

### PHIẾU GIAO NHIỆM VỤ SỐ 4

Thảo luận về trường hợp nghiên cứu về biện pháp quản trị hoạt động ND, CS trẻ ở CSGDMN, so sánh mức tự chủ và trách nhiệm giải trình về **hoạt động ND, CS trẻ** của trường hợp minh họa với cơ sở giáo dục nơi học viên đang công tác

Nội dung	Mức tự chủ (Mô tả và xếp loại Chưa đạt/ Đạt/Khá/Tốt)	
	Trường hợp minh họa	CSGDMN nơi học viên công tác
<b>1. Hoạt động nuôi dưỡng trẻ</b>		
<b>2. Hoạt động chăm sóc trẻ</b>		
<b>3. Giải trình về nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ</b>		

## THÔNG TIN PHẢN HỒI

### 3.1. Biện pháp quản trị hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ em trong cơ sở giáo dục mầm non theo hướng tăng cường tự chủ và trách nhiệm giải trình

#### 3.1.1. Tổ chức bữa ăn ở trường cho trẻ phù hợp với độ tuổi, xây dựng chế độ ăn cân đối, đa dạng, hợp lý, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng

##### a) Mục đích:

Giúp tổ chức tốt bữa ăn cho trẻ ở nhà trường phù hợp với độ tuổi, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng của trẻ.

##### b) Tiến hành:

##### (i) Xây dựng khẩu phần ăn đảm bảo yêu cầu và phù hợp với trẻ

Đảm bảo cho khẩu phần đáp ứng đủ về nhu cầu năng lượng và các chất dinh dưỡng cần thiết.

Đảm bảo tỷ lệ cân đối giữa các chất sinh năng lượng. Cân đối tỷ lệ đạm động vật và thực vật, mỡ động vật và dầu thực vật, cân đối các loại vitamin và chất khoáng.

Đảm bảo khẩu phần của trẻ ở trường MN: Bữa ăn học đường của trẻ em mẫu giáo, bao gồm: 1 bữa chính và 1 bữa phụ đáp ứng 50-55% nhu cầu năng lượng/ngày. Bữa ăn học đường của trẻ em, bao gồm: 1 bữa chính (đáp ứng 30-40% nhu cầu năng lượng/ngày) và 1 bữa phụ (đáp ứng 5-10% nhu cầu năng lượng/ngày). Thực đơn cân đối về tỷ lệ chất đạm, chất béo, chất đường bột. Sử dụng hợp lý lượng đường, muối cho từng món ăn. Xây dựng thực đơn cho nhiều ngày cần thay đổi món ăn để hấp dẫn trẻ và đảm bảo đủ các chất dinh dưỡng. Khi thay đổi cần đảm bảo thay thế thực phẩm trong cùng một nhóm (ví dụ: thay thịt bằng cá, trứng hoặc tôm,...) hoặc phối hợp các thực phẩm thay thế để đạt được giá trị dinh dưỡng tương đương.

Năng lượng các bữa ăn cần cân đối giữa các bữa ăn, tránh bữa ăn nhiều năng lượng quá, bữa ăn ít năng lượng quá.

Cần đảm bảo tỉ lệ các chất cung cấp năng lượng được khuyến nghị theo cơ cấu:  
Cụ thể:

##### Đối với trẻ nhà trẻ:

- Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13% - 20% năng lượng khẩu phần.
- Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 30% - 40% năng lượng khẩu phần
- Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 47% - 50% năng lượng khẩu phần.

##### Đối với trẻ mẫu giáo

- Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13% - 20% năng lượng khẩu phần.
- Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 25% - 35% năng lượng khẩu phần.
- Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 52% - 60% năng lượng khẩu phần.

Thay đổi thực đơn trường MN không chỉ đơn thuần thay đổi thực phẩm mà cần thay đổi dạng chế biến trong cùng một loại thực phẩm (như, luộc, kho, xào, rán, hấp,...).

Trong cùng một bữa ăn nên sử dụng thực phẩm giống nhau cho các chế độ ăn để tiện cho cán bộ nhà bếp đi chợ, nhưng lưu ý nhu cầu của từng độ tuổi và cách chế biến phù hợp.

Thực đơn bữa ăn học đường đảm bảo tính khoa học, cân đối, phối hợp thực phẩm, đa dạng các món ăn giàu dinh dưỡng, phù hợp với trẻ em: bữa trưa có trên 10 loại thực phẩm từ 8 nhóm thực phẩm theo khuyến cáo của Tổ chức Y tế thế giới (WHO) để cung cấp đa dạng các chất dinh dưỡng cho cơ thể. Bữa phụ sử dụng sữa và chế phẩm sữa để cải thiện khẩu phần can-xi.

Đặc biệt, GV cần chú ý đến các đặc điểm riêng, đặc điểm đặc biệt của trẻ như: trẻ mới chuyển chế độ ăn, trẻ ăn chậm, trẻ mới đi nhà trẻ, trẻ yếu hoặc mới ốm dậy. Nếu bữa nào trẻ kém ăn phối hợp với phụ huynh biết để chăm sóc trẻ tốt hơn.

### ***(ii) Đa dạng các hình thức tổ chức bữa ăn cho trẻ***

Để phù hợp với tình hình thực tế hiện nay nhằm kích thích trẻ hứng thú tham gia hoạt động ăn tại trường, tạo cơ hội rèn kỹ năng tự phục vụ của trẻ MN trong hoạt động tổ chức ăn bán trú, các CSGDMN nên mạnh dạn sáng tạo đổi mới hình thức tổ chức ăn cho trẻ nhưng vẫn cần đảm bảo nguyên tắc đảm bảo vệ sinh toàn toàn thực phẩm, cân đối các chất dinh dưỡng, công bằng với trẻ trong hoạt động ăn.

#### ***\* Ăn tự chọn***

*Ý nghĩa:* Giúp trẻ làm quen với một hình thức ăn mới; biết tên các món ăn mới; rèn kỹ năng tự phục vụ ăn theo nhu cầu, sở thích, tạo thói quen văn minh xếp hàng và lấy đồ ăn theo đúng nhu cầu; giúp trẻ lựa chọn, sử dụng dụng cụ ăn phù hợp với hình thức ăn tự chọn.

*Thời gian:* Có thể tổ chức hoạt động ăn tự chọn mỗi tháng một lần hoặc tổ chức trong các ngày hội, ngày lễ của trường.

*Đối tượng:* Trẻ mẫu giáo nhỏ, mẫu giáo lớn.

*Hình thức:* Tổ chức ăn theo lớp, theo khối hoặc toàn trường.

*Chuẩn bị:*

- Đồ dùng, dụng cụ bày thức ăn: khăn trải bàn, bàn, khay, đĩa, bát,...
- Đồ dùng trẻ ăn: đĩa, bát, thìa, của trẻ, bàn, ghế ngồi,...
- Địa điểm: Phù hợp với quy mô tổ chức (trong lớp, ngoài sân,...); bàn bày thức ăn đặt ở trung tâm, rộng, dễ quan sát món ăn, dễ lấy đồ ăn; bàn ghế trẻ ngồi ăn bày đủ cho số trẻ, không quá xa chỗ lấy thức ăn.
- Món ăn: món ăn phong phú, đủ chất dinh dưỡng, phù hợp với trẻ, trình bày món ăn thu hút trẻ.

*Tổ chức:*

- Cho trẻ vệ sinh trước khi ăn, tổ trực nhật cùng GV sắp xếp món ăn, bàn ăn, đồ dùng, dụng cụ ăn.
- GV cho trẻ đi tham quan bàn bày thức ăn, cho trẻ quan sát, giới thiệu các món ăn, trò chuyện với trẻ về kỹ năng, các nguyên tắc ăn, cách lấy đồ ăn văn minh khi ăn tự chọn.
- Cho trẻ lấy đồ ăn theo ý thích; GV quan sát, động viên, nhắc nhở, giúp đỡ

khi trẻ cần.

- Kết thúc hoạt động ăn, GV cùng trẻ thu dọn và sắp xếp đồ dùng, dụng cụ gọn gàng. Cho trẻ vệ sinh cá nhân sau khi ăn.

### **\* Bữa ăn gia đình**

*Ý nghĩa:* Tạo không khí hoạt động ăn tại lớp ấm cúng như gia đình; rèn trẻ kỹ năng sử dụng một số đồ dùng trong gia đình: bát sứ, đĩa, ... biết cách bảo quản đồ dùng dễ vỡ; biết cách phối hợp cùng GV và các bạn cùng bày bàn ăn cho bữa ăn gia đình.

*Đối tượng:* Trẻ mẫu giáo lớn, nhỏ.

*Thời gian:* Tuỳ theo điều kiện thực tế, mục tiêu rèn kỹ năng từng giai đoạn của trẻ mà nhà trường đặt ra. Để đạt được hiệu quả cao giúp trẻ thành thực các kỹ năng nên tổ chức trong cả tuần (1 tuần/tháng).

*Chuẩn bị:*

- Đồ dùng dụng cụ tổ chức cho trẻ ăn: bát, đĩa sứ các loại (bát ăn cơm, canh, ...), đĩa, thìa, bàn ăn, khăn trải bàn (nếu có). Cố gắng chuẩn bị đồ dùng, dụng cụ ăn giống như ở gia đình nhưng chú ý kích cỡ cần phù hợp với trẻ.
- Địa điểm: trong lớp học, phòng tổ chức hoạt động ăn, ...
- Món ăn: theo thực đơn của nhà trường, cách chế biến phù hợp với trẻ và phù hợp với hình thức ăn gia đình.

*Tổ chức:*

- Cho trẻ vệ sinh trước khi ăn, tổ trực nhật cùng GV sắp xếp bàn ăn, đồ dùng, dụng cụ ăn, chia ăn cùng giáo viên, bày bàn ăn.
- GV trò chuyện với trẻ về món ăn, các nguyên tắc khi sử dụng, đồ dùng, dụng cụ ăn, giáo dục kỹ năng biết chia sẻ thức ăn khi ăn trong một bàn ăn, mời cơm trước khi ăn.
- Trẻ ăn, GV bao quát, quan sát, động viên khích lệ trẻ ăn văn minh, vệ sinh và ăn đủ chất dinh dưỡng.
- Kết thúc hoạt động ăn gia đình, GV cùng trẻ cất, dọn sắp xếp đồ dùng, dụng cụ; cho trẻ lần lượt vệ sinh cá nhân sau khi ăn.

### **\* Ăn bằng khay**

*Ý nghĩa:* Giúp trẻ làm quen với một hình thức ăn mới, rèn kỹ năng tự phục vụ, tạo thói quen văn minh xếp hàng lấy khay ăn, chuẩn bị tâm thế vào lớp 1.

*Đối tượng:* Trẻ mẫu giáo bé, mẫu giáo nhỏ, mẫu giáo lớn.

*Thời gian:* Tuỳ theo điều kiện CSVN thực tế, mục tiêu rèn kỹ năng từng giai đoạn của trẻ mà nhà trường đặt ra.

*Chuẩn bị:*

- Đồ dùng, dụng cụ tổ chức cho trẻ ăn: khay, đĩa, thìa, bát chia canh, bàn ăn, khăn trải bàn (nếu có), kích cỡ cần phù hợp với trẻ.
- Địa điểm: trong lớp học, phòng tổ chức hoạt động ăn, ...

- Món ăn: Theo thực đơn của nhà trường.

**Tổ chức:**

- Cho trẻ vệ sinh trước khi ăn, tổ trực nhật cùng giáo viên sắp xếp bàn ăn, đồ dùng, dụng cụ ăn, đĩa, thìa...
- GV trò chuyện với trẻ về món ăn, các nguyên tắc khi sử dụng, đồ dùng, dụng cụ ăn, giáo dục kỹ năng tự phục vụ, xếp hàng lần lượt lấy khay ăn.
- Trẻ ăn, GV bao quát, quan sát, động viên khích lệ trẻ ăn văn minh, vệ sinh và ăn hết suất.
- Kết thúc hoạt động ăn, GV cùng trẻ cất, dọn sắp xếp khay, đồ dùng, dụng cụ; cho trẻ lần lượt vệ sinh cá nhân sau khi ăn.

**(iii) Tổ chức bữa ăn thân thiện, kích thích trẻ ăn ngon miệng**

GV luôn tạo bầu không khí vui vẻ, gần gũi, thân thiện để luôn luôn tạo cho trẻ cảm giác thoải mái trong quá trình ăn uống.

Thực hiện cho trẻ ăn đúng theo thực đơn của nhà trường, trước khi ăn GV chuẩn bị đầy đủ cho từng trẻ như: bát, thìa được sấy khô hoặc nhúng vào nước sôi hoặc phơi nắng khô sạch. Mỗi bàn GV để một đĩa đựng cơm rơi và một đĩa để khăn lau ướt, trước khi chia ăn cô rửa tay sạch đầu tóc gọn gàng, GV chia cơm và thức ăn vào từng bát cho trẻ và giới thiệu món ăn, giáo dục dinh dưỡng cho trẻ. Luôn chú ý động viên trẻ ăn hết suất, quan tâm hơn đến những trẻ mới ốm dậy, trẻ ăn chậm, ăn yếu, động viên khích lệ trẻ ăn hết suất. Khi tổ chức bữa ăn cho trẻ luôn rèn cho trẻ các thói quen vệ sinh văn minh trong ăn uống như (không làm rơi cơm, xúc ăn gọn gàng, không vừa ăn vừa nói chuyện). Cho trẻ uống nước đầy đủ sau khi ăn, mùa đông có nước ấm và kiểm tra xem có trẻ ngậm cơm hoặc thức ăn không để tránh trẻ bị sặc cơm hoặc thức ăn.

**Trường hợp minh họa 1**

**Thực đơn tuần/ tháng và tổ chức bữa ăn cho trẻ của trường MN A.S**

Trường MN A.S xây dựng thực đơn phong phú theo tuần, theo mùa đảm bảo lượng calo và tỉ lệ cân đối các chất theo quy định. Sử dụng các nguồn thực phẩm đa dạng trong chế biến các món ăn cho trẻ (Có 10 đến 18 loại thực phẩm/ngày). Cụ thể:

**THỰC ĐƠN CỦA BÉ**

**TUẦN 1+3**

THỨ	BỮA CHÍNH TRƯA	BỮA CHÍNH CHIỀU	
		MẪU GIÁO	NHÀ TRẺ
<b>Hai</b>	Cơm trắng Trứng cút kho thịt Canh rau cải bó xôi nấu thịt Tráng miệng: Dưa hấu	Bún riêu cua Sữa V	Cơm trắng Thịt gà, lợn om nấm Canh cải bắp nấu thịt (Hoặc Cháo thịt củ dền đỏ) Sữa O



<b>Ba</b>	Cơm trắng Tôm tươi rim thịt Canh củ quả thập cẩm Tráng miệng: Thanh long	Xôi thịt kho tàu Sữa V	Cơm trắng Giá xào thịt bò Canh thịt nấu chua (Hoặc Cháo gà nấu rau cải) Sữa O
<b>Tư</b>	Cơm trắng Đậu Nhật sốt thịt cà chua Canh mồng tơi nấu thịt Tráng miệng: Chuối	Cháo tôm thịt bí đỏ Sữa V	Cháo tôm thịt bí đỏ Sữa O
<b>Năm</b>	Thịt bò, lợn xào thập cẩm Canh thịt nấu chua Tráng miệng: Đu đủ	Phở gà Sữa V	Cháo chim câu đậu xanh Sữa O
<b>Sáu</b>	Cơm trắng Cá trắm sốt thịt cà chua Canh rau cải ngọt nấu thịt Tráng miệng: Chuối	Bánh Skin TH2 Sữa V	Cơm trắng Trứng, thịt đảo bông Canh rau củ quả nấu thịt (Hoặc Cháo thịt bò rau củ) Sữa O

THỰC ĐƠN CỦA BÉ

TUẦN 2+4

THỨ	BỮA CHÍNH TRƯA	BỮA CHÍNH CHIỀU	
		MẪU GIÁO	NHÀ TRẺ
<b>Hai</b>	Cơm trắng Thịt gà, lợn om nấm Canh cua mồng tơi Tráng miệng: Dưa hấu	Phở bò Sữa V	Thịt sốt cà chua Canh rau cải nấu thịt (Hoặc cháo ngao rau cải) Sữa O
<b>Ba</b>	Cơm trắng Thịt lợn kho tàu Canh bí hầm xương Tráng miệng: Chuối	Cháo cá hồi đậu xanh bí đỏ Sữa V	Cháo cá hồi đậu xanh bí đỏ Sữa O
<b>Tư</b>	Cơm trắng Lươn om thịt Canh rau cải nấu thịt Tráng miệng: Xoài	Nui sốt thịt bò, thịt lợn Sữa V	Thịt bò sốt cà chua Canh rau cải bắp nấu thịt (Hoặc cháo thịt) Sữa O

<b>Năm</b>	Cơm trắng Nhân nem xào thịt bò, lợn Canh cá nấu chua Tráng miệng: Thanh long	Xôi ruốc thịt Sữa V	Thịt lợn chung trứng Canh su hào, cà rốt nấu thịt (Hoặc Cháo thịt) Sữa O
<b>Sáu</b>	Cơm trắng Tôm tươi rim thịt Canh cải nấu thịt Tráng miệng: Sữa chua	Bánh Skin TH2 Sữa đậu nành	Cháo sườn hành mùi Sữa đậu nành

Hàng tháng các con đều được tham dự tiệc Buffet với thực đơn là các món ăn trẻ yêu thích, do bếp nhà trường tự chế biến, đảm bảo an toàn và chất lượng các món ăn như: Súp ngô non, Salat Nga, nem hải sản, cơm rang, mì Spaghetty, gà tấm bột chiên giòn, thịt xiên, tôm tấm bột, phồng tôm, xúc xích, khoai tây chiên, dưa hấu, thanh long, nước cam.

Ngoài ra, nhà trường còn tổ chức ngày hội ẩm thực 2 lần/năm cho các con. Trong ngày hội này, các con được cùng các cô trải nghiệm tập làm các món ăn đơn giản như: Bánh trôi, bánh dẻo, nem rán, pha nước quả, làm salat ...thông qua đó trẻ được học thêm về kỹ năng sống, kỹ năng giao tiếp và được thưởng thức các món ăn do chính tay mình làm ra. Ngày hội ẩm thực còn là một sân chơi giúp trẻ mở rộng hiểu biết về thế giới xung quanh và truyền thống văn hóa của Việt Nam.

## **Trường hợp minh họa 2. Thực đơn tổ chức bữa ăn cho trẻ của trường MN QT**

Trường MN QT xây dựng thực đơn đảm bảo calo, các món ăn không bị lặp lại trong tuần. Sử dụng đa dạng các nguồn thực phẩm sẵn có tại địa phương Cụ thể:

### **THỰC ĐƠN CỦA BÉ**

THỨ	BỮA CHÍNH SÁNG		BỮA CHÍNH CHIỀU	
	MẪU GIÁO	NHÀ TRẺ	MẪU GIÁO	NHÀ TRẺ
<b>Hai</b>	Cơm trắng Thịt trứng cắt kho tàu Canh rau ngọt thịt Tráng miệng: Chuối chín	Cháo sườn đậu xanh Tráng miệng: Chuối chín	Cháo vịt rau củ	Cháo vịt rau củ Sữa chua
<b>Ba</b>	Cơm trắng	Cháo lươn rau củ	Xôi gấc	Cháo sườn đậu xanh

	Cá thu rim + Muối lạc vùng  Canh bí xanh hầm xương  Tráng miệng: Thanh long	Tráng miệng: Thanh long		Bánh gạo
<b>Tư</b>	Com trắng Tôm rim gác Canh tôm rau cải Tráng miệng: Dưa hấu	Cháo tôm rau cải Tráng miệng: Dưa hấu	Sữa bột + Bánh mỳ	Cháo thịt cà rốt Sữa bột + Bánh mỳ
<b>Năm</b>	Com trắng Thịt ngan(gà) nấu nấm Canh tép rau mồng tơi Tráng miệng: Dưa hấu	Cháo ngan đậu xanh Tráng miệng: Xoài chín	Miến ngan	Miến ngan Sữa chua
<b>Sáu</b>	Com trắng Thịt đậu phụ sốt cà chua Canh tép rau mồng tơi Tráng miệng: Chuối chín	Cháo chim hạt sen Tráng miệng: Chuối chín	Sữa bột + Bánh mỳ	Cháo vịt rau củ Sữa bột + Bánh mỳ

### 3.1.2. Chăm sóc giấc ngủ của trẻ em phù hợp với độ tuổi

a) *Mục đích:* Giúp tổ chức tốt giấc ngủ cho trẻ, tạo cho trẻ cảm giác an toàn, thoải mái trong quá trình ngủ

b) *Tiến hành:*

Đảm bảo trẻ ngủ theo nhu cầu độ tuổi, cụ thể:

- Trẻ từ 3 đến 12 tháng ngủ 3 giấc, mỗi giấc khoảng 90 - 120 phút.
- Trẻ từ 12 đến 18 tháng ngủ 2 giấc, mỗi giấc khoảng 90 - 120 phút.
- Trẻ từ 18 đến 36 tháng ngủ 1 giấc trưa khoảng 150 phút.
- Trẻ mẫu giáo ngủ 1 giấc khoảng 150 phút.

*Trước giờ ngủ:*

- GV chuẩn bị các phòng nhóm gọn gàng sạch sẽ, thoáng mát vào mùa hè, ấm áp vào mùa đông. Phòng ngủ được kéo rèm, tắt điện để đảm bảo giấc ngủ cho trẻ. GV trải

chiều, đệm, cho trẻ tự lấy gối, tạo cho trẻ có thói quen tốt tự phục vụ bản thân. GV nhắc và tạo thói quen cho trẻ đi vệ sinh, mùa đông cởi bớt quần áo.

- Bố trí không gian êm dịu, thoáng mát về mùa hè, ấm áp về mùa đông, có nhạc nhẹ, các bài hát ru cho trẻ ngủ.

*Trong khi trẻ ngủ:*

Để trẻ có giấc ngủ ngon, ngủ đúng giờ và ngủ sâu giấc. GV mở nhạc những bài hát ru, dân ca êm dịu hoặc GV hát ru cho trẻ nghe, với những trẻ khó ngủ, ngủ ít cô gần gũi vỗ về trẻ giúp trẻ dễ ngủ hơn. Trong giờ ngủ GV quan sát theo dõi kịp thời xử lý những tình huống có thể xảy ra.

### **Trường hợp minh họa 1:**

#### **Chăm sóc giấc ngủ của trẻ em phù hợp với độ tuổi ở trường MN A.S**

- Nhà trường trang bị đầy đủ các điều kiện cơ sở vật chất phục vụ giờ ngủ cho các con như: điều hòa, quạt, giường bạt, chăn, gối...

- Phòng ngủ luôn đảm bảo thoáng khí, tạo không gian ấm áp về mùa đông, mát mẻ về mùa hè. Sử dụng điều hòa hợp lý, có điều chỉnh nhiệt độ kịp thời, phù hợp thời tiết.

- GV tạo cho trẻ thói quen tự phục vụ, tự lấy gối, cởi bớt áo ngoài (mùa đông) trước khi đi ngủ. Sắp xếp vị trí nằm đủ rộng, phân chia nam nữ riêng biệt. Tổ chức một số hoạt động tĩnh trước giờ ngủ như: nghe đọc truyện, đọc thơ, nghe nhạc không lời, băng hát ru hoặc GV hát ru... để đưa trẻ vào giấc ngủ nhẹ nhàng.

- Đối với trẻ nhà trẻ hoặc trẻ mới đi học, GV vỗ về âu yếm (có thể cho trẻ ôm thú nhồi bông, gối nhỏ mà trẻ thích mang từ nhà đến lớp để trẻ dễ ngủ hơn). Với trẻ khó ngủ, có thể cho trẻ nằm riêng gần GV để trẻ yên tâm và thuận tiện cho cô chăm sóc trẻ, không ảnh hưởng đến trẻ khác.

- Đảm bảo có 2 GV luân phiên trực trưa. Trong quá trình trẻ ngủ, GV luôn bao quát, chăm sóc giấc ngủ cho trẻ: Sửa tư thế nằm của trẻ, kéo chăn... và đặc biệt là quan sát sắc mặt của trẻ khi ngủ để đảm bảo trẻ có giấc ngủ ngon, ngủ sâu và phát hiện, xử lý kịp thời các tình huống có thể xảy ra.

- Trẻ ngủ dậy, GV cho trẻ nghe nhạc nhẹ nhàng để tỉnh ngủ. Tập các động tác vận động như Yoga giúp trẻ thay đổi trạng thái, chuyển hoạt động một cách từ từ. GV giúp trẻ sửa lại tư thế, quần áo, buộc tóc gọn gàng để trẻ có tâm thế tốt chuẩn bị tham gia các hoạt động buổi chiều. Duy trì cho trẻ các thói quen tự phục vụ: Cất giường bạt, gối, mặc thêm áo (mùa đông)...

## **Trường hợp minh họa 2: Chăm sóc giấc ngủ của trẻ em phù hợp với độ tuổi ở trường MN QT**

- Nhà trường tham mưu với UBND huyện QX đầu tư cơ sở vật chất cho tối thiểu trẻ ngủ như: quạt, chăn, gối, chiếu, chăn, gối...

- Phòng ngủ sạch sẽ, thoáng đãng

- GV giúp trẻ có thói quen tự phục vụ, tự lấy gối, cởi bớt áo ngoài (mùa đông) trước khi đi ngủ. Sắp xếp vị trí nằm phù hợp, phân chia nam nữ. GV hát ru cho trẻ ngủ

- Quá trình trẻ ngủ, GV bao quát, chăm sóc trẻ ngủ: Sửa tư thế nằm của trẻ đảm bảo trẻ ngủ ngon giấc

- Trẻ ngủ dậy GV cho trẻ trực nhật cất đồ dùng. Tổ chức các hoạt động cho trẻ đi vệ sinh, chỉnh sửa đầu tóc, quần áo. Cho trẻ chơi các trò chơi vận động hoặc vận động theo lời bài hát để giúp trẻ tỉnh ngủ.

*Sau giờ ngủ:*

Trẻ nào thức dậy trước GV cho dậy trước, không đánh thức trẻ, GV kéo dèm từ từ, bật điện phòng ngủ để trẻ tự dậy, sau khi trẻ dậy GV cho trẻ tập 1 số động tác nhẹ nhàng, cho trẻ giúp GV cất gối.

Việc tổ chức tốt giờ ngủ trưa cho trẻ ở trường MN giúp trẻ phát triển thể chất, nhận thức và cảm xúc ở trẻ. Trẻ được ngủ đủ giấc sẽ có tinh thần thoải mái thích tham gia vào các hoạt động, tiếp thu bài tốt hơn, từ đó góp phần phát triển toàn diện cho trẻ.

Tuy nhiên trong quá trình trẻ ngủ, GV cần dựa vào đặc điểm cá nhân của trẻ giúp trẻ thích nghi với chế độ ngủ ở trường. Với những trẻ khó ngủ hay có những đặc điểm đặc biệt như ốm, ho thì GV cần quan tâm và có những biện pháp riêng như cho trẻ ngủ gần GV, hay cho trẻ ngủ phòng riêng để không ảnh hưởng đến các bạn trong lớp. Ví dụ: Những trẻ yếu hoặc có nhu cầu ngủ nhiều nên cho ngủ trước. Những trẻ hay quấy khóc, chưa quen với nền nếp GV dỗ trẻ hoặc cho trẻ ngủ riêng.

Mặt khác, GV cần cho trẻ ngủ đúng giờ quy định, GV nhẹ nhàng đưa trẻ vào giấc ngủ trong khi trẻ ngủ GV luôn quan sát trẻ ngủ, sửa tư thế ngủ cho trẻ, không để trẻ nằm sấp khi ngủ, thường xuyên quan sát sắc mặt trẻ khi ngủ, khi có biểu hiện khác thường ở trẻ để GV có biện pháp xử lý kịp thời.

### **3.1.3. Chăm sóc vệ sinh cá nhân và vệ sinh môi trường (Đảm bảo an toàn cho trẻ em, phát triển vận động, thể dục, thể thao)**

*a) Mục đích:*

Giúp trẻ có thói quen vệ sinh cá nhân và vệ sinh môi trường trong sinh hoạt hàng ngày từ đó chủ động chăm sóc bản thân và có kỹ năng vệ sinh môi trường.

*b) Cách tiến hành:*

*Vệ sinh cá nhân trẻ:*

Đảm bảo vệ sinh cá nhân. Có tủ đựng đồ dùng cá nhân, áo đồng phục cho cá nhân trẻ (ý này em thấy chưa mang tính phổ biến), mỗi trẻ có 2 khăn lau mặt, khăn thấm mồ hôi...

Tăng cường các biện pháp đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm như kiểm tra thường xuyên các dụng cụ phục vụ trẻ ăn (bát, đĩa, thìa) bằng dung dịch Flolol lần/tuần. (ý này theo em chuyển lên mục tổ chức cho trẻ ăn).

Giữ sạch nguồn nước đảm bảo chất lượng nước (6 tháng kiểm định chất lượng sinh hóa nước/ lần, kiểm định lý hóa nước 1 năm/lần ) và xử lý rác, nước thải, nước mưa đúng qui định đảm bảo vệ sinh môi trường.

Đặc biệt chú trọng công tác đảm bảo vệ sinh an toàn cho trẻ và phòng chống các dịch bệnh: Duy trì thường xuyên có chất lượng các nề nếp vệ sinh cá nhân, cho trẻ súc miệng nước muối sau ăn, vệ sinh đồ dùng, đồ chơi, vệ sinh môi trường. Các đợt dịch bệnh: tăng cường vệ sinh, tẩy trùng các đồ dùng đồ chơi, vật dụng bằng Cloramin B và xà phòng thông thường. Tăng cường nhỏ mũi, rửa tay bằng nước sát khuẩn trong những đợt dịch bệnh.

GV chú ý quần áo tay chân trẻ luôn được sạch sẽ, rèn thói quen vệ sinh cá nhân, rèn kỹ năng rửa tay, lau mặt cho trẻ thường xuyên hàng ngày (hàng ngày giặt khăn bằng xà phòng và phơi nắng, một tuần tẩy khăn bằng nước sôi một lần vào cuối tuần). Hướng dẫn trẻ có thể tự vệ sinh hàng ngày. Bên cạnh đó lớp học luôn được vệ sinh sạch sẽ, thường xuyên lau chùi dọn dẹp, sắp xếp đồ chơi gọn gàng vừa tầm với của trẻ, không để đồ chơi cao mất an toàn với trẻ.

#### *Vệ sinh môi trường*

#### ***Trường hợp minh họa 1:***

#### ***Chăm sóc vệ sinh cá nhân và vệ sinh môi trường (Đảm bảo an toàn cho trẻ em, phát triển vận động, thể dục, thể thao) ở trường MN A.S***

- Nhà trường duy trì tổng vệ sinh theo lịch hàng tuần. Đồng chí lao công luôn đảm bảo vệ sinh ngoại cảnh sạch sẽ hàng ngày. GV các lớp thường xuyên vệ sinh trong và ngoài lớp trước khi đón trẻ, đảm bảo môi trường trong và ngoài lớp luôn thoáng và sạch sẽ.

- Vệ sinh cá nhân: GV các lớp luôn duy trì đảm bảo vệ sinh cá nhân cho trẻ: Rửa tay đúng cách trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh và khi tay bẩn. Duy trì các thói quen vệ sinh văn minh trong ăn uống như lau miệng, súc miệng nước muối...Giáo viên luôn bao quát, chăm sóc trẻ kịp thời như: Thay quần áo khi mồ hôi, mặc thêm áo ấm khi ra ngoài trời hay cởi bớt áo khi trẻ vận động bị nóng...GV thường xuyên vệ sinh các đồ dùng cá nhân cho trẻ như: Cốc, khăn mặt....đảm bảo các đồ dùng trẻ sử dụng luôn được sạch sẽ.

- 100% trẻ được tham gia hoạt động “phút thể dục giữa giờ” hàng ngày, giúp trẻ được phát triển thể chất, cơ thể dẻo dai, khỏe mạnh.

- Đối với các trẻ béo phì, GV thường xuyên quan tâm, tăng cường vận động cho trẻ từ 15 - 25 phút mỗi ngày. Với trẻ suy dinh dưỡng, GV cũng có các bài tập Yoga nhẹ nhàng giúp trẻ thư giãn thoải mái, phát triển thể chất giúp trẻ nhanh nhẹn, ăn uống ngon miệng hơn.

- Hàng năm, nhà trường tổ chức “Ngày hội thể dục thể thao” cho 100% trẻ. Với các bài tập thể dục vận động theo nhạc vui nhộn, các trò chơi vận động phù hợp

*lứa tuổi, cùng với sự hướng dẫn của các cô đã giúp trẻ mạnh dạn, tự tin, phát triển thể lực tốt và tích cực tham gia các hoạt động.*

*- Ngoài ra, trường còn tổ chức cho trẻ tham gia các trò chơi dân gian, trò chơi vận động, tổ chức thi đua, giao lưu các khối trong các ngày lễ hội giúp trẻ giải phóng được năng lượng từ đó phát triển tối đa các tố chất thể lực: nhanh, mạnh, bền, khéo, dẻo.*

*- Nhà trường thường xuyên rà soát các yếu tố gây TNTT cho trẻ tại các lớp và hệ thống đồ chơi ngoài trời để sửa chữa, bổ sung kịp thời, đảm bảo an toàn tuyệt đối cho trẻ khi chơi. Thực hiện bếp ăn một chiều và giao nhận thực phẩm đúng thành phần, đảm bảo vệ sinh ATTP khi chế biến món ăn cho trẻ, góp phần đảm bảo an toàn về mọi mặt cho trẻ khi đến trường.*

Đảm bảo vệ sinh môi trường trong toàn trường; vệ sinh lớp học, đồ dùng, đồ chơi, các dụng cụ phục vụ sinh hoạt hàng ngày của trẻ.

***Trường hợp minh họa 2: Chăm sóc vệ sinh cá nhân và vệ sinh môi trường (Đảm bảo an toàn cho trẻ em, Phát triển vận động, thể dục, thể thao) ở trường MN QT***

*- Trường MN 20/10 tuyên truyền đầy đủ các văn bản về công tác đảm bảo an toàn cho trẻ tới 100% CB, GV, NV và cha mẹ trẻ. Yêu cầu GV ký cam kết không vi phạm đạo đức nhà giáo. Thường xuyên kiểm tra đột xuất các hoạt động ND, CS, GD của GV.*

*- Tham mưu với UBND huyện xây tường rào, hệ thống cổng kiên cố cho trường. Thường xuyên rà soát các yếu tố gây TNTT cho trẻ tại các lớp và hệ thống đồ chơi ngoài trời. Thực hiện bếp ăn một chiều mua thực phẩm tại các nơi có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng. Duy trì vườn rau sạch để tăng cường rau xanh trong các bữa ăn của trẻ.*

*- Phối hợp với y tế xã làm tốt công tác phòng chống dịch bệnh (vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường...) tuyên truyền để cha mẹ trẻ thực hiện công tác tiêm chủng mở rộng.*

*- Nhà trường duy trì tổng vệ sinh theo lịch hàng tuần. GV thường xuyên vệ sinh trong lớp, hành lang, khu vực sân chơi của trẻ*

*- Vệ sinh cá nhân: GV các lớp luôn duy trì đảm bảo vệ sinh cá nhân cho trẻ: Rửa tay đúng cách trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh và khi tay bẩn. GV thường xuyên vệ sinh các đồ dùng cá nhân cho trẻ như: Cốc, khăn mặt....đảm bảo các đồ dùng trẻ sử dụng luôn được sạch sẽ.*

*- 100% trẻ được tham gia hoạt động thể dục sáng, trò chơi vận động khi hoạt động ngoài trời, các hoạt động phát triển thể lực trong các giờ học thể chất.*

*- Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng và thấp còi cao vì vậy GV phối hợp, hướng dẫn cha mẹ trẻ tăng cường dinh dưỡng cho trẻ trong các bữa ăn tại gia đình.*

*- Nhà trường tổ chức đa dạng các trò chơi dân gian của địa phương, các trò chơi vận động cho trẻ tham gia các hoạt động lao động tập thể ở sân trường để trẻ có thể lực tốt.*

CB, GV NV rà soát, loại bỏ các yếu tố, nguy cơ gây TNTT cho trẻ ở trong và ngoài lớp học. Phối hợp với lực lượng y tế tổ chức tiêm phòng cho trẻ. Cân đo, khám sức khỏe theo định kỳ (3 lần/năm). Xử lý các trường hợp trẻ gặp bất thường về sức khỏe tại cơ sở GDMN. Vệ sinh môi trường và triển khai các biện pháp phòng dịch theo quy định (dịch Covid-19, sốt xuất huyết, tay chân miệng, đau mắt đỏ...). Các CSGDMN cần nghiêm túc rà soát các điều kiện đảm bảo an toàn theo bảng kiểm CSGDMN an toàn, phòng, chống tai nạn thương tích (Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2021/TT-BGDĐT ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Bên cạnh đó, nhà trường cần thiết lập thông tin liên lạc điện tử trao đổi với phụ huynh hàng ngày hoặc hàng tuần về sức khỏe của trẻ. Nếu có thông tin bất thường thì GV cần thông tin ngay cho cha mẹ để cùng chăm sóc tốt sức khỏe cho trẻ. Vì vậy, nhà trường cần gửi các thông tin về sức khỏe trẻ thông qua sổ liên lạc hoặc sổ theo dõi sức khỏe của trẻ để cha mẹ trẻ cùng theo dõi và cùng có biện pháp khắc phục nếu sức khỏe của trẻ chưa đảm bảo.

**Hoạt động 5. Phân tích biện pháp quản trị hoạt động giáo dục trẻ ở CSGDMN theo hướng tăng cường tự chủ và trách nhiệm giải trình**

**Thời lượng:** 01 tiết lý thuyết, 02 tiết thực hành

**Mục tiêu:** Báo cáo kết quả thảo luận nhóm về các trường hợp nghiên cứu về biện pháp quản trị hoạt động giáo dục trẻ ở CSGDMN, so sánh mức tự chủ về quản trị hoạt động giáo dục của các trường hợp minh họa với cơ sở giáo dục nơi học viên đang công tác.

**Chuẩn bị:** Phiếu giao nhiệm vụ, bút, giấy

**Tổ chức hoạt động:** Theo phiếu giao nhiệm vụ số 5

<b>PHIẾU GIAO NHIỆM VỤ SỐ 5</b>		
<i>Thảo luận nhóm về các trường hợp nghiên cứu về biện pháp quản trị hoạt động giáo dục trẻ ở CSGDMN, so sánh mức tự chủ về quản trị hoạt động giáo dục của các trường hợp minh họa với cơ sở giáo dục nơi học viên đang công tác.</i>		
<b>Nội dung</b>	<b>Mức tự chủ (Mô tả và xếp loại: Chưa đạt/Đạt/Khá/Tốt)</b>	
	<b>Trường hợp minh họa</b>	<b>CSGDMN nơi học viên công tác</b>
<b>1. Xây dựng Chương trình giáo dục</b>		
<b>2. Hoạt động giáo dục trẻ</b>		



<b>3. Trách nhiệm giải trình</b>			

## THÔNG TIN PHẢN HỒI

### 3.2. Biện pháp quản trị hoạt động giáo dục trẻ em ở cơ sở giáo dục mầm non theo hướng tăng cường tự chủ và trách nhiệm giải trình

#### 3.2.1. Phát triển chương trình giáo dục trong cơ sở giáo dục mầm non

*Mục đích:* Giúp các CSGDMN chủ động và thực hiện có hiệu quả Chương trình GDMN đáp ứng với yêu cầu đổi mới hiện nay và nhu cầu của xã hội về GDMN hướng đến phát triển toàn diện, phát triển những năng lực cơ bản ở trẻ để trẻ có thể thích ứng tốt với cuộc sống.

*Tiến hành:*

*a) Bước 1: Phân tích tình hình của nhà trường và xu hướng phát triển Chương trình hiện nay*

Đánh giá thực tế phát triển chương trình giáo dục nhà trường là một khâu rất quan trọng nhằm định hướng sự phát triển chương trình. Phân tích đánh giá tình hình, bao gồm đánh giá chương trình hiện hành xem nó có ưu, nhược điểm gì; kết quả thực hiện nó như thế nào; điều kiện thực hiện chương trình trong và ngoài nhà trường; nhu cầu của xã hội đang quan tâm đến vấn đề gì; nhu cầu và sự phát triển, sự tiến bộ của Học viên, ... để xây dựng nên mục tiêu của chương trình.

Trong bước này CBQL và các GVMN cần thu thập đầy đủ các thông tin làm căn cứ cho việc xây dựng chương trình. Cụ thể là: đặc điểm tình hình của trường lớp, số lượng lớp, số lượng trẻ/1 lớp, số lượng cô và trình độ của họ, đặc điểm phát triển của trẻ, điều kiện văn hóa, kinh tế, xã hội nơi trẻ đang sống, những thuận lợi và khó khăn.

Bên cạnh đó mỗi nhà trường cần xác định rõ triết lý, định hướng nhà trường mình theo xu hướng phát triển nào, theo tiếp cận nào để có cơ sở phát triển chương trình.

Trên cơ sở đó xác định cách tiếp cận và hình thức thiết kế chương trình giáo dục của trường/địa phương mình. Các cách tiếp cận có thể là: tiếp cận chủ đề, sự kiện, dự án... dựa trên các quan điểm giáo dục tiên tiến. VD: Quan điểm, giáo dục lấy trẻ làm trung tâm, “Học bằng chơi, chơi mà học“,...

Vận dụng các phương pháp giáo dục tiên tiến trong việc quản lý phát triển chương trình.

*b) Bước 2: Xác định mục tiêu, nội dung*

\* Xác định mục tiêu: CBQL kiểm tra việc xác định mục tiêu chương trình giáo dục nhà trường cần dựa trên các căn cứ sau:

- Kết quả mong đợi theo từng lĩnh vực cuối mỗi độ tuổi trong Chương trình GDMN.
- Định hướng, mục tiêu phát triển của CSGDMN, chỉ đạo chuyên môn của ngành học theo các giai đoạn.
- Năng lực, thể mạnh của đội ngũ CBQL, GV, điều kiện CSVC, văn hóa địa phương.
- Khả năng, nhu cầu, hứng thú của trẻ.

- Xác định mục tiêu giáo dục bổ sung hoặc nâng cao, chuyên sâu của nhà trường.

Ngoài những mục tiêu của Chương trình GDMN quốc gia, mỗi nhà trường đều có thể bổ sung thêm mục tiêu nâng cao, chuyên sâu cho mỗi nhà trường. Vì vậy, Ban Giám hiệu định hướng lĩnh vực phát triển nào trong chương trình sẽ được nhà trường bổ sung hoặc nâng cao, chuyên sâu hơn so với kết quả mong đợi trong chương trình GDMN, nhằm duy trì phát triển thương hiệu nhà trường, phù hợp điều kiện năng lực Ban Giám hiệu, GV, CSVC... (VD: Lĩnh vực nâng cao có thể là nghệ thuật, phát triển thể lực, phát triển ngôn ngữ, phát triển nhận thức, phát triển tình cảm-kĩ năng xã hội). Tuy nhiên, không nên ôm đồm quá nhiều nội dung nâng cao làm cho trẻ mệt mỏi và giáo viên bị nhiều áp lực về công việc.

- Cụ thể hóa những mục tiêu giáo dục bổ sung hoặc nâng cao, chuyên sâu của nhà trường theo độ tuổi đã được xác định ở trên.

- Duyệt nội bộ trong nhà trường về mục tiêu giáo dục cả năm của từng độ tuổi. Chính thức hóa các mục tiêu này trong nhà trường để triển khai thực hiện tại các khối lớp. Các mục tiêu phải có sự liên thông giữa các độ tuổi theo hướng đồng tâm phát triển.

*\* Xác định nội dung giáo dục*

Căn cứ vào mục tiêu chương trình để xác định nội dung giáo dục phù hợp. Căn cứ lựa chọn nội dung giáo dục:

- Khung thời gian thực hiện chương trình (35 tuần/ năm)

- Mục tiêu năm học

- Nội dung giáo dục trong Chương trình GDMN

- Căn cứ các mục tiêu bổ sung, nâng cao, chuyên sâu để nhà trường xác định thêm các nội dung ngoài nội dung trong Chương trình GDMN.

Từ đó, mỗi nhà trường có thể phân cấp quản lý phát triển chương trình: Ban Giám hiệu góp ý, phê duyệt nội dung chương trình giáo dục theo năm học do Tổ khối chuyên môn, GV thực hiện. Căn cứ vào mục tiêu giáo dục của lĩnh vực, GV lựa chọn, liệt kê các nội dung, hoạt động (hoạt động học và các hoạt động khác ) phù hợp thực hiện, để đạt được mục tiêu giáo dục của lĩnh vực đó. Một nội dung, hoạt động có thể đáp ứng một hay nhiều mục tiêu và ngược lại.

*c) Bước 3: Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện chương trình*

*i) Lập kế hoạch phát triển chương trình*

- Đánh giá thực trạng công tác xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình GDMN.

- Định hướng đổi mới trong công tác quản lý và xây dựng kế hoạch giáo dục. Định hướng đổi mới trong công tác quản lý và xây dựng kế hoạch giáo dục theo hướng phát triển chương trình tại trường MN.

- CBQL và đội ngũ GV cần hiểu, nắm chắc Chương trình GDMN và có kỹ năng xây dựng Kế hoạch giáo dục phù hợp với điều kiện thực tế của mỗi CSGDMN.

- Ban Giám hiệu định hướng mục tiêu phát triển của nhà trường nâng cao so với mục tiêu kết quả mong đợi trong chương trình nhằm duy trì phát triển thương hiệu nhà trường (Phù hợp điều kiện năng lực Ban Giám hiệu, GV, phụ huynh, CSVC...)

## **Trường hợp minh họa 1. Lập kế hoạch phát triển chương trình**

### **Các biện pháp thực hiện**

- Căn cứ vào kết quả mong đợi của từng độ tuổi trong chương trình GDMN xây dựng mục tiêu chương trình giáo dục. Căn cứ vào điều kiện CSVT, trình độ của GV, căn cứ vào nhu cầu của phụ huynh, khả năng của trẻ để ứng dụng các phương pháp giáo dục tiên tiến một cách phù hợp. Dựa trên các yếu tố thực tế này để xây dựng mục tiêu phát triển riêng của nhà trường.

- Dự kiến các chủ đề, các sự kiện trong năm học để xây dựng nội dung - hoạt động cụ thể từng độ tuổi theo từng lĩnh vực phát triển.

- Xây dựng kế hoạch hoạt động chuyên môn tổ Nhà trẻ, tổ Mẫu giáo bé, tổ Mẫu giáo nhỡ, tổ Mẫu giáo lớn. Trong kế hoạch nêu cụ thể nội dung trọng tâm của từng tháng. Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng GV trong quá trình triển khai thực hiện chương trình.

- Hướng dẫn GV đánh giá trẻ, đánh giá việc thực hiện sau mỗi tháng, đánh giá cuối độ tuổi. Dựa vào kết quả đánh giá để điều chỉnh chương trình giáo dục kịp thời ở giai đoạn sau.

- Thực hiện nghiêm túc, thường xuyên công tác kiểm tra thanh tra. thường xuyên kiểm tra đột xuất, dự giờ đột xuất và có báo trước.

- Thực hiện lồng ghép các phương pháp giáo dục tiên tiến vào chương trình GDMN hiện hành. Nội dung bao gồm:

(a) Tìm hiểu về 3 phương pháp giáo dục Montessori, Steam, Reggio Emilia:

+ Tìm hiểu về đặc điểm/ triết lý của các phương pháp giáo dục.

+ Các nguyên tắc giáo dục, xây dựng môi trường giáo dục của 3 phương pháp.

(b) Tìm hiểu các hoạt động thực hiện trên trẻ của 3 phương pháp.

(c) Lựa chọn các hoạt động phù hợp nhu cầu của trẻ trong nhà trường, trình độ của giáo viên và điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường.

(d) Ứng dụng và thực hiện các hoạt động của các phương pháp trong xây dựng môi trường và tổ chức các hoạt động trên trẻ.

(e) Giải pháp thực hiện:

+ Đánh giá các điều kiện thực hiện chương trình lồng ghép các phương pháp giáo dục tiên tiến với các nội dung: Trình độ tiếp cận của cán bộ quản lý; khả năng tiếp cận và tổ chức hoạt động của GV; nhu cầu và sự quan tâm đồng hành của phụ huynh học sinh.

+ Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng giáo viên thực hiện lồng ghép các phương pháp giáo dục tiên tiến.

+ Xây dựng kế hoạch giáo dục lồng ghép phù hợp vào các hoạt động trong ngày của trẻ.

+ Triển khai thực hiện, tổ chức chuyên đề, dự giờ và rút kinh nghiệm quá trình thực hiện tại các nhóm lớp.

- Kế hoạch các khối lớp được xây dựng theo hướng đồng tâm phát triển, khoa học, sáng tạo, mang tính khả thi cao nhằm đạt được mục tiêu chung của cơ sở giáo dục mầm non.

- Hướng dẫn xây dựng các loại kế hoạch giáo dục: Kế hoạch giáo dục năm, kế hoạch giáo dục tháng/ chủ đề, kế hoạch tháng được thiết kế theo từng tuần và theo chế độ sinh hoạt một ngày của trẻ.

- Ban Giám hiệu trường MN căn cứ trình độ, năng lực kinh nghiệm của GV, có thể cho phép GV có kinh nghiệm xây dựng Kế hoạch giáo dục được chủ động sử dụng giáo án cũ và chỉ điều chỉnh, bổ sung hàng năm nếu thấy cần thiết. Khuyến khích các GV/1 lớp trao đổi và thống nhất 1 Kế hoạch, giáo án. Tạo điều kiện để GV quan sát, tương tác với trẻ nhiều hơn và việc lập kế hoạch sẽ hiệu quả hơn.

- Tăng cường công tác bồi dưỡng GV tiếp cận các phương pháp giáo dục tiên tiến để thiết kế các hoạt động đổi mới hình thức, phương pháp tổ chức nhằm phát huy tối đa sự hứng thú tích cực và khả năng, năng lực của cá nhân trẻ.

**Trường hợp minh họa 2: Phát triển chương trình giáo dục trong cơ sở giáo dục mầm non H.H**

*VD: Xác định mục tiêu giáo dục bổ sung hoặc nâng cao, chuyên sâu của nhà trường: Đây là trích 2 mục tiêu nâng cao so với chương trình của trường MN H.H. Mục tiêu thể hiện sự đồng tâm phát triển từ lứa tuổi 24 – 36 tháng đến 5-6 tuổi.*

**1) b. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe**

<b>Lĩnh vực</b>	<b>24 -36 tháng</b>	<b>3 - 4 tuổi</b>	<b>4 - 5 tuổi</b>	<b>5 - 6 tuổi</b>
<b>i) Phát triển thể chất</b>	<b>* /Thực hiện được một số việc tự phục vụ, giữ gìn sức khỏe</b>	<b>* /Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt</b>		
	<i>Trẻ làm quen với các kỹ năng tự phục vụ và bước đầu thực hiện được một số kỹ năng tự phục vụ đơn giản.</i>	<i>Trẻ bước đầu thực hiện được các kỹ năng tự phục vụ phù hợp với lứa tuổi. Có thể có sự giúp đỡ của người lớn.</i>	<i>Trẻ thực hiện tốt kỹ năng tự phục vụ trong cuộc sống hàng ngày một cách tự giác hoặc khi có sự nhắc nhở của người lớn.</i>	<i>Trẻ chủ động có ý thức tự giác, thực hiện thành thạo các công việc tự phục vụ trong cuộc sống hàng ngày.</i>
<b>ii) Phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội ( và Thẩm mỹ - đối với NT)</b>	<b>* / Nhận biết và biểu lộ cảm xúc với con người và sự vật gần gũi.</b>	<b>* / Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh</b>		
	<i>Trẻ biết thể hiện một số hành động yêu thương với những người thân, cô giáo, bạn bè.</i>	<i>Trẻ có thể sử dụng những lời nói yêu thương và thể hiện các hành động thể hiện tình yêu thương với</i>	<i>Trẻ biết cách thể hiện tình cảm yêu thương với người thân, các sự vật hiện</i>	<i>Trẻ mạnh dạn, chủ động bày tỏ và thể hiện tình yêu thương với mọi người và sự vật hiện tượng xung quanh phù</i>

		<i>người thân, bạn bè và cô giáo</i>	<i>tương xung quanh.</i>	<i>hợp thời điểm, hoàn cảnh</i>
--	--	--------------------------------------	--------------------------	---------------------------------

### **Trường hợp minh họa 3. Một số chương trình giáo dục tiên tiến**

*Montessori xem mục tiêu GDMN là trao cho trẻ những năng lực lâu dài và toàn diện, có ích cho trẻ trong suốt cuộc đời. Với Montessori, trẻ em là các chủ thể tích cực, có khả năng vượt xa những gì người lớn thường nghĩ. Trẻ không cần sự can thiệp của người lớn, chỉ cần cho trẻ một môi trường vật chất thích hợp để trẻ tự khám phá ra tri thức: trẻ học hỏi thông qua thao tác với môi trường hơn là sự chỉ dẫn của người lớn. Trật tự, tự do lựa chọn, độc lập và kỷ luật là các đặc điểm nổi bật của lớp học Montessori. Trong lớp học Montessori, vai trò của GV Montessori là tổ chức và chuẩn bị môi trường, kích lệ mối liên kết giữa trẻ và môi trường, quan sát trẻ trong quá trình hoạt động và ghi chép, hướng dẫn trẻ cách sử dụng đồ dùng (làm mẫu cho trẻ).*

*Hai mô hình GDMN hiện đại được ưa chuộng là High Scope và Reggio Emilia. Bắt đầu được thử nghiệm và được xây dựng từ các ý tưởng của Piaget và Dewey, High Scope xem trẻ là những chủ thể tích cực của quá trình học và trẻ học hiệu quả nhất khi trẻ được tự lập kế hoạch, thực hiện và đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch. Mô hình High Scope khuyến khích trẻ tự lập kế hoạch, thực hiện kế hoạch đã định và đánh giá kết quả mỗi ngày... Các nguyên tắc chính của Reggio Emilia được xây dựng dựa trên sự kết hợp tư tưởng Piaget, Vygotsky và Bruner. Mô hình Reggio Emilia có một số điểm nổi bật như sau: người lớn tin tưởng vào khả năng to lớn của trẻ, tôn trọng hứng thú của trẻ. Các dự án dài hơi với từng nhóm trẻ là xương sống của chương trình giáo dục, tạo cơ hội cho trẻ khám phá, tích cực suy nghĩ, giải quyết các vấn đề của thực tế cuộc sống, phát triển khả năng suy luận và dự đoán. Khi GV làm việc với các nhóm trẻ đang khám phá theo dự án, các trẻ khác trong lớp hoạt động tích cực với các góc chơi như những lớp học MN bình thường khác. Mô hình Reggio Emilia khuyến khích trẻ dùng nhiều cách thức, phương tiện khác nhau để thể hiện tình cảm và cảm xúc của mình (vẽ, nặn, múa, hát, viết, chơi đóng vai...).*

- Trên cơ sở vận dụng các phương pháp giáo dục tiên tiến, CBQL đổi mới tư duy quản lý trong việc xây dựng Kế hoạch giáo dục của mỗi CSGDMN nhằm thực hiện Chương trình GDMN khoa học, hiệu quả, sáng tạo.

ii) Xây dựng Kế hoạch giáo dục năm học, tháng, tuần

*Kế hoạch giáo dục năm học bao gồm:* Mục tiêu giáo dục năm học và Ngân hàng nội dung, hoạt động giáo dục

- Xây dựng mục tiêu giáo dục cả năm học

+ Mục tiêu giáo dục năm học:

Đối với trẻ Nhà trẻ và mẫu giáo 3-4 tuổi, 4-5 tuổi căn cứ vào mục tiêu và kết quả mong đợi của từng độ tuổi trong Chương trình GDMN, khả năng của trẻ, điều kiện thực tiễn của trường/ lớp, mục tiêu phát triển của địa phương.

Đối với trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi cần căn cứ vào mục tiêu và kết quả mong đợi của từng độ tuổi trong Chương trình GDMN, Bộ Chuẩn phát triển trẻ 5 tuổi, khả năng của trẻ, điều kiện thực tiễn của trường/ lớp, mục tiêu phát triển của địa phương.

(Có thể bổ sung một số chỉ số đánh giá trẻ không có trong kết quả mong đợi ( so sánh để biết những chỉ số nào không có ) và *mục tiêu bổ sung, nâng cao* của nhà trường (nếu có) về một hoặc một số lĩnh vực phát triển của trẻ.

- Hướng dẫn GV cách viết mục tiêu sao cho có thể lượng hóa được thì việc đánh giá chương trình sẽ đạt hiệu quả thực thi.

- Từ Kế hoạch giáo dục năm học của khối, hướng dẫn các lớp xây dựng Kế hoạch giáo dục năm học của từng lớp.

+ Căn cứ vào mục tiêu giáo dục năm học để lựa chọn nội dung phù hợp. Để thực hiện một mục tiêu có thể lựa chọn một hoặc một số nội dung. Phát triển các nội dung trong chương trình sao cho gần gũi với cuộc sống thật của trẻ ở từng địa phương.

+ Hướng dẫn GV tự bổ sung những nội dung nếu như các chỉ số của trẻ 5 tuổi có trong Bộ chuẩn.

+ Hướng dẫn GV ở vùng dân tộc thiểu số chú ý mục tiêu và nội dung tăng cường Tiếng Việt cho trẻ. Đối với các lớp mẫu giáo ghép cần dựa vào nội dung giáo dục của lứa tuổi lớn nhất để lựa chọn nội dung cho lứa tuổi bé hơn.

*Kế hoạch giáo dục tháng bao gồm:* Kế hoạch các tuần trong tháng, chế độ sinh hoạt hàng ngày của từng tuần.

- Hướng dẫn GV xây dựng Kế hoạch giáo dục 9 tháng/năm học

Chỉ đạo GV linh hoạt trong việc tổ chức thực hiện chương trình, không áp đặt nội dung của sự kiện, chủ đề vào các hoạt động học và hoạt động khác nếu không phù hợp. Kế hoạch giáo dục tháng bao gồm:

+ Các hoạt động theo chế độ sinh hoạt một ngày/ tuần được lựa chọn từ Kế hoạch giáo dục năm học của lớp.

+ Các sự kiện, chủ đề đã dự kiến

+ Lựa chọn các chỉ số đánh giá trẻ trong tháng

+ Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch cuối tháng

*Gợi ý các bước xây dựng Kế hoạch giáo dục tháng:*

Từ Kế hoạch giáo dục năm học của lớp, chỉ đạo GV ưu tiên chọn các nội dung, hoạt động học, hoạt động khác cho tuần có tổ chức sự kiện.

Nội dung hoạt động trong tháng đảm bảo đầy đủ và không nên áp đặt theo sự kiện, chủ đề. Chỉ đạo GV chủ động lựa chọn và thực hiện nội dung hoạt động theo thời gian của tháng.

Chỉ đạo việc tổ chức hoạt động học cho trẻ ở mọi lúc, mọi nơi. Trẻ có thể học trong giờ học và ngoài giờ học. Trẻ có thể học ở trong lớp và ngoài lớp. Khuyến khích GV tăng cường cho trẻ vận động thể dục, chơi trò chơi giải trí, ... giúp trẻ phát triển tố chất nhanh, mạnh, bền, khéo.

*Kế hoạch giáo dục tuần:*

Là GV lựa chọn các hoạt động vào trong từng ngày nhằm đảm bảo trẻ phát triển đồng đều các lĩnh vực như nhận thức, thể chất, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội, thẩm mỹ. Trong quá trình đó, GV cần linh hoạt thay thế các hoạt động sao cho phù hợp với trẻ và nhu cầu, hứng thú của trẻ. Ví dụ hoạt động góc, hoạt động ngoài trời bằng tổ chức các hoạt động tăng cường thể thao, trò chơi phát triển vận động, theo hình thức phong phú hoặc lao động vườn trường, tham quan trải nghiệm ở một số địa điểm. Lồng ghép các nội dung giáo dục kỹ năng tự phục vụ cho trẻ.

*d) Bước 4: Đánh giá kết quả và điều chỉnh*

- Đánh giá chương trình. Việc đánh giá chương trình không chỉ chờ đến giai đoạn kết thúc chương trình mới thực hiện mà nó được thực hiện trong mọi khâu. Thí dụ, ngay cả khi thực thi chương trình cụ thể sẽ bộc lộ những hạn chế hay nhược điểm của chương trình do GV tự nhận ra, từ đó hướng dẫn GV biết phải tự điều chỉnh hay hoàn thiện chương trình như thế nào.

- CBQL chương trình thường phải luôn tự đánh giá chương trình ở mọi khâu để vào năm học mới kết hợp với khâu phân tích đánh giá tình hình, điều kiện mới sẽ điều chỉnh hoàn thiện chương trình. Cứ như vậy chương trình giáo dục sẽ liên tục được hoàn thiện và phát triển không ngừng cùng với quá trình phát triển giáo dục của ngành.

- Hướng dẫn GV lựa chọn chỉ số đánh giá trong tháng phải đồng nhất với thời gian thực hiện theo bảng dự kiến đánh giá chỉ số trong Kế hoạch giáo dục năm học qui định cách đánh giá theo các chỉ số theo từng giai đoạn của năm học.

**Trường hợp minh họa 1: Trích 1 phần lĩnh vực phát triển nhận thức Kế hoạch giáo dục năm học trường MN QL – tỉnh T.H; Độ tuổi: 3-4 tuổi**

<b>TT</b>	<b>Lĩnh vực phát triển /Mục tiêu</b>	<b>Nội dung</b>
<b>2</b>	<b>Lĩnh vực PT nhận thức</b>	
<b>b) Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán</b>	<p><b>1. Nhận biết về đếm, số lượng</b></p> <p>1.1 Quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5.</li> <li>- So sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.</li> <li>- Biết gộp và đếm hai nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5.</li> <li>- Tách một nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành hai nhóm.</li> </ul> <p><b>* Sắp xếp theo quy tắc</b></p>	<p><b>* Tập hợp, số lượng, số thứ tự và đếm</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5 và đếm theo khả năng.</li> <li>- 1 và nhiều.</li> <li>- Gộp hai nhóm đối tượng và đếm.</li> <li>- Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn.</li> </ul> <p><b>* Xếp tương ứng</b></p> <p>Xếp tương ứng 1-1, ghép đôi.</p> <p><b>* So sánh, sắp xếp theo quy tắc</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- So sánh 2 đối tượng về kích thước.</li> </ul>



	<p>Nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại.</p> <p><b>* So sánh hai đối tượng</b></p> <p>So sánh 2 đối tượng về kích thước và nói được các từ: To hơn/ nhỏ hơn; dài hơn/ ngắn hơn; cao hơn/ thấp hơn; bằng nhau.</p> <p><b>* Nhận biết hình dạng</b></p> <p>Nhận dạng và gọi tên các hình: Tròn, vuông, tam giác, chữ nhật.</p> <p><b>* Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian</b></p> <p>Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân.</p>	<p>- Xếp xen kẽ.</p> <p><b>* Hình dạng</b></p> <p>- Nhận biết, gọi tên các hình : hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật và nhận dạng các hình đó trong thực tế.</p> <p>- Sử dụng các hình hình học để chấp, ghép.</p> <p><b>* Định hướng trong không gian và thời gian:</b></p> <p>- Nhận biết phía trước – phía sau; phía trên- phía dưới; tay phải – tay trái của bản thân.</p>
--	--	---



**Trường hợp minh họa 2a:**

**Trích phần b của lĩnh vực phát triển nhận thức - Kế hoạch giáo dục năm học trường mầm non HH – Tp H.N Độ tuổi: 3-4 tuổi**

**Bảng 1. Kế hoạch hoạt động theo tháng**

<b>Mục tiêu giáo dục</b>	<b>Nội dung, Hoạt động</b>	
	<b>Tháng 9</b>	<b>Tháng 10</b>
<b>.*/ Nhận biết số đếm, số lượng</b>		
29. Quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng.	<p><b>* Hoạt động học :</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dạy trẻ tạo nhóm theo dấu hiệu</li> <li>- Nhận biết hình vuông, hình tròn</li> <li>- Nhận biết 1 và nhiều</li> </ul> <p><b>* Hoạt động khác :</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>HĐ Góc:</b></li> <li>+ BT Tô màu hình có số lượng là 1</li> <li>+ Chơi với các hình, chấp ghép sáng tạo theo ý thích</li> <li>+ Nói hình</li> <li>+ Thả hình theo màu, gấp bom bom theo màu</li> </ul>	<p><b>* Hoạt động học</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xếp tương ứng 1-1.</li> <li>- Đếm, nhận biết số lượng 2</li> <li>- Nhận biết độ lớn 2 đối tượng</li> <li>- Ôn Đếm, nhận biết số lượng 2</li> </ul> <p><b>* Hoạt động khác :</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>HĐ góc:</b></li> <li>+ Xếp tiếp quy tắc</li> <li>+ Nói hình ảnh phù hợp</li> <li>+ Tô màu con vật nhỏ hơn</li> <li>+ Đếm que tính</li> <li>+ Phân loại tranh lô tô ( tranh to và tranh nhỏ)</li> </ul>
30. Đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5.		
31. So sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.		
32. Biết gộp và đếm hai nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5.		
33. Tách một nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành hai nhóm.		

* / <b>Sắp xếp theo qui tắc</b>	+ Tạo nhóm bạn trai/bạn gái. Tạo nhóm trang phục/đồ dùng cho bạn trai, bạn gái.	+ Gấp bông theo số chấm tròn + Khoanh vào nhóm có 3 đối tượng
34. Nhận ra qui tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại.	+ Tạo nhóm đồ chơi (Quả bóng, búp bê, quả, cây...)/đồ dùng (xắc xô, bút màu, vở, cốc ...) theo màu sắc (đỏ, xanh, vàng)	
. * / <b>So sánh hai đối tượng</b>	+ Khoanh tròn đồ chơi cùng 1 màu (xanh, đỏ, vàng)	
35. So sánh hai đối tượng về kích thước và nói được các từ: to hơn/ nhỏ hơn; dài hơn/ ngắn hơn; cao hơn/ thấp hơn; bằng nhau.	+ Gạch đi đối tượng không cùng loại + Chọn các loại hình có màu sắc và hình dạng giống nhau.	
* / <b>Nhận biết hình dạng</b>	* <b>HĐ chiều</b>	- <b>HĐ Chiều:</b>
36. Nhận dạng và gọi tên các hình: tròn, vuông, tam giác, chữ nhật.	+ Nấp chai kỳ diệu + Vẽ thêm quả cho cây + Tìm đồ dùng/đồ chơi có số lượng 1 và nhiều xung quang lớp.	+ Xếp mỗi ghế 1 bạn ngồi + Chơi xếp thìa vào bát. + Đếm số lượng người trong nhóm (2 đối tượng) + Đếm số lượng bạn trai, bạn gái (2 đối tượng)
* / <b>Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian</b>	+ Tìm trên cơ thể bé bộ phận có số lượng 1 và nhiều...	+ Đếm bộ phận cơ thể (2 đối tượng) + Đếm số lượng đồ dùng, đồ chơi xung quanh lớp (2 đối tượng)
37. Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân	+ Chơi bật ô + Tìm điểm giống nhau của 2 đồ vật.	+ Chọn cốc to, cốc bé + Vỗ tay, gõ trống giống cô + Vẽ đúng nhà

**Trường hợp minh họa 2b:**

**Kế hoạch giáo dục năm học trường MN HH – Tp H.N**  
 hoạch giáo dục theo thời gian - năm học

**Độ tuổi: 3-4 tuổi- Trích phần b của lĩnh vực phát triển nhận thức - Kế**

Mục tiêu giáo dục	Tháng									
	9	10	11	12	1	2	3	4	5	
<b>I. Giáo dục phát triển Nhận thức</b>										
<b>a) Khám phá khoa học</b>										
<b>b) Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán</b>										
<b>.* / Nhận biết số đếm, số lượng</b>										
29. Quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng.	X	X	X	X	X		X			
30. Đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5.	X	X	X	X	X	X	X			
31. So sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.			X	X		X		X		
32. Biết gộp và đếm hai nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5.			X	X	X	X				
33. Tách một nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành hai nhóm.			X	X	X	X	X	X		
<b>*/Sắp xếp theo qui tắc</b>										
34. Nhận ra qui tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại.		X	X		X					

<b>.*/So sánh hai đối tượng</b>										
35. So sánh hai đối tượng về kích thước và nói được các từ: to hơn/ nhỏ hơn; dài hơn/ ngắn hơn; cao hơn/ thấp hơn; bằng nhau.		X	X	X	X					
<b>*/Nhận biết hình dạng</b>										
36. Nhận dạng và gọi tên các hình: tròn, vuông, tam giác, chữ nhật.	X	X	X	X						
<b>.*/ Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian</b>										
37. Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân		X	X	X	X					

### 3.2.2. *Đổi mới phương pháp, hình thức giáo dục trẻ em*

#### *a) Mục đích:*

Nhằm nâng cao hiệu quả của các hoạt động giáo dục trẻ theo hướng lấy trẻ làm trung tâm, tăng cường luyện tập, thực hành, trải nghiệm nhằm phát triển các năng lực của trẻ để trẻ thích ứng tốt với cuộc sống.

#### *b) Cách tiến hành:*

*(i) Chú trọng phương pháp giáo dục của nhà trường theo quan điểm lấy trẻ làm trung tâm, giáo dục dựa trên nhu cầu, hứng thú và khả năng của trẻ*

*Giáo dục dựa trên nhu cầu, hứng thú, khả năng và thể mạnh của từng trẻ, tin tưởng rằng mỗi trẻ đều có thể thành công và tiến bộ:* Mỗi trẻ đều có một sự khác biệt về hoàn cảnh, môi trường sống, điều kiện gia đình và học tập... do đó mỗi trẻ em là một cá thể riêng biệt khác nhau về thể chất, mối quan hệ xã hội, trí tuệ, tình cảm, tâm lý... Điều này đồng nghĩa với việc từng trẻ sẽ có hứng thú, cách học và mức độ nhận thức khác nhau.

Mỗi đứa trẻ là một cá thể duy nhất với nét tính cách, sở thích, năng lực riêng biệt, có trẻ nhút nhát, có trẻ lại mạnh dạn, tự tin trong quá trình giao tiếp. Chính vì vậy, nhà giáo dục phải chú ý đến việc phát huy được khả năng cá nhân của từng trẻ, đồng thời khiến cho tất cả các trẻ đều biết thể hiện bản thân với mọi người xung quanh và có sự tiến bộ mỗi ngày. Trong quá trình đó mỗi trẻ sẽ được tiếp thu những bài học khác nhau phù hợp với khả năng, trẻ sẽ có cảm nhận và sự tiến bộ khác nhau, chính vì vậy GV phải tôn trọng những đặc điểm riêng của trẻ, không phân biệt giới tính, tuổi tác, dân tộc, văn hóa, tính cách...

*Tạo nhiều cơ hội cho trẻ phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội:* Dựa trên nhu cầu, khả năng, thể mạnh và hứng thú của trẻ GV cần tạo ra những cơ hội phát triển cho trẻ dưới nhiều hình thức khác nhau, bao gồm cả các hoạt động vui chơi, hoạt động học và các hoạt động khác trong chế độ sinh hoạt hàng ngày. Đặc biệt GV cần tận dụng các tình huống, các hoạt động của trẻ để giáo dục cho trẻ đạt hiệu quả. GV không truyền đạt tri thức một chiều, không áp đặt trẻ mà chú ý tới sự phát triển của trẻ ở nhiều phương diện, giúp trẻ tự tìm hiểu, khám phá tri thức, khám phá bản thân theo cách của riêng mình. Đồng thời GV cần lắng nghe và hỗ trợ trẻ kịp thời trong suốt quá trình trẻ tham gia các hoạt động.

*Phản ánh được mức độ phát triển của từng cá nhân trẻ và xây dựng dựa trên những gì trẻ đã biết và có thể làm:* Giáo dục lấy trẻ làm trung tâm ở trường mầm non, GV cần xây dựng kế hoạch phát triển như kế hoạch năm, tháng, tuần và kế hoạch tổ chức các hoạt động phù hợp với sự phát triển của trẻ và khả năng hiện có của trẻ từ đó giúp trẻ tiến bộ mỗi ngày. Mặt khác, GV cần có sự điều chỉnh kế hoạch để phù hợp với trẻ và kích thích sự tiến bộ của trẻ.

Đối với mỗi hoạt động cụ thể, GV cần xác định mục đích, nội dung phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ.

*(ii) Linh hoạt thay đổi các phương pháp và hình thức tổ chức hoạt động giáo dục cho phù hợp với hoàn cảnh hiện tại*

- Các phương pháp giáo dục được sử dụng, phối hợp một cách hợp lý nhằm phát huy tối đa ở trẻ tính chủ động, tích cực hoạt động, đảm bảo trẻ “học qua chơi”, “chơi mà học”.

- Tăng cường phương pháp thực hành, trải nghiệm, hoạt động với đồ vật, đồ chơi, cho trẻ sử dụng phối hợp các giác quan trong tìm hiểu, khám phá sự vật hiện tượng xung quanh trẻ; tham gia các hoạt động ngoài trời tiếp xúc với thiên nhiên, môi trường xã hội gần gũi. Tạo điều kiện cho trẻ gần gũi với thiên nhiên, với cuộc sống gia đình, tăng cường sự giao tiếp của trẻ với cô giáo, các bạn và mọi người xung quanh.

- Chú trọng hệ thống câu hỏi mang tính dẫn dắt, gợi mở để kích thích trẻ tư duy. Khuyến khích trẻ được bộc lộ, thể hiện bản thân, được nói lên cảm nhận của trẻ.

- Tạo cơ hội cho trẻ được phát triển tự nhiên, theo nhu cầu của trẻ, nhằm tạo cho trẻ phát triển tính tự lập.

- Trẻ tham gia hoạt động dựa trên ý thích, sự hứng thú của trẻ, nếu trẻ không thích hoạt động này có thể cho trẻ chuyển sang hoạt động khác, tránh gò bó, áp đặt trẻ.

- Kịp thời nêu gương, khen ngợi, tỏ thái độ đồng tình những việc làm, hành vi tốt của trẻ.

- GV luôn chuẩn mực để trẻ noi theo; thái độ luôn gần gũi, yêu thương, quan tâm đến trẻ.

- GV lựa chọn các hình thức tổ chức đan xen linh hoạt theo thời gian biểu:

- Tăng cường tổ chức các hoạt động giáo dục dưới hình thức tiếp cận cá nhân và nhóm nhỏ. Chú ý đến khả năng, năng lực, sự hứng thú của từng trẻ để có biện pháp điều chỉnh mục tiêu, nội dung, phương pháp phù hợp nhằm phát huy tối đa năng lực cá nhân của trẻ

- Tổ chức nhiều hoạt động giao lưu giữa các lớp: các lớp nhà trẻ cùng độ tuổi, khác độ tuổi, giao lưu với lớp mẫu giáo.

- Sử dụng các đồ dùng, đồ chơi do GV tự tạo phù hợp với trẻ, đảm bảo tính an toàn, thẩm mỹ để đưa vào các hoạt động giáo dục và hoạt động chơi.

***Trường hợp minh họa 1: Đổi mới phương pháp, hình thức giáo dục trẻ em ở trường MN H.H- Ví dụ kế hoạch tháng thể hiện các hoạt động có ứng dụng các phương pháp giáo dục tiến tiến, đổi mới hình thức giáo dục tại trường MN HH.H.***

***Chi tiết xem Phụ lục 2***

### ***3.2.3. Sử dụng kết quả đánh giá sự phát triển của trẻ để điều chỉnh, cải tiến hoạt động giáo dục trẻ***

***a) Mục đích:*** Sử dụng kết quả đánh giá sự phát triển của trẻ để điều chỉnh, cải tiến hoạt động giáo dục trẻ nhằm nâng cao hiệu quả của hoạt động giáo dục trẻ.

***b) Cách tiến hành:***

Đánh giá sự phát triển của trẻ trong GDMN là quá trình thu thập thông tin về trẻ một cách hệ thống và phân tích, đối chiếu với mục tiêu của Chương trình GDMN nhận định về sự phát triển của trẻ nhằm điều chỉnh kế hoạch CS, GD trẻ một cách phù hợp.

Đánh giá trẻ trong GDMN xác định mức độ phát triển của trẻ so với mục tiêu của từng độ tuổi để có biện pháp thích hợp giúp trẻ tiến bộ. Đánh giá trẻ bao gồm: đánh giá hàng ngày và đánh giá theo giai đoạn. Đánh giá sự phát triển của trẻ qua các hoạt động, các giai đoạn cho ta biết được những biểu hiện về tâm sinh lý của trẻ hàng ngày, sự phát triển toàn diện của trẻ qua từng giai đoạn, khả năng sẵn sàng, chiều hướng phát triển của trẻ ở những giai đoạn tiếp theo từ đó có thể phục vụ cho nhiều mục đích khác nhau:

- Đánh giá trẻ thường xuyên giúp GV có được thông tin về sự tiến bộ của trẻ trong một thời gian dài;

- Xác định được những khó khăn và nguyên nhân cụ thể trong sự phát triển của trẻ làm cơ sở để GV đưa ra các tác động giáo dục phù hợp với trẻ;

- Giúp GV biết được hiệu quả của các hoạt động, mức độ kết quả đạt được theo dự kiến, làm sáng tỏ những vấn đề đòi hỏi phải có kế hoạch bổ sung;

- Đánh giá là cơ sở để xác định những nhu cầu giáo dục cá nhân đưa trẻ, căn cứ cho việc xây dựng kế hoạch tiếp theo;

- Làm cơ sở để trao đổi, đưa ra những quyết định phối hợp trong giáo dục trẻ với cha mẹ trẻ, với GV nhóm/lớp hoặc cơ sở giáo dục khác nơi sẽ tiếp nhận trẻ tiếp theo;

- Làm cơ sở đề xuất đối với các cấp quản lý giáo dục trong việc nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ của nhóm/ lớp/ trường/ địa phương.

Những lưu ý trong quá trình GV đánh giá trẻ:

- GV cần đánh giá đúng khả năng của mỗi trẻ để có những tác động phù hợp và tôn trọng những gì trẻ có.

- Đánh giá sự phát triển của trẻ phải dựa trên cơ sở sự thay đổi của từng trẻ, không kỳ vọng giống nhau với tất cả trẻ.

- Tôn trọng sự khác biệt của mỗi đứa trẻ về hứng thú, cách thức và tốc độ học tập; chú trọng và thúc đẩy tiềm năng của mỗi trẻ.

Dựa trên kết quả đánh giá trẻ theo các lĩnh vực phát triển về thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội, từ đó giúp GV là căn cứ để xây dựng kế hoạch giáo dục, điều chỉnh kế hoạch giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục tiếp theo cho phù hợp với khả năng, nhu cầu, sở thích, kinh nghiệm sống của trẻ và điều kiện thực tế của trường, lớp. Bên cạnh đó GV xem xét và phân nhóm trẻ để từ đó xác định các hoạt động tiếp theo để nhằm đạt hiệu quả hơn nữa.

***Trường hợp minh họa. Sử dụng kết quả đánh giá sự phát triển của trẻ để điều chỉnh, cải tiến hoạt động giáo dục trẻ ở trường MN H.H***

*Trong tháng 1 Đánh giá mục tiêu 4: Phối hợp tay- mắt trong vận động nội dung “Bắt và ném bóng với người đối diện (khoảng cách 4m)” khoảng 70 % số trẻ trong lớp chưa thực hiện “Đạt” ở mục tiêu này GV cần lưu ý điều chỉnh kế hoạch giáo dục như sau:*

*- Hướng dẫn lại kỹ năng và luyện tập trong hoạt động chiều của ngày hôm sau.*

*- Tăng cường hoạt động bắt và ném bóng trong các giờ hoạt động ngoài trời cho trẻ luyện tập từ khoảng cách gần và tăng dần khoảng cách đủ 4m theo mục tiêu.*

*- Tổ chức đánh giá trẻ mục tiêu 4 vào tháng sau.*

### **3.3. Đảm bảo điều kiện quản trị hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ theo hướng tự chủ, tự chịu trách nhiệm**

#### **3.3.1. Xây dựng môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm**

##### *a) Mục đích:*

- Tăng cơ hội để trẻ được tiếp cận với các điều kiện giáo dục phù hợp (mỗi nhóm, lớp, vùng miền khác nhau trẻ đều có các cơ hội tiếp cận môi trường giáo dục khác nhau). Từ đó, giúp trẻ lĩnh hội các kiến thức, nhận biết đặc trưng, giá trị văn hóa, xã hội khác nhau, hình thành các kỹ năng sống phù hợp với bối cảnh xã hội ngày càng hiện đại, văn minh.

- Kích thích tính tích cực chủ động của trẻ trong việc thực hiện các hoạt động ở CSGDMN: tích cực giải quyết nhiệm vụ nhận thức được đặt ra trong Chương trình GDMN, tích cực hoạt động vui chơi, tìm cách giải quyết các tình huống có vấn đề một cách chủ động, sáng tạo.

##### *b) Cách tiến hành*

Môi trường giáo dục là nơi diễn ra các hoạt động giáo dục, được GV tổ chức với dụng ý sư phạm. Đối với trẻ MN, môi trường giáo dục ảnh hưởng đến rất lớn đến sự phát triển của trẻ. Một môi trường xã hội thân thiện cùng với một môi trường vật chất đầy đủ được thiết kế tốt sẽ giúp trẻ tham gia các hoạt động giáo dục một cách tích cực, chủ động và ngày càng độc lập hơn.

##### *Môi trường vật chất*

Môi trường vật chất trong trường MN bao gồm các trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi, không gian phục vụ cho việc tổ chức các hoạt động sinh hoạt hằng ngày của trẻ. Môi trường vật chất tạo cho trẻ những cơ hội tốt để được thỏa mãn nhu cầu hoạt động và phát triển toàn diện. Điều kiện CSVC luôn gắn liền và là yếu tố căn bản trong chính sách giáo dục đối với trẻ MN, có ảnh hưởng đến chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ. Theo đó, khi có điều kiện CSVT phù hợp bao gồm cả trong và ngoài lớp học, đảm bảo đủ và đúng theo các tiêu chuẩn quy định, phù hợp với đặc điểm văn hoá của trẻ sẽ là điều kiện, nền tảng để quá trình giáo dục trẻ đạt hiệu quả cao. Để hỗ trợ tốt cho sự phát triển của trẻ môi trường vật chất trong trường MN (trong phòng nhóm và ngoài trời) cần đáp ứng nhu cầu, hứng thú chơi của trẻ, tạo điều kiện cho trẻ chơi mà học, học bằng chơi. Cụ thể:

- Căn cứ vào điều kiện về diện tích của từng nhóm, lớp mà quyết định vị trí và cách sắp xếp các đồ dùng, đồ chơi thiết bị, các góc hoạt động của nhóm, lớp, tận dụng các không gian nhóm, lớp sẵn có để tạo thành các khu vực cho trẻ hoạt động.

- Tổ chức sắp xếp không gian phù hợp với từng độ tuổi của trẻ, chú ý loại bỏ tất cả các nguy cơ không an toàn: Ví dụ: đối với trẻ nhà trẻ bột, hạt, viên sỏi nhỏ không được sử dụng trực tiếp (vì trẻ dễ cho vào tai, vào miệng... mà cho vào lọ đậy nắp để trẻ lắc, tạo âm thanh, trẻ 5-6 tuổi sử dụng viên sỏi để đếm, so sánh số lượng...)

- Thay đổi định kỳ sắp xếp không gian để tạo tính mới. Mỗi nhóm, lớp khác nhau thì có cách sắp xếp khác nhau, có không gian cho các hoạt động vui chơi trong và ngoài nhóm lớp. Có thể tận dụng các khu vực hành lang, các khu vực sinh hoạt chung của cơ



sở (phòng thư viện, phòng chức năng) để thay đổi không gian, nơi hoạt động cho nhóm lớn hoặc cả lớp, tạo không khí hoạt động thoải mái cho trẻ.

- Có các phòng đảm bảo quy định, phù hợp với trẻ; không gian thông thoáng, vệ sinh sạch sẽ; sắp xếp, trang trí hợp lý, thẩm mỹ và thân thiện đối với trẻ để trẻ luôn có cảm giác thân thuộc, thoải mái như tại gia đình mình.

- Có đa dạng đồ dùng, đồ chơi, nguyên vật liệu cho trẻ hoạt động, kích thích hứng thú của trẻ (đủ về số lượng; có vật liệu tự nhiên, sản phẩm mua sẵn, sản phẩm giáo viên và trẻ tự làm, sản phẩm của địa phương,...); đảm bảo an toàn, vệ sinh và được sắp xếp hợp lý, hấp dẫn trẻ.

- Có các góc hoạt động trong lớp và ngoài lớp mang tính mở, tạo điều kiện cho trẻ dễ dàng tự lựa chọn và sử dụng đồ dùng, đồ chơi để thực hành, trải nghiệm.

- Có cảnh quan môi trường xanh, sạch, đẹp, an toàn. Sắp xếp bố trí, quy hoạch hệ thống vườn rau, bồn hoa, cây cảnh, cây xanh, bóng mát, cây ăn quả theo từng khu vực. GV tận dụng các không gian để cung cấp kiến thức, các ý tưởng sáng tạo, xây dựng các chuyên đề hướng dẫn trẻ thực hành, thao tác, rèn luyện kỹ năng tham gia các hoạt động khám phá, trải nghiệm và tiếp xúc gần gũi với thiên nhiên như: nhổ cỏ, trồng rau, chăm sóc cây... Ngoài ra, có thể cho trẻ thu hoạch rau, củ, quả trong vườn trường (nếu có). Từ đó sẽ giúp trẻ có ý thức bảo vệ môi trường và thấy được thành quả của lao động tập thể.

- Tích cực thực hiện công tác phối hợp giữa GV, cha mẹ trẻ và cộng đồng để xây dựng môi trường giáo dục trong lớp tốt nhất cho trẻ (phụ huynh tham gia ủng hộ đồ dùng nguyên vật liệu có sẵn của địa phương, nguyên liệu tái sử dụng...); thành lập các nhóm, câu lạc bộ GV, cha mẹ chia sẻ kinh nghiệm xây dựng môi trường giáo dục giữa các, các nhóm, lớp, phối hợp làm đồ dùng, đồ chơi theo vùng miền, dân tộc, dạy trẻ các điệu múa, hát, tổ chức các hoạt động vui chơi tập thể của các dân tộc tại địa phương (hát then, hát xoan, nhảy múa..).

### *Môi trường xã hội*

Môi trường xã hội đặc biệt được nhấn mạnh ở đây là môi trường giao tiếp trong trường mầm non, được tạo nên từ mối quan hệ và tương tác giữa cô với trẻ, giữa trẻ với trẻ và giữa trẻ với những người xung quanh. Môi trường này vừa mang tính chất sư phạm vừa mang tính chất gia đình.

Để hỗ trợ tốt việc quá trình giáo dục cho trẻ, môi trường xã hội trong trường MN cần tạo sự giao tiếp gần gũi, thân thiện. Đây chính là môi trường tích cực, môi trường có sự chăm sóc và yêu thương. Môi trường tích cực thừa nhận trẻ em là những cá thể đặc biệt cần được thoả mãn những nhu cầu riêng và cũng là một môi trường đa văn hoá.

### *Môi trường xã hội cần:*

- Đảm bảo an toàn về mặt tâm lý cho trẻ; GV, những người chăm sóc trẻ tạo mối quan hệ thân thiện, gần gũi, yêu thương với trẻ; trẻ thường xuyên được giao tiếp. Môi trường lớp học không có bạo lực, la mắng hay xúc phạm trẻ. Khi trẻ cảm thấy an toàn trong môi trường của mình, trẻ sẽ mong muốn khám phá và tiếp cận những trải nghiệm cũng như những kiến thức mới. Môi trường học tập an toàn là nơi mà trẻ không bị lạm dụng thể chất và lời nói; có những quy tắc, kỳ vọng rõ ràng và nhất quán trong lớp học; các hoạt động tuân theo thời gian biểu có thể dự đoán và trẻ được nhắc nhở khi chuyển từ hoạt động này sang hoạt động khác.

- Luôn tôn trọng trẻ, tạo điều kiện cho trẻ tự khẳng định bản thân (khuyến khích trẻ tham gia, hợp tác cùng phát triển), nêu gương những hành vi tích cực của trẻ.

- Luôn tôn trọng gia đình trẻ, không phân biệt dân tộc, hoàn cảnh kinh tế, văn hoá gia đình,...

- Luôn đối xử công bằng với mỗi trẻ, không phân biệt giới tính, điều kiện của trẻ,...

- Hành vi, cử chỉ, lời nói, thái độ của GV đối với trẻ và những người khác luôn mẫu mực để trẻ noi theo.

Ngoài điều kiện CSVT, môi trường vui vẻ, thoải mái, đầy cảm xúc, tràn ngập tình yêu thương và sự giúp đỡ, sẻ chia, tôn trọng của mọi người (giữa GV với GV, GV với trẻ và giữa trẻ với nhau) sẽ giúp trẻ dễ dàng học được cách chia sẻ, quan tâm, hợp tác với bạn bè và mọi người xung quanh. Trong môi trường đó, trẻ sẽ cảm thấy được yêu thương, được quan tâm, được âu yếm, vỗ về và được tôn trọng, tin tưởng. Cùng với trẻ tạo ra các truyền thống nhóm, lớp tốt đẹp với các khẩu hiệu do trẻ và giáo viên cùng tạo nên như “Nhóm yêu thương”, “Nhóm hòa thuận”, “Lớp đoàn kết”, “Lớp thân thiện”...và hướng trẻ tuân thủ với các cam kết đã xây dựng và thống nhất trước đó, hướng tới một môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm.

### ***Trường hợp minh họa: Xây dựng môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm***

*Để xây dựng môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm trong những năm học qua nhà trường đã làm tốt công tác tham mưu với lãnh đạo đảng chính quyền địa phương; Phòng giáo dục và đào tạo; đặc biệt là sự quan tâm phối hợp của phụ huynh học sinh trong toàn trường đã huy động các nguồn nhân lực để đầu tư, mua sắm bổ sung cơ sở vật chất, cải tạo cảnh quan môi trường theo hướng lấy trẻ làm trung tâm. Trường đã xây dựng môi trường sạch sẽ, an toàn, có sự bố trí khu vực chơi và học trong lớp và ngoài trời phù hợp, thuận tiện có ý nghĩa to lớn không chỉ đối với sự phát triển của trẻ mà còn thỏa mãn nhu cầu nhận thức, mở rộng hiểu biết của trẻ, kích thích trẻ hoạt động sáng tạo. Trẻ được hoạt động trong môi trường thân thiện, an toàn với các góc chơi, đồ dùng tự tạo đẹp, mới lạ làm cho trẻ hào hứng tích cực tham gia các hoạt động, nhằm nâng cao chất lượng ND, CS, GD trẻ*

### ***Môi trường trong lớp ở trường MN S<sup>2</sup>***

*Các góc chơi cho trẻ hoạt động được bố trí thuận tiện hợp lý, linh hoạt, dễ dàng thay đổi, đáp ứng nhu cầu, hứng thú hoạt động vui chơi của trẻ. Ở mỗi góc chơi các đồ dùng, đồ chơi, nguyên vật liệu, học liệu đều có giá đựng ngăn nắp, gọn gàng để ở nơi trẻ dễ thấy, dễ lấy và được thay đổi bổ sung phong phú phù hợp với mục tiêu chủ đề. Không những thế nguyên vật liệu đồ dùng, đồ chơi trong các góc chơi còn được lựa chọn dựa trên sở thích, nhu cầu của trẻ nhằm mở rộng tư duy của trẻ*

*Học liệu, nguyên vật liệu, đồ dùng đồ chơi trong các góc hoạt động đóng vai trò không nhỏ trong quá trình học và chơi của trẻ. Các nguyên vật liệu mở: khối gỗ to, nhỏ, đất nặn, vải, vật liệu tái chế, giấy màu, sáp màu và các vật liệu tự nhiên như*

<sup>2</sup> Nguồn: Trường MN Tân Thịnh, Thái Nguyên.

<http://mntanthinh.pgdtphainguyen.edu.vn/tin-tuc/hoat-dong-chuyen-mon/xay-dung-moi-truong-giao-duc-lay-tre-lam-trung-tam.html>

sỏi, cành cây, lá cây... đã thúc đẩy trí tưởng tượng sáng tạo và khám phá của trẻ. Trong các hoạt động thu hút được trẻ tham gia tạo cho trẻ một cơ hội học tập\

Xây dựng, thiết kế, bố trí các góc chơi đảm bảo an toàn, sạch đẹp, hấp dẫn phù hợp với đặc điểm của trẻ đã giúp trẻ phát triển các kỹ năng xã hội cần thiết. Đồ dùng đồ chơi an toàn, không độc hại, trẻ có thể dễ cầm dễ sử dụng thể hiện được nhu cầu, khả năng, sở thích của trẻ.

Sau khi lựa chọn góc chơi theo sở thích, nhu cầu của bản thân GV thể hiện sự tôn trọng trẻ trong tổ chức hướng dẫn trẻ chơi, trẻ được khuyến khích tự lựa chọn bạn chơi, trò chơi, vai chơi

Tham gia vào hoạt động góc đã tạo cơ hội cho trẻ được trải nghiệm các hoạt động mang tính xã hội cao như trẻ được hóa thân vào các vai:, người bán hàng, đầu bếp, bác sỹ, ca sỹ, bác công nhân xây dựng, họa sĩ.... Tạo điều kiện cho trẻ vào những vai trò khác nhau kích thích trí tò mò, sự thích thú của trẻ góp phần tích cực vào sự phát triển trí tuệ của trẻ.

GV tham gia tích cực vào việc chơi và học của trẻ, GV hiểu trân trọng và dựa trên thế mạnh kỹ năng và kiến thức của trẻ, khi chơi, tự làm tự phục vụ.

Qua hoạt động góc giúp trẻ hiểu và biết được một số kỹ năng cần thiết trong xã hội mà GV là người đã khuyến khích trẻ đưa ra các lựa chọn, lắng nghe và hỗ trợ trẻ kịp thời để giúp trẻ giải quyết các vấn đề trong quá trình chơi của trẻ giúp cho việc thúc đẩy sự tự do sáng tạo của trẻ

Để xây dựng môi trường lấy trẻ làm trung tâm tạo cơ hội cho trẻ được vui chơi học tập, một môi trường thân thiện trẻ sẽ tích cực chủ động tham gia các hoạt động làm việc theo nhóm để được trải nghiệm, trao đổi, trình bày, ý kiến của mình. Biết suy nghĩ và vận dụng những điều đã học vào thực tế cuộc sống, giải quyết các tình huống mà trẻ gặp phải. Từ đó mà trẻ mạnh dạn tự tin tích cực chủ động, tư duy sáng tạo, thích thú, tìm tòi khám phá và quá trình tham gia các hoạt động giáo dục ở trường, ở lớp. Trẻ phát triển toàn diện về các mặt: Thể chất, nhận thức, thẩm mỹ, lao động. để trẻ cảm thấy mỗi ngày đến trường là một niềm vui.

Trong một số tình huống có xung đột, GV giành thời gian cho trẻ giải quyết vấn đề, nếu chưa giải quyết được vấn đề GV cần can thiệp và giải quyết một cách bình tĩnh, cần nói chuyện với trẻ, tham gia vào những tình huống đó xem chuyện gì đã xảy ra và giúp trẻ học cách tôn trọng người khác, GV nên thận trọng không làm ảnh hưởng đến việc chơi của trẻ

GV cần quan sát và lắng nghe không vội vàng can thiệp để trẻ cố gắng và tự giải quyết vấn đề, GV luôn tôn trọng trẻ và tôn trọng những khả năng khác nhau của trẻ, hỗ trợ trẻ khuyến khích trẻ giải quyết vấn đề mạnh dạn hơn, GV cần nhận biết được khi trẻ thành công để khen ngợi động viên trẻ kịp thời

### **Môi trường ngoài lớp học ở trường MN T<sup>3</sup>**

Môi trường ngoài lớp học luôn được nhà trường tận dụng tối đa để giáo dục và phát huy tính tích cực cho trẻ. Các khu vực trong nhà trường được quy hoạch theo

<sup>3</sup> Nguồn: Trường MN Thanh Tuyền, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương, <https://mghoacuc.dautieng.edu.vn/Nha-truong/bai-viet-tuyen-truyen-xay-dung-truong-mam-non-lay-tre-lam-trung-tam-29.html>

*hướng tận dụng các không gian để cho trẻ hoạt động, đảm bảo an toàn tuyệt đối cho trẻ. Môi trường tạo được cơ hội cho trẻ trải nghiệm, phát triển vận động, phát triển thể chất phù hợp với điều kiện nhà trường, văn hóa của địa phương. Trường luôn tận dụng các nguồn nguyên vật liệu sẵn có ở địa phương để trẻ khám phá đặc biệt là nguồn nguyên liệu tự nhiên và phế phẩm.*

**Cải tạo môi trường, CSVC bên ngoài:** Tổ chức tuyên truyền sâu rộng bằng nhiều hình thức, để tạo được sự đồng tình, ủng hộ nhằm huy động sự tham gia đóng góp của phụ huynh trong việc thực hiện phong trào “**Xây dựng trường lớp an toàn, xanh, sạch, đẹp**”. Trường vận động phụ huynh hỗ trợ trồng hoa, cây cảnh xung quanh khuôn viên trường để tạo môi trường xanh, sạch, đẹp cho trẻ vui chơi học tập;  
**Cải tạo sân chơi từ võ xe tải, võ xe hon đa;**

Bố trí các khu vực cho trẻ hoạt động vui chơi, sinh hoạt, học tập ngoài trời một cách khoa học và phù hợp.

Các trò chơi dân gian. Sân bóng đá, bóng chuyền, các đồ chơi phát triển vận động, phát triển sự khéo léo. Khu vực chơi với cát, nước.

Khu vực trẻ trồng cây, trồng rau và chăm sóc cây cối... để các em được vui chơi, hoạt động thoải mái nhất.

Trang trí môi trường bên ngoài được thực hiện thường xuyên.

Nhà trường đã thực hiện khu phát triển vận động cho trẻ. Trẻ yêu thích vận động, số lượng trẻ có kỹ năng vận động nhiều hơn trước, thể chất tốt hơn, linh hoạt hơn và mạnh khỏe hơn so với đầu năm học. Góc phát triển vận động đã thu hút trẻ với nhiều đồ dùng, đồ chơi vận động rất đa dạng và phong phú.

### **3.3.2. Tăng cường phối hợp với gia đình và cộng đồng trong nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ**

a) **Mục đích:** Góp phần nâng cao chất lượng ND, CS, GD trẻ, tạo ra sự thống nhất và sự phối hợp nhịp nhàng trong ND, CS, GD trẻ

b) **Tiến hành:**

**CBQL cần:**

- Xây dựng kế hoạch phối hợp với gia đình và từng tổ chức, đoàn thể vào đầu năm học và thông báo đề xuất thực hiện kế hoạch.

Ví dụ phối hợp với cơ sở y tế để khám sức khỏe định kỳ; phối hợp với Hội phụ nữ, đoàn thành niên, cha mẹ trẻ để hỗ trợ nguồn lương thực, làm vệ sinh môi trường; phối hợp với ngành thương binh – xã hội để đề xuất những chính sách hỗ trợ nuôi dưỡng những trường hợp trẻ khó khăn...

- Tổ chức tuyên truyền khoa học về GDMN để tạo nên sự thống nhất và đồng thuận trong tạo dựng môi trường và hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc từ nhà trường đến trong gia đình và ngoài xã hội.

- Tham mưu với chính quyền địa phương về công tác phối hợp giáo dục, huy động các nguồn lực từ các nhà hảo tâm đóng góp cho hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ.

Để phụ huynh thấy rõ được vai trò của hoạt động chăm sóc, giáo dục ảnh hưởng như thế nào đến sự phát triển của trẻ, thấy được sự tiến bộ của trẻ qua từng ngày thì nhà trường cần tạo điều kiện để cha mẹ trẻ tham gia, phối hợp trực tiếp vào nhiều hoạt động khác nhau như: Trong hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, bảo vệ sức khỏe cho trẻ: Tham gia tổ chức cân đo, khám sức khỏe, theo dõi sức khỏe của trẻ theo định kỳ. Qua đó, giáo viên và cha mẹ cùng chia sẻ, trao đổi kiến thức chăm sóc sức khỏe cho trẻ, tuyên truyền cách phòng các bệnh thường gặp ở trẻ, trao đổi kiến thức chăm sóc sức khỏe cũng như cách phòng chống béo phì, suy dinh dưỡng ở trẻ.

Nhà trường phối hợp với cha mẹ trẻ cùng tìm các nhà cung cấp thực phẩm đảm bảo để hợp đồng. Hàng ngày, mời cha mẹ trẻ thay phiên nhận thực phẩm cùng nhà trường vào các buổi sáng để giám sát việc giao nhận thực phẩm được đảm bảo theo hợp đồng thực phẩm đã ký kết, mời cha mẹ trẻ có thể tham gia vào công tác nấu ăn cho trẻ, dự giờ ăn của trẻ để góp ý kiến cho bữa ăn của trẻ hàng ngày được phong phú, hấp dẫn và chất lượng...

- Nhà trường công khai tài chính nuôi ăn và thực đơn hàng ngày của cô và của trẻ trên bảng công khai đặt tại cổng ra vào, khuyến khích cha mẹ thường xuyên giám sát theo dõi để nắm bắt giá cả, thực đơn có phù hợp với thực tế để có ý kiến đóng góp với nhà trường.

- Cha mẹ trẻ cùng tham gia xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường, của nhóm/lớp, cụ thể là trong buổi họp phụ huynh đầu năm GV chủ nhiệm lớp sẽ triển khai chương trình giáo dục cơ bản của năm học, các mục tiêu, nội dung dự kiến sẽ thực hiện, từ đó cha mẹ sẽ đóng góp ý kiến xây dựng chương trình giáo dục phù hợp nhất với đặc điểm của từng nhóm, lớp.

- Phối hợp thực hiện chương trình giáo dục trẻ: cha mẹ trẻ có thể tham gia vào các hoạt động thực hiện các nội dung giáo dục trẻ phù hợp với chương trình như: hoạt động trải nghiệm, tổ chức ngày Hội, lễ “Khai giảng năm học mới”, “ngày hội trăng rằm”, “Xuân yêu thương, tết sum vầy”, “Ngày hội văn nghệ - thể thao”, “Ngày vui của bà, của mẹ”, “Tiệc buffet” tổ chức ngày sinh nhật cho trẻ...

Nhà trường huy động gia đình cùng tham gia xây dựng CSVT nhà trường: Nhà trường đã vận động cha mẹ tham gia lao động vệ sinh trường lớp, trồng cây xanh, làm đồ dùng, đồ chơi cho trẻ. Góp phần cải tạo môi trường giáo dục của trường, lớp, ủng hộ các nguyên vật liệu cho trẻ thực hành, trải nghiệm...

Để công tác tuyên truyền, phối hợp đạt được hiệu quả cao nhất, nhà trường, nhóm lớp đã phối hợp với gia đình thông qua các hình thức như: Thông qua bảng tuyên truyền tại nhóm lớp; Trao đổi trực tiếp với GV tại nhóm lớp qua các giờ đón, trả trẻ hàng ngày; Họp phụ huynh định kì; Trao đổi qua nhóm Zalo của lớp hoặc theo dõi trên Website, Fanpage của nhà trường; Gọi điện trao đổi; Trao đổi qua số liên lạc của trẻ; Phối hợp tổ chức các ngày Hội, lễ cho trẻ; Thông qua các phương tiện thông tin đại chúng như: Đài phát thanh, Đài truyền hình...

### ***3.3.3. Đảm bảo điều kiện làm việc của giáo viên***

a) *Mục đích:* Giúp GVMN có được một môi trường làm việc thân thiện với đầy đủ các phương tiện, đồ dùng, trang thiết bị đảm bảo cho việc ND, CS, GD trẻ, từ đó GV có tư tưởng thoải mái, yên tâm trong các hoạt động với ở trường MN

b) *Tiến hành*

Để có thể tạo được các điều kiện thuận lợi giúp GVMN thực hiện tốt việc ND, CS, GD trẻ thì mỗi CBQL nói chung, đặc biệt là CBQL cấp trường nói riêng cần tạo dựng được môi trường vật chất cũng như môi trường tinh thần đảm bảo yêu cầu và thân thiện:

- Nên có những hỗ trợ hợp lí, kịp thời về CSVT, trang thiết bị cho GV như: cung cấp thiết bị, nguyên vật liệu, đồ dùng, dụng cụ định kì (đầu năm, giữa năm, cuối năm) hoặc khi CSVT bị xuống cấp, khi được GV đề nghị... để GV có thể thực hiện tốt các công việc của mình.

- Tạo dựng môi trường làm việc thân thiện, tôn trọng và quan tâm lẫn nhau giữa mọi người trong tập thể từ cấp trên đối với cấp dưới đến những người đồng nghiệp cùng làm. Muốn GV yêu thương trẻ hết lòng, cán bộ quản lí phải tôn trọng GV, thường xuyên quan tâm đến tâm tư, nguyện vọng, đời sống của GV, quan tâm tới chế độ, chính sách, đãi ngộ đối với người làm nghề. Quan tâm đến tỉ lệ GV/trẻ và khối lượng công việc mà GV phải làm để có những trợ giúp phù hợp...

- Bản thân mỗi CBQL phải là tấm gương sáng để GV noi theo, luôn sẵn sàng giúp đỡ, hỗ trợ, động viên GVMN khi cần thiết. Tạo cho giáo viên tâm lí phấn khởi, yên tâm, yêu thích nghề nghiệp mình đã lựa chọn, từ đó giúp giáo viên yêu nghề, có tinh thần trách nhiệm trong công việc vì tinh thần làm việc của giáo viên có vui vẻ, thoải mái thì mới thuận lợi cho việc hình thành thái độ ôn hoà, bình tĩnh và yêu thương trẻ.

- Xem xét, thảo luận về những yêu cầu chưa hợp lí đối với GV trong các điều kiện khác nhau. Có sự cảm thông sâu sắc đối với hoàn cảnh gia đình mỗi GVMN. Động viên, khích lệ, sát cánh với GV, giúp họ khắc phục khó khăn và hoàn thành tốt nhiệm vụ. Nếu GV chưa hoàn thành được yêu cầu đề ra thì cần tìm hiểu nguyên nhân để có những hướng dẫn, chỉ đạo cần thiết và phù hợp. Bên cạnh việc đảm bảo các chính sách đãi ngộ chung, mỗi CBQL có thể linh hoạt, xây dựng các hình thức khác nhau để động viên GV kịp thời như: khen ngợi, nêu gương điển hình...

## VI. ĐÁNH GIÁ

Chuyên cần: 20 điểm

Trắc nghiệm: 30 điểm (10 câu trắc nghiệm)

Bài tập cuối mô đun: 50 điểm

**Tổng điểm: 100 điểm**

Kết quả học tập hoàn thành mô đun nếu tổng điểm đạt 60 điểm trở lên, trong đó không nội dung nào dưới 50% của điểm nội dung đó.

### CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

**Nội dung 1. Các yêu cầu đổi mới GDMN và cơ chế tăng cường tự chủ và trách nhiệm giải trình của CSGDMN hiện nay**

**Câu 1. Chọn một phương án đúng nhất**

**Quản trị có các chức năng chính là:**

- A. Hoạch định, tổ chức, chỉ đạo, kiểm tra
- B. Tổ chức, chỉ đạo, kiểm tra
- C. Hoạch định, tổ chức, chỉ đạo
- D. Hoạch định, chỉ đạo, kiểm tra

**Câu 2. Điền các từ: *ché bién; vệ sinh; an toàn; giấc ngủ; thực đơn* vào chỗ trống phù hợp**

Hoạt động nuôi dưỡng trẻ được thực hiện thông qua việc xây dựng 1) \_\_\_\_\_, khẩu phần ăn, chế độ ăn uống phù hợp với độ tuổi theo khuyến cáo của Viện Dinh dưỡng Việt Nam; tổ chức 2) \_\_\_\_\_ và tổ chức cho trẻ ăn uống theo chế độ sinh hoạt hàng ngày đảm bảo 3) \_\_\_\_\_ vệ sinh, an toàn thực phẩm.

Hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ tại CSGDMN hiểu theo nghĩa rộng bao gồm chăm sóc 4) \_\_\_\_\_; chăm sóc vệ sinh; chăm sóc sức khỏe, phòng bệnh và đảm bảo 5) \_\_\_\_\_ cho trẻ.

- A. chế bién; vệ sinh; giấc ngủ; an toàn; thực đơn
- B. thực đơn; chế bién; vệ sinh; giấc ngủ; an toàn
- C. vệ sinh; thực đơn; chế bién; giấc ngủ; an toàn
- D. an toàn; thực đơn; chế bién; vệ sinh; giấc ngủ;

**Câu 3. Chọn một phương án đúng nhất**

Hoạt động giáo dục đối với lứa tuổi Nhà trẻ gồm:

- A. Hoạt động chơi; Hoạt động chơi - tập có chủ định; Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân
- B. Hoạt động với đồ vật; Hoạt động chơi; Hoạt động chơi - tập có chủ định; Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân
- C. Hoạt động giao lưu cảm xúc, Hoạt động với đồ vật; Hoạt động chơi; Hoạt động chơi - tập có chủ định; Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân

D. Hoạt động giao lưu cảm xúc, Hoạt động với đồ vật; Hoạt động chơi; Hoạt động chơi - tập có chủ định.

**Câu 4. Chọn một phương án đúng nhất**

Hoạt động giáo dục đối với lứa tuổi Mẫu giáo gồm:

- A. Hoạt động học; Hoạt động lao động; Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân
- B. Hoạt động chơi; Hoạt động lao động; Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân
- C. Hoạt động chơi; Hoạt động học; Hoạt động lao động;
- D. Hoạt động chơi; Hoạt động học; Hoạt động lao động; Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân

**Câu 5. Chọn một phương án đúng nhất**

Xu hướng đổi mới trong giai đoạn hiện nay là:

- A. Từng bước đổi mới chất lượng ND, CS, GD trẻ hướng tới đạt chuẩn chất lượng GDMN trong khu vực, chuẩn bị tốt cho trẻ vào học lớp 1.
- B. Phương pháp giáo dục phải chú ý đến đặc điểm cá nhân và tạo cho trẻ có cảm giác an toàn về thể chất và tinh thần, tạo điều kiện cho trẻ tích cực hoạt động.
- C. Xây dựng trường học an toàn, phòng chống TNTT trong các CSGDMN
- D. Hình thành và phát triển năng lực giao tiếp bằng tiếng Anh, chuẩn bị tốt cho việc học tiếng Anh ở các cấp học tiếp theo.

**Câu 6. Chọn một phương án đúng nhất**

Nội dung tự chủ và trách nhiệm giải trình đối với CSGDMN công lập gồm:

- A. Tự chủ về tổ chức tổ chức, nhân sự; Tự chủ về tài chính, CSVC và sắp xếp môi trường giáo dục
- B. Tổ chức hoạt động ND, CS, GD trẻ; Tự chủ về tài chính, CSVC và sắp xếp môi trường giáo dục
- C. Tổ chức hoạt động ND, CS, GD trẻ; Tự chủ về tổ chức tổ chức, nhân sự
- D. Tổ chức hoạt động ND, CS, GD trẻ; Tự chủ về tổ chức tổ chức, nhân sự; Tự chủ về tài chính, CSVC và sắp xếp môi trường giáo dục

**Câu 7. Chọn các phương án đúng**

Tự chủ, trách nhiệm giải trình về tổ chức hoạt động ND, CS, GD trẻ ở CSGDMN gồm:

- A. Phát triển chương trình giáo dục;
- B. Lựa chọn các phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động ND, CS, Gd trẻ
- C. Công khai mục tiêu, chất lượng ND, CS, GD, tuyển sinh, Kế hoạch giáo dục của nhà trường
- D. Phát triển năng lực nghề nghiệp GV

**Câu 8. Chọn các phương án đúng**

Tự chủ, trách nhiệm giải trình về **tổ chức, nhân sự** ở CSGDMN gồm:

- A. Tự bảo đảm kinh phí chi thường xuyên



B. Tuyển dụng, sử dụng GV, NV

C. Phát triển năng lực nghề nghiệp GV; Đánh giá GV, NVD. Công khai số lượng, chất lượng đội ngũ GV, NV của trường

**Câu 9. Chọn các phương án đúng** Tự chủ, trách nhiệm giải trình về tài chính, CSV, TBGD ở CSGDMN gồm:

A. Tự bảo đảm kinh phí chi thường xuyên từ 10% trở lên

B. Huy động nguồn lực tài chính, có các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động ND, CS, GD

C. Công khai số lượng, chất lượng đội ngũ GV, NV của trường

D. Công khai, giải trình các hoạt động thu-chi, huy động tài trợ của nhà trường

**Câu 10. Chọn 1 phương án đúng nhất**

**Các mức tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 là**

A. Gồm 4 mức: 1) Tự chủ từ 30% đến dưới 50% chi thường xuyên; 2) Tự chủ từ 50% đến dưới 70% chi thường xuyên; 3) Tự chủ từ 70 đến dưới 100% chi thường xuyên; 4) Tự chủ 100% chi thường xuyên

B. Gồm 4 mức: 1) Tự chủ toàn bộ về chi đầu tư và chi thường xuyên; 2) Tự chủ toàn bộ chi thường xuyên; 3) Tự chủ một phần chi thường xuyên và 4) Nhà nước đảm bảo toàn bộ chi thường xuyên.

C. Gồm 3 mức: 1) Tự chủ toàn bộ chi thường xuyên; 2) Tự chủ một phần chi thường xuyên và 3) Nhà nước đảm bảo toàn bộ chi thường xuyên.

D. Gồm 3 mức: 1) Tự chủ từ 30% đến dưới 50% chi thường xuyên; 2) Tự chủ từ 50% đến dưới 70% chi thường xuyên; 3) Tự chủ từ 70 đến dưới 100% chi thường xuyên

**Nội dung 2. Phân tích nhu cầu ND, CS, GD trẻ MN; Trách nhiệm của cơ sở giáo dục đối với đáp ứng các nhu cầu đó**

**Câu 11. Chọn các phương án đúng**

Nhu cầu ND, CS, GD trẻ em của xã hội là các yêu cầu đối với ND, CS, GD trẻ được quy định qua các văn bản quy phạm pháp luật sau:

A. Luật Trẻ em

B. Điều lệ Trường mầm non

C. Chương trình GDMN

D. Luật Ngân sách Nhà nước

**Câu 12. Chọn các phương án đúng**

Nhu cầu xã hội về phát triển thể chất của trẻ nhà trẻ gồm:

A. Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi;

B. Thực hiện được vận động cơ bản theo độ tuổi;

C. Thực hiện được các vận động cơ bản một cách vững vàng, đúng tư thế.

D. Có khả năng làm được một số việc tự phục vụ trong ăn, ngủ và vệ sinh cá nhân.

**Câu 13. Đánh dấu vào ô Đúng/Sai****Lĩnh vực phát triển thể chất của trẻ Mẫu giáo gồm các nhu cầu sau:**

<b>Nhu cầu nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ:</b>	<b>Đúng</b>	<b>Sai</b>
1) - Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.		
2) - Thích nghi với chế độ sinh hoạt ở nhà trẻ.		
3) - Có một số tố chất vận động: nhanh nhẹn, mạnh mẽ, khéo léo và bền bỉ.		
4) - Thực hiện được các vận động cơ bản một cách vững vàng, đúng tư thế.		
5) - Có khả năng phối hợp các giác quan và vận động; vận động nhịp nhàng, biết định hướng trong không gian.		
6) - Có kĩ năng trong một số hoạt động cần sự khéo léo của đôi tay.		
7) - Có một số hiểu biết về thực phẩm và ích lợi của việc ăn uống đối với sức khỏe.		
8) - Có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp hằng ngày.		
9) - Có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau (lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ...).		
10) - Diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hóa trong cuộc sống hàng ngày.		

**Câu 14. Đánh dấu vào ô Đúng/Sai****Lĩnh vực phát triển nhận thức của trẻ Mẫu giáo gồm**

<b>Nhu cầu nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ:</b>	<b>Đúng</b>	<b>Sai</b>
1) - Có một số hiểu biết ban đầu về bản thân và các sự vật, hiện tượng gần gũi quen thuộc.		
2) - Thích tìm hiểu, khám phá thế giới xung quanh.		
3) - Có sự nhạy cảm của các giác quan.		
4) - Ham hiểu biết, thích khám phá, tìm tòi các sự vật, hiện tượng xung quanh.		

5) - Có khả năng quan sát, so sánh, phân loại, phán đoán, chú ý, ghi nhớ có chủ định.		
6) - Có khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề đơn giản theo những cách khác nhau.		
7) - Có khả năng diễn đạt sự hiểu biết bằng các cách khác nhau (bằng hành động, hình ảnh, lời nói...) với ngôn ngữ nói là chủ yếu.		
8) - Có một số hiểu biết ban đầu về con người, sự vật, hiện tượng xung quanh và một số khái niệm sơ đẳng về toán.		
9) - Ham hiểu biết, thích khám phá, tìm tòi các sự vật, hiện tượng xung quanh.		
10) - Có khả năng quan sát, so sánh, phân loại, phán đoán, chú ý, ghi nhớ có chủ định.		

**Câu 15. Đánh dấu vào ô Đúng/Sai**

**Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ của trẻ Mẫu giáo gồm**

<b>Nhu cầu nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ:</b>	<b>Đúng</b>	<b>Sai</b>
1) - Có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp hằng ngày.		
2) - Có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau (lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ...).		
3) - Diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hóa trong cuộc sống hàng ngày.		
4) - Có khả năng nghe và kể lại sự việc, kể lại truyện.		
5) - Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi.		
6) - Có một số kĩ năng ban đầu về việc đọc và viết		
7) - Có ý thức về bản thân.		
8) - Có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh.		
9) - Có một số phẩm chất cá nhân: mạnh dạn, tự tin, tự lực.		
10) - Có một số kĩ năng sống: tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm, chia sẻ.		

**Câu 16. Đánh dấu vào ô Đúng/Sai****Lĩnh vực phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội của trẻ Mẫu giáo gồm**

<b>Nhu cầu nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ:</b>	<b>Đúng</b>	<b>Sai</b>
1) - Có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp hằng ngày.		
2) - Diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hóa trong cuộc sống hằng ngày.		
3) - Có khả năng nghe và kể lại sự việc, kể lại truyện.		
4) - Có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau (lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ...).		
5) - Diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hóa trong cuộc sống hằng ngày.		
6) Có ý thức về bản thân.		
7) - Có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh.		
8) - Có một số phẩm chất cá nhân: mạnh dạn, tự tin, tự lực.		
9) - Có một số kỹ năng sống: tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm, chia sẻ.		
10) - Thực hiện một số qui tắc, qui định trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi.		

**Câu 17. Đánh dấu vào ô Đúng/Sai****Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ của trẻ Mẫu giáo gồm**

<b>Nhu cầu nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ:</b>	<b>Đúng</b>	<b>Sai</b>
1) - Có khả năng cảm nhận vẻ đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và trong tác phẩm nghệ thuật.		
2) - Có khả năng thể hiện cảm xúc, sáng tạo trong các hoạt động âm nhạc, tạo hình.		
3) - Yêu thích, hào hứng tham gia vào các hoạt động nghệ thuật; có ý thức giữ gìn và bảo vệ cái đẹp		
4) - Có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau (lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ...).		

5) - Diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hóa trong cuộc sống hàng ngày.		
6) Có ý thức về bản thân.		
7) - Có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh.		
8) - Có một số phẩm chất cá nhân: mạnh dạn, tự tin, tự lực.		
9) - Có một số kỹ năng sống: tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm, chia sẻ.		
10) - Thực hiện một số qui tắc, qui định trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi.		

### **Câu 18. Chọn các phương án đúng**

Nhu cầu ND, CS, GD của cá nhân, gia đình trẻ, cộng đồng, địa phương cơ bản phù hợp với các nhu cầu chung của cộng đồng, xã hội, song sẽ có một số nhu cầu cụ thể, đặc biệt. Cụ thể gồm

- Khám sức khỏe định kỳ thường xuyên
- Nhu cầu chăm sóc dinh dưỡng đặc biệt đối với trẻ suy dinh dưỡng; béo phì
- Nhu cầu đón trẻ sớm, trả muộn do điều kiện gia đình;
- Nhu cầu mời GV về chăm sóc tại gia đình

### **Câu 19. Chọn các phương án đúng**

Trách nhiệm của CSGDMN đối với đáp ứng nhu cầu xã hội, gia đình, cộng đồng trong nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ gồm:

A. Nhà trường xây dựng kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ phù hợp với điều kiện cụ thể, đáp ứng nhu cầu của cha mẹ trẻ

B. Triển khai thực hiện kế hoạch *nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ* tới đội ngũ GV, NV toàn trường. Kiểm tra đánh giá việc thực hiện các hoạt động *nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ* điều chỉnh kịp thời phù hợp tình hình thực tế.

C. Thực hiện Chương trình GDMN mới

D. Có các hoạt động nuôi dưỡng và chăm sóc trẻ em có nhu cầu đặc biệt như khuyết tật, trẻ gặp vấn đề về dinh dưỡng.

### **Câu 20. Chọn các phương án đúng**

Trách nhiệm của CSGDMN đối với đáp ứng nhu cầu xã hội, gia đình, cộng đồng trong **giáo dục trẻ gồm:**

A. Xây dựng kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ phù hợp với điều kiện cụ thể, đáp ứng nhu cầu của cha mẹ trẻ

B Thực hiện Chương trình GDMN do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Xây dựng chương trình của nhà trường và có định hướng phát triển chương trình phù hợp với đặc thù của nhà trường.

C. Xây dựng kế hoạch giáo dục bảo đảm thực hiện mục tiêu, yêu cầu về nội dung, phương pháp GDMN và được tổ chức phù hợp với sự phát triển của cá nhân trẻ.

D. Lựa chọn, mua sắm đồ dùng, đồ chơi, học phù hợp mục tiêu, nội dung, phương pháp giáo dục theo Chương trình GDMN, văn hóa, điều kiện của địa phương và khả năng, nhu cầu của trẻ em.

**Nội dung 3: Một số biện pháp quản trị hoạt động ND, CS, GD trẻ ở CSGDMN theo hướng tăng cường tự chủ và trách nhiệm giải trình**

**Câu 21. Chọn các phương án đúng**

**Biện pháp tổ chức bữa ăn ở trường cho trẻ phù hợp với độ tuổi, xây dựng chế độ ăn cân đối, đa dạng, hợp lý, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng bao gồm các cách thức tiến hành nào?**

- A. Xây dựng khẩu phần ăn đảm bảo yêu cầu và phù hợp với trẻ
- B. Đa dạng các hình thức tổ chức bữa ăn cho trẻ
- C. Tổ chức bữa ăn thân thiện, kích thích trẻ ăn ngon miệng
- D. Cho trẻ ăn Protein là chủ yếu để phát triển trí não

**Câu 22. Chọn phương án đúng nhất**

**Trẻ 12 đến 18 tháng cần tổ chức giấc ngủ trưa trong thời gian bao lâu?**

- A. 90 phút đến 120 phút
- B. 120 phút đến 150 phút
- C. 90 phút
- D. 60 phút

**Câu 23. Chọn phương án đúng nhất**

**Trẻ 18 đến 36 tháng cần tổ chức giấc ngủ trưa trong thời gian bao lâu?**

- A. 90 phút đến 120 phút
- B. 120 phút đến 150 phút
- C. 90 phút
- D. 150 phút

**Câu 24. Chọn các phương án đúng**

**Để đảm bảo vệ sinh cá nhân cho trẻ thì GV cần làm gì?**

- A. Có khăn mặt, cốc uống nước riêng
- B. Thường xuyên kiểm tra các dụng cụ phục vụ ăn
- C. Cho trẻ ngủ đủ giấc, đúng giờ
- D. Thực hiện tốt phòng chống các dịch bệnh

**Câu 25. Chọn các phương án đúng**

**Để đảm bảo vệ sinh môi trường thì GV cần làm gì?**

- A. Vệ sinh lớp học, đồ dùng, đồ chơi, các dụng cụ phục vụ sinh hoạt hàng ngày
- B. Triển khai các biện pháp phòng dịch theo quy định
- C. Tổ chức tổng vệ sinh trường theo định kỳ
- D. Không chú ý đến các yếu tố, nguy cơ gây tai nạn thương tích

**Câu 26. Chọn phương án đúng nhất**

**Để phát triển chương trình giáo dục trong CSGDMN, thì cần thực hiện các bước nào?**

- A. Phân tích tình hình; Xác định mục tiêu, nội dung;
- B. Phân tích tình hình; Xác định mục tiêu, nội dung; Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện
- C. Phân tích tình hình; Xác định mục tiêu, nội dung; Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện; Đánh giá kết quả
- D. Phân tích tình hình; Xác định mục tiêu, nội dung; Đánh giá kết quả

**Câu 27. Chọn phương án đúng nhất**

**Để có môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm thì GV cần thiết phải xây dựng môi trường gì?**

- A. Môi trường vật chất
- B. Môi trường xã hội
- C. Môi trường vật chất và xã hội
- D. Môi trường an toàn

**Câu 28. Chọn các phương án đúng**

Trong quá trình đánh giá trẻ, GV cần lưu ý điểm gì?

- A. Đánh giá đúng khả năng của mỗi trẻ
- B. Đánh giá sự phát triển của trẻ phải dựa trên sự thay đổi của từng trẻ
- C. Tôn trọng sự khác biệt của mỗi trẻ
- D. Không cần đánh giá trẻ

**Câu 29. Chọn các phương án đúng**

Môi trường vật chất trong trường MN bao gồm những gì?

- A. Trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi
- B. Mối quan hệ giữa trẻ với trẻ
- C. Hệ thống phòng học
- D. Sân chơi của trẻ

**Câu 30. Chọn các phương án đúng**

Môi trường xã hội trường trường MN bao gồm những yếu tố nào?

- A. Môi quan hệ tương tác của các thành viên trong nhà trường
- B. Sân chơi rộng rãi, có nhiều đồ dùng đồ chơi
- C. Sự vui vẻ, thoải mái, đầy cảm xúc
- D. Trẻ luôn được tôn trọng và đối xử công bằng



## ĐÁP ÁN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

- Câu 1. Đáp án: A  
Câu 2. Đáp án: B  
Câu 3. Đáp án: C  
Câu 4. Đáp án: D  
Câu 5. Đáp án: A  
Câu 6. Đáp án: D  
Câu 7. Đáp án: A, B, C  
Câu 8. Đáp án: B, C, D  
Câu 9. Đáp án: A, B, D  
Câu 10. Đáp án B  
Câu 11. Đáp án: A, B, C  
Câu 12. Đáp án: A, B, D  
Câu 13. Đáp án: 1, 3, 4, 5, 6, 7: Đúng                      2, 8, 9, 10: Sai  
Câu 14. Đáp án: 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10: Đúng                      1, 2, 3: Sai  
Câu 15. Đáp án: 1, 2, 3, 4, 5, 6: Đúng                      7, 8, 9, 10 Sai  
Câu 16. Đáp án: 6, 7, 8, 9, 10: Đúng                      1, 2, 3, 4, 5: Sai  
Câu 17. Đáp án: 1, 2, 3: Đúng                      4, 5, 6, 7, 8, 9, 10: Sai  
Câu 18. Đáp án: A, B, C  
Câu 19. Đáp án: A, B, D  
Câu 20. Đáp án: B, C, D  
Câu 21. Đáp án: A, B, C  
Câu 22. Đáp án: A  
Câu 23. Đáp án: D  
Câu 24. Đáp án: A, B, D  
Câu 25. Đáp án: A, B, C  
Câu 26. Đáp án: C  
Câu 27. Đáp án C  
Câu 28. Đáp án: A, B, C  
Câu 29. Đáp án: A, C, D  
Câu 30. Đáp án: A, C, D

## **BÀI TẬP TỰ LUẬN CUỐI KHÓA**

1. Anh/Chị hãy khảo sát nhu cầu ND, CS, GD trẻ ở CSGDMN nơi mình đang công tác (tham khảo Phiếu khảo sát trong bài học), chỉ ra các điểm mạnh, yếu của CSGDPM trong ND, CS, GD trẻ đáp ứng nhu cầu xã hội, gia đình, cộng đồng (25 đ)

2. Hãy xác định các biện pháp trong năm học tới để tăng mức tự chủ về hoạt động ND, CS, GD trẻ ở CSGDMN nơi mình đang công tác. (25đ)

### **Gợi ý**

1. Có phiếu khảo sát và kết quả khảo sát (10 đ)

2. Phân tích kết quả khảo sát, chỉ ra các nhu cầu về ND, CS, GD trẻ trường đã đáp ứng tốt/chưa tốt (15 đ)

3. Đề xuất 2-3 biện pháp nhằm cải thiện việc đáp ứng nhu cầu xã hội, gia đình về ND, CS, GD trẻ để tiến tới tự chủ ngày càng cao hơn. (Mỗi biện pháp 10-15 đ)

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

### Văn bản

1. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam, 2019, Luật Giáo dục
2. Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam, 2021, Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/06/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập
3. Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam, 2021, Nghị định số 81/2021/NĐCP ngày 27/8/2021 quy định về cơ chế thu, quản lý HP đối với CSGD thuộc hệ thống GDQD và chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập
4. Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam, 2020, Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non
5. Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam, 2018, Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06/06/2018 của Chính phủ quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục
6. Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2017, Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân
7. Bộ GDĐT, 2018, Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 3/8/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành quy định về về tài trợ cho các cơ sở giáo dục.
8. Bộ GDĐT, 2018, Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non
9. Bộ GDĐT, 2018, Thông tư số 25/2018/TT-BGDĐT ngày 08/10/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Quy định chuẩn hiệu trưởng cơ sở giáo dục mầm non
10. Bộ GDĐT, 2018, Thông tư số 26/2018/TT-BGDĐT ngày 08/10/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non
11. Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2020, Thông tư số 04/2020/TT-BGDĐT ngày 18/03/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chi tiết một số điều của Nghị định 86/2018/NĐ-CP ngày 06/06/2018 của Chính phủ quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục
12. Bộ GDĐT, 2020, Thông tư số 50/2020/TT- BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Chương trình làm quen với tiếng Anh dành cho trẻ em mẫu giáo
13. Bộ GDĐT, 2020, Thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình Giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25/7/2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo
14. Bộ GDĐT, 2020, Thông tư số 52/2020/TT- BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường mầm non
15. Bộ GDĐT, 2021, Thông tư số 45/2021 /TT- BGDĐT ngày 31/12/2021 của Bộ

trưởng Bộ GDĐT quy định về việc xây dựng trường học an toàn, phòng chống tai nạn thương tích trong các cơ sở GDMN

### **Tài liệu tiếng Việt**

1. Đặng Tự Ân (Chủ biên), 2022, Hiệu trưởng-Người gieo mầm Hạnh phúc, NXB Dân trí
2. Afanaxev (1980), Lao động của người lãnh đạo, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
3. Nguyễn Minh Đường, Phan Văn Kha (2006), Đào tạo nhân lực đáp ứng yêu cầu CNH-HĐH trong điều kiện kinh tế thị trường, toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội
4. George T.Milkovich, John W.Boudreau (2005), Quản trị nguồn nhân lực, người dịch TS. Vũ Trọng Hùng, NXB Thống kê, Hà Nội
5. Harold Koontz, Cyril O" Donnell, Heinz Weihrich (1992), Những vấn đề cốt yếu của quản lý, Nxb Khoa học và kỹ thuật, Hà Nội
6. Học viện Quản lý giáo dục (2013), Quản lý trường Mầm non, NXB Giáo dục Việt Nam
7. Phan Văn Kha, chủ biên (2014), Đổi mới quản lý giáo dục Việt Nam những thập kỷ đầu thế kỷ XXI, Nhà xuất bản ĐHQG Hà Nội
8. Phạm Hồng Quang (2012), Giải pháp đào tạo giáo viên theo định hướng năng lực nghề nghiệp, Số tháng 3/2012, Tạp chí ĐHSP Thái Nguyên
9. UNESCO và ILO (2012), Vị thế nhà giáo, người dịch và hiệu đính Nguyễn Quang Kính, Phạm Đỗ Nhật Tiến, NXB giáo dục Việt Nam

### **Tài liệu Tiếng Anh**

1. Alan Mumford, Richard Thorpe, Jeff Gold. (2012), *Handbook of Leadership and Management Development*. Publisher Gower Publishing, Ltd.
2. Knowles, M.S (1984) *Andragogy in action*. San Francisco: Jossey- Bass
3. Knowles, M.S (1975) *Self-Directed learning: A Guide for Learnes and teachers*, Chicago:Follet
4. VVOV (2019) *Bồi dưỡng phát triển chuyên môn giáo viên- tài liệu tham khảo cho người thực hiện*
5. Fryon, L.A& Iverson, A.M 1999. *Quản lý trường và lớp học: các nhà lãnh đạo và giáo dục có tư duy sâu* (hiệu chỉnh lần 3) New Jersey: Prentice- Hall, Inc

## PHỤ LỤC

### Phụ lục 1. Mô tả mức tự chủ, trách nhiệm giải trình về ND, CS, GD trẻ của CSGDMN- Gợi ý đánh giá

TT	Tiêu chí	Mức thấp	Mức trung bình	Mức cao
<b>I.</b>	<b>Tự chủ và trách nhiệm giải trình về hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ (04 tiêu chí)</b>			
	CSGDMN tự chủ và giải trình về tổ chức bữa ăn, chăm sóc giấc ngủ của trẻ em, chăm sóc vệ sinh cá nhân và vệ sinh môi trường, đảm bảo an toàn cho trẻ em ở trường			
<b>1</b>	<b>Tổ chức bữa ăn ở trường cho trẻ phù hợp với độ tuổi, xây dựng chế độ ăn cân đối, đa dạng, hợp lý, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường có tổ chức bữa ăn ở trường cho trẻ theo quy định, tuy nhiên dinh dưỡng chưa đáp ứng nhu cầu phát triển của trẻ;</li> <li>- Chưa đạt 100% trẻ ăn bán trú tại trường</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn hợp lý phù hợp với trẻ và phù hợp với điều kiện của nhà trường và địa phương.</li> <li>- Sử dụng thực phẩm của các nhà cung ứng thực phẩm có uy tín, có đầy đủ giấy chứng nhận đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm do cơ sở y tế kiểm định chất lượng theo định kỳ.</li> <li>- Chế biến thực phẩm theo dây chuyền sạch với các thiết bị nhà bếp vệ sinh, hiện đại. Lương thực, thực phẩm được lựa chọn cần phù hợp với các vùng miền, theo mùa để đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức bữa ăn đa dạng, linh hoạt</li> <li>- Quan tâm đến đặc điểm của từng trẻ và có điều chỉnh phù hợp trong quá trình tổ chức bữa ăn cho trẻ nhằm đảm bảo đủ dinh dưỡng và sự phát triển thể chất của trẻ.</li> </ul>
<b>2</b>	<b>Chăm sóc giấc ngủ của trẻ em phù hợp với độ tuổi</b>	Trường tổ chức chăm sóc giấc ngủ cho trẻ theo quy định	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức cho trẻ ngủ theo nhu cầu độ tuổi.</li> <li>- Đảm bảo các điều kiện như ánh sáng, không gian ngủ cho trẻ thoải mái, dễ chịu giúp trẻ ngủ sâu.</li> </ul>	Quan tâm đến đặc điểm riêng của từng trẻ và có điều chỉnh phù hợp với đặc điểm của trẻ.

<b>TT</b>	<b>Tiêu chí</b>	<b>Mức thấp</b>	<b>Mức trung bình</b>	<b>Mức cao</b>
			- Cần chú trọng giáo dục trẻ các thói quen vệ sinh trước và sau khi ngủ, giữ trật tự trong quá trình ngủ, không làm ảnh hưởng đến người xung quanh.	
<b>3</b>	<b>Chăm sóc vệ sinh cá nhân và vệ sinh môi trường, đảm bảo an toàn cho trẻ em</b>	Trường tổ chức chăm sóc vệ sinh cá nhân và vệ sinh môi trường	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đảm bảo vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường trong toàn trường; vệ sinh lớp học, đồ dùng, đồ chơi, các dụng cụ phục vụ sinh hoạt hàng ngày của trẻ.</li> <li>- Khám sức khỏe định kỳ. Theo dõi đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi. Phòng chống suy dinh dưỡng và béo phì.</li> <li>- Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp. Phòng chống bạo lực học đường.</li> <li>- Phòng tránh các bệnh thường gặp. Theo dõi tiêm chủng.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đặc biệt chú trọng công tác đảm bảo vệ sinh an toàn cho trẻ và phòng chống các dịch bệnh.</li> <li>- Đảm bảo sự an toàn tuyệt đối cho trẻ về thể chất và tinh thần khi trẻ ở trường.</li> <li>- Thường xuyên cho trẻ được tắm nắng với nhiệt độ thời tiết phù hợp, đảm bảo sức khỏe cho trẻ.</li> <li>- Đáp ứng các nhu cầu đa dạng về chăm sóc vệ sinh cá nhân và vệ sinh môi trường, đảm bảo an toàn cho trẻ em</li> </ul>
<b>4</b>	<b>Công khai, giải trình với các bên liên quan về chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ</b>	Báo cáo cơ quan cấp trên theo quy định	Công khai, giải trình với cơ quan cấp trên và cha mẹ học sinh qua các thông báo, báo cáo nội bộ	Công khai, giải trình với cơ quan cấp trên, cha mẹ học sinh và các bên liên quan, phản hồi và điều chỉnh kịp thời đầy đủ các nội dung về chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ
<b>II</b>	<b>Tự chủ và trách nhiệm giải trình về hoạt động giáo dục trẻ (04 tiêu chí)</b>			
	CSGDMN tự chủ, giải trình về mục tiêu giáo dục, phát triển Chương trình giáo dục và Lựa chọn các phương pháp, hình thức tổ chức hoạt			

<b>TT</b>	<b>Tiêu chí</b>	<b>Mức thấp</b>	<b>Mức trung bình</b>	<b>Mức cao</b>
	động giáo dục trẻ			
<b>5</b>	<b>Đạt mục tiêu giáo dục trẻ</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Theo quy định: giúp trẻ em phát triển về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ em vào lớp một</li> <li>- Vẫn còn một tỷ lệ trẻ chưa đạt chuẩn phát triển</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đảm bảo mục tiêu theo quy định ở mức cao</li> <li>- 100% trẻ đạt chuẩn phát triển</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đáp ứng tối đa nhu cầu phát triển toàn diện của trẻ, phát triển tối đa tiềm năng từng cá nhân trẻ.</li> <li>- Thực hiện giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật</li> </ul>
<b>6</b>	<b>Phát triển Chương trình giáo dục</b>	CSGDMN thực hiện Chương trình GD theo quy định	<b>CSGDMN phát triển Chương trình giáo dục nhà trường</b> có chọn lọc bổ sung một số nội dung phù hợp với sự phát triển của trẻ	CSGDMN phát triển Chương trình giáo dục nhà trường theo xu hướng <b>tiên tiến, phù hợp với nhu cầu GD của xã hội và gia đình, cá nhân trẻ.</b>
<b>7</b>	<b>Lựa chọn các phương pháp, hình thức tổ chức giáo dục trẻ</b>	CSGDMN thực hiện các phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động GD trẻ <b>theo qui định.</b>	CSGDMN <b>thực hiện đổi mới</b> phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động GD trẻ đáp ứng mục tiêu, yêu cầu của chương trình giáo dục MN, bảo đảm chất lượng, hiệu quả	CSGDMN <b>lựa chọn</b> các phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động GD trẻ <b>phù hợp với nhu cầu giáo dục trẻ</b> , phù hợp với nhu cầu của cha mẹ trẻ, đáp ứng mục tiêu, yêu cầu của chương trình giáo dục, bảo đảm chất lượng, hiệu quả cao, tiếp cận với GDMN thế giới.
<b>8</b>	<b>Công khai, giải trình với các bên liên</b>	Báo cáo cơ quan cấp trên theo quy định	Công khai, giải trình với cơ quan cấp trên và cha mẹ học sinh qua các thông báo, báo cáo nội bộ	Công khai, giải trình với cơ quan cấp trên, cha mẹ học sinh và các bên liên quan, phản hồi và điều chỉnh kịp thời

<b>TT</b>	<b>Tiêu chí</b>	<b>Mức thấp</b>	<b>Mức trung bình</b>	<b>Mức cao</b>
	<b>quan về giáo dục trẻ</b>			
<b>III</b>	<b>Tự chủ và trách nhiệm giải trình về các điều kiện đảm bảo chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ (04 tiêu chí)</b> Trường tự chủ và công khai, giải trình về các điều kiện đảm bảo chất lượng như nhân sự, tài chính, CSVC, TBGD và sắp xếp môi trường giáo dục trẻ			
<b>9</b>	<b>Tự chủ về nhân sự</b>	<p>CSGDMN tiếp nhận, sử dụng GV, NV từ cơ quan quản lý cấp trên, <b>không được tuyển dụng GV, NV</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- CSGDMN thực hiện bồi dưỡng thường xuyên <b>phát triển năng lực nghề nghiệp GV theo quy định.</b></li> <li>- Còn có giáo viên không đạt chuẩn NN</li> <li>- CSGDMN thực hiện đánh giá NLNN GV, NV theo quy định</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- CSGDMN được <b>xây dựng kế hoạch tuyển dụng</b> một số vị trí việc làm còn thiếu trình cấp trên (UBND huyện/quận) phê duyệt.</li> <li>- CSGDMN <b>thực hiện hỗ trợ GV phát triển nghề nghiệp thường xuyên tại nhà trường</b> theo nhu cầu của GV;</li> <li>- Đa số GV đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức khá và tốt và ngày càng ở mức cao hơn</li> <li>- CSGDMN thực hiện đánh giá NLNN GV, NV theo quy định, sử dụng kết quả đánh giá để hỗ trợ GV, NV phát triển NN, nâng cao chất lượng CS, ND, GD trẻ, đánh giá thi đua.</li> </ul>	<p>CSGDMN <b>tuyển dụng GV, NV theo yêu cầu phát triển nhà trường</b> để đảm bảo chất lượng CS, ND, GD trẻ;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- CSGDMN <b>có nhiều biện pháp phát triển NLNN GV</b> phong phú, hiệu quả, sáng tạo.</li> <li>- Tất cả GV đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức khá và tốt, thường xuyên, liên tục bồi dưỡng phát triển nghề nghiệp.</li> <li>- CSGDMN thực hiện đánh giá NLNN GV, NV theo các tiêu chí của nhà trường (trên cơ sở định hướng chung), sử dụng kết quả đánh giá để hỗ trợ GV, NV phát triển NN, đánh giá thi đua, xếp lương.</li> </ul>
<b>10</b>	<b>Tự chủ về Tài chính</b>	<b>Đơn vị nhóm 3:</b> Tự chủ một phần NS thường xuyên (mức thấp: <b>dưới 30% NS chi thường</b>	<b>Đơn vị nhóm 3:</b> Tự chủ một phần NS thường xuyên mức trung bình trở lên)	<b>Đơn vị nhóm 2:</b> Tự chủ 100% NS thường xuyên. <b>Đơn vị nhóm 1:</b> Tự chủ



TT	Tiêu chí	Mức thấp	Mức trung bình	Mức cao
		<p><b>xuyên)</b></p> <p>Đơn vị nhóm 4: NN đảm bảo NS thường xuyên; CSGDMN không huy động được tài trợ; - Không thu được các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí.- Học phí, các khoản thu hỗ trợ (Chăm sóc, bán trú, trang bị, học phẩm...Theo Quyết định của hội đồng nhân dân cấp tỉnh.- Tiền ăn theo thỏa thuận với cha mẹ trẻ.</p> <p>- Phí tham gia các câu lạc bộ năng khiếu theo thỏa thuận với cha mẹ trẻ.</p>	<p><b>(Từ 30%-99% chi thường xuyên);</b></p> <p>- CSGDMN nhận được tài trợ của các tổ chức, cá nhân để góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, phát triển nhà trường; Tuy nhiên việc tài trợ không thường xuyên, mức tài trợ thấp</p> <p>- Sử dụng các nguồn tài trợ đúng mục đích, công khai, minh bạch theo quy định của pháp luật</p> <p>- CSGDMN thực hiện thu các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí đáp ứng một phần nhu cầu của CMHS</p>	<p>100% NS thường xuyên và chi đầu tư;</p> <p>- CSGDMN có Kế hoạch và thực hiện tốt huy động tài trợ, thể hiện rõ mục đích tài trợ, nâng cao chất lượng giáo dục, phát triển nhà trường;</p> <p>- CSGDMN tự chủ trong quyết định Mức thu các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động CS,ND&amp;GD trẻ (ngoài học phí) đáp ứng nhu cầu Học viên theo thỏa thuận với cha mẹ trẻ, phù hợp với điều kiện thực tế, tuân thủ các quy định.</p>
11	<p><b>Tự chủ về CSVC và sắp xếp môi trường giáo dục</b></p>	<p>CSGDMN thực hiện khai thác, sử dụng CSVC, TBGD, sắp xếp môi trường giáo dục <b>theo quy định</b></p>	<p><b>CSGDMN khai thác, sử dụng CSVC, TBGD, môi trường giáo dục</b> đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng CS, ND, GD trẻ</p>	<p>- CSGDMN chủ động <b>khai thác, sử dụng CSVC để ND, CS, GD</b> trẻ chất lượng cao; Sắp xếp môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp với điều kiện của cơ sở GDMN và nhu cầu của trẻ, cha mẹ trẻ, theo xu hướng hội nhập quốc tế.</p>

<b>TT</b>	<b>Tiêu chí</b>	<b>Mức thấp</b>	<b>Mức trung bình</b>	<b>Mức cao</b>
<b>12</b>	<b>Phối hợp với cha mẹ trẻ, cộng đồng và công khai, giải trình với các bên liên quan về các điều kiện đảm bảo chất lượng CS, ND, GD trẻ</b>	- Báo cáo cơ quan cấp trên- Phối hợp với Ban đại diện cha mẹ trẻ theo quy định	- Công khai, giải trình với cơ quan cấp trên và cha mẹ học sinh qua các thông báo, báo cáo nội bộ  - Công khai không đầy đủ các nội dung: nhân sự, tài chính, CSVC, thiết bị, môi trường  - Phối hợp chặt chẽ với cha mẹ trẻ, cộng đồng	Phối hợp chặt chẽ với cha mẹ trẻ và các bên liên quan, phản hồi và điều chỉnh kịp thời đầy đủ các nội dung:  - Số lượng, chất lượng đội ngũ GV, NV của trường với các bên liên quan, phản hồi và điều chỉnh kịp thời;  - Các hoạt động thu-chi, huy động tài trợ của nhà trường  - CSVC, TBGD của nhà trường  - Hoạt động sử dụng, huy động các nguồn lực xã hội hóa để tổ chức các hoạt động ND, CS, GD trẻ có hiệu quả cao

**Phụ lục 2. Trường hợp minh họa 1: Đổi mới phương pháp, hình thức giáo dục trẻ em ở trường MN H.H**

Ví dụ kế hoạch tháng thể hiện các hoạt động có ứng dụng các phương pháp giáo dục tiến tiến, đổi mới hình thức giáo dục tại trường mầm non HH.H.

<b>KẾ HOẠCH GIÁO DỤC THÁNG 1/2021</b> <b>LỚP MẪU GIÁO LỚN- A1</b>	
<b>Hoạt động</b>	<b>Thời gian</b>

	<i>Tuần I</i> 4/1 - 8/1	<i>Tuần II</i> 11/1 - 15/1	<i>Tuần III</i> 18/1 - 22/1	<i>Tuần IV</i> 25/1-29/1
<b>Đón trẻ</b> <b>- Thể dục sáng</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cô đón trẻ vào lớp, nhắc trẻ cất đồ dùng cá nhân đúng nơi qui định hướng dẫn trẻ chơi một số trò chơi dân gian : Bắt cua bỏ giỏ, chỉ chỉ chành chành,</li> <li>- Thực hiện chào hỏi lễ phép</li> <li>- Tập thể dục sáng (theo nhạc kết hợp nơ tay) cùng các lớp tại sân trường: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ BTPTC Hô hấp: hít vào thở ra, thi xem ai thổi được lâu nhất</li> <li>+ Tay : Đưa hai tay lên cao, ra phía trước, sang hai bên;</li> <li>+ Bụng lườn: Quay sang trái, sang phải, kết hợp tay chống hông , chân bước sang phải, sang trái</li> <li>+ Chân: Đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa về phía sau</li> <li>+ Bật : Nhảy tiến, lùi</li> </ul> </li> </ul>			
<b>Trò chuyện sáng</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoạt động vòng tròn: Đi theo giai điệu bản nhạc “In the morning light” (Montessori)</li> <li>- Trò chuyện, hỏi thăm những bạn nghỉ học</li> </ul>			
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trò chuyện chủ đề: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Cho trẻ xem tranh ảnh các loại rau, củ, quả</li> <li>+ Các con nhìn thấy gì trong những bức tranh?</li> <li>+ Các con đã biết gì về các loại rau, củ, quả này? (Cô ghi lại những hiểu biết của trẻ)</li> <li>+ Các con hãy đặt các câu hỏi những điều mình muốn biết về các loại rau, củ, quả này. ( Cô ghi lại các câu hỏi.)</li> </ul> </li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trò chuyện chủ đề: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Xem clip về môi trường khi không ô nhiễm và khi bị ô nhiễm.</li> <li>+ Con thấy những gì khi xem đoạn clip về môi trường trên trái đất?</li> <li>+ Con nghĩ chuyện gì đang xảy ra? Cô ghi lại ý kiến của trẻ.</li> </ul> </li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trò chuyện chủ đề: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Chia trẻ thành 3 nhóm chơi với nước trong chậu, các viên đá đóng băng và hơi nước từ đèn phun sương.</li> <li>+ Con vừa được chơi với gì?</li> <li>+ Chúng có tác dụng gì?</li> <li>+ Các con hãy đặt các câu hỏi những điều mình</li> </ul> </li> </ul>
		Trẻ nhìn thấy	Trẻ nghĩ	

		<p>- Cô và trẻ cùng nhau ôn lại kiến thức thu nhận thông qua trả lời các câu hỏi mà trẻ đã đặt ra.</p> <p>- <b>Tình huống KNS:</b></p> <p>+ Trò chuyện về “Sử lý tình huống khi bị lạc trong siêu thị.”</p>	<p>...</p> <p>...</p> <p>+ Các con hãy đặt các câu hỏi những điều mình muốn biết về ô nhiễm môi trường và bảo vệ môi trường ( Cô ghi lại các câu hỏi của trẻ)</p> <p>- Cô và trẻ cùng nhau ôn lại kiến thức thu nhận được thông qua trả lời các câu hỏi mà trẻ đã đặt ra.</p> <p>- <b>Tình huống KNS:</b></p> <p>+ Trò chuyện về nội dung “ Những cách vứt rác mà con nhìn thấy”</p> <p>+ Trò chuyện nội dung “ Cần chuẩn bị gì cho một chuyến picnic”</p>		<p>muốn biết về nước. (Cô ghi lại các câu hỏi)</p> <p>- <b>Tình huống KNS:</b></p> <p>+ Trò chuyện nội dung “An toàn trong phòng tắm”</p> <p>+ Kể tên những hành động sử dụng nước tiết kiệm mà con đã thực hiện.</p>
<b>Hoạt động học</b>	<b>Thứ 2</b>	<p><b><u>Vận động</u></b></p> <p>VĐCB : Ném trứng đích nằm ngang xa 2.5m</p> <p>TC: Nhảy bao bố.</p>	<p><b><u>Vận động</u></b></p> <p>- VĐCB: Bật qua vật cản 25 – 30cm</p> <p>- TC: Quạt cá giấy</p>	<p><b><u>Vận động</u></b></p> <p>- VĐCB: Bắt và ném bóng với người đối diện cách 4m</p> <p>- TC: Mèo đuổi chuột</p>	<p><b><u>Vận động</u></b></p> <p>- VĐCB: Di chuyển theo nhịp trống</p> <p>- TCVD : Tung băng bay b»ng đi</p>
	<b>Thứ 3</b>	<p><b><u>Khám phá</u></b></p> <p>Tìm hiểu về các loại rau ăn lá</p>	<p><b><u>Khám phá</u></b></p> <p>Không khí ở quanh ta</p>	<p><b><u>Khám phá</u></b></p> <p>Phân loại rác</p>	<p><b><u>Khám phá</u></b></p> <p>Sự kì diệu của nước</p>

	<b>Thứ 4</b>	<b><u>Âm nhạc:</u></b> -NDTT: DH: Anh nông dân và cây rau -NDKH: Trò chơi: những nốt nhạc xinh	<b><u>Âm nhạc:</u></b> NDTT: Em yêu cây xanh -NDKH: TC: Nghe giai điệu đoán tên bài hát	<b><u>Âm nhạc:</u></b> -NDTT: DH “Đếm sao” -NDKH: Nghe hát: Những lá thuyền ước mơ	<b><u>Âm nhạc:</u></b> -NDTT: DH “Cho tôi đi làm mưa với” -NDKH: + NH: Mưa rơi + TC: Nhìn hình đoán tên bài hát
	<b>Thứ 5</b>	<b><u>Tạo hình:</u></b> Vẽ vườn cây ăn quả (đề tài-Trg 14)	<b><u>Toán</u></b> Đo độ lớn 2 đối tượng bằng 1 đơn vị đo	<b><u>Tạo hình:</u></b> Tạo ra các bồn trồng cây từ nguyên liệu tái chế (STEAM)	<b><u>Toán</u></b> Dạy trẻ lập số và nhận biết số 10
	<b>Thứ 6</b>	<b><u>Văn học</u></b> Kể chuyện: Quả bầu tiên	<b><u>Làm quen chữ viết</u></b> Làm quen chữ: b, d, đ ( trang 8)	<b><u>Văn học</u></b> Kể chuyện theo đồ vật: Vỏ hộp sữa	<b><u>Làm quen chữ viết</u></b> Làm quen chữ : h, k ( trang 10)
<b>Hoạt động ngoài trời</b>	<p>* <b>QSCCĐ:</b> - Quan sát các loại rau được trồng trong thùng xốp của trường - Thí nghiệm Chôn rác và quan sát kết quả. - quan sát lá cây trên bàn ánh sáng (<b>Reggio Emilia</b>), vẽ lại bóng nắng của bạn, cây tán nhỏ, con vật bằng nhựa (<b>Reggio Emilia</b>)</p> <p>* <b>VĐ:</b> + Chạy chậm 100-&gt;120 m ; Bắt và ném bóng với người đối diện cách 4m ;</p> <p>* <b>TCVĐ:</b> Nhảy bao bố; Quạt cá giấy ; Kéo co; Chuyển bóng, Vận động theo quy tắc sắp xếp</p> <p>* <b>CTD:</b> - Ghép hình từ lá cây, tạo nhóm lá cây, vỏ sò, sỏi trong phạm vi 10</p>				

	<p>- Chơi đồ chơi ngoài trời;</p> <p>- <b>LD tập thể:</b> Nhặt lá, lau lá cây, tưới cây, quét sân trường, lau đồ chơi ngoài trời.</p> <p>- <b>Giao lưu:</b> Giao lưu Trò chơi vận động với lớp A2 (Thứ 6 tuần 3)</p>
<p><b>Hoạt động góc</b></p>	<p><b>* Góc trọng tâm:</b></p> <p><b><u>Góc Nghệ thuật:</u></b> Thực hành các kỹ năng vẽ, nặn, cắt xé dán, in hình, chắp ghép hình, in một số loại lá, 1 số loại củ, quả.</p> <p>- Làm bột nặn từ bột mì và tạo màu từ rau củ (<b>STEAM</b>), nặn các loại củ, quả: cà rốt, bí ngô, bầu...chum nho, quả thanh long....</p> <p>- Thổi màu nước ; vẽ trên túi nước, trang trí trang phục</p> <p><b><u>Góc phân vai:</u></b></p> <p>- Nhà hàng Hoa Hồng:</p> <p>+ làm hoa quả dầm, salat hoa quả, vắt nước cam, làm nước ép dưa hấu ((<b>Montessori</b>))</p> <p><b><u>Góc học tập:</u></b></p> <p>- Khám phá:</p> <p>+ Làm album, làm bảng phân loại các loại rau, củ, quả ; Phân loại rác</p> <p>+ Làm album hành vi đúng sai bảo vệ môi trường.</p> <p>+ <b>STEAM:</b> làm máy lọc nước sạch</p> <p>- Toán:</p> <p>+ Bài tập thao tác trên học cụ: Ghép hình 9 mảnh, ghép hình Tangrang 7 mảnh, lồng cọc 4 hình, Sắp xếp tranh theo trình tự quá trình hình thành mưa, khối trụ không nùm (<b>Montessori</b>)</p> <p>+ Tạo các nhóm đối tượng có số lượng trong pv 10 bằng hạt, Tạo hình với 10 que tính;</p> <p>+ Bài tập giấy: Nói số lượng trong phạm vi 9, vẽ thêm và gạch bớt cho đủ số lượng 10, viết số từ 1 đến 10( viết trên mika), Nhận biết 1 đối tượng giống 1 đối tượng trong 1 nhóm đối tượng ( đồ vật, động vật, thực vật, nghề nghiệp, ptgt, httn...), Nói/chọn theo cặp có liên quan đến nhau.</p>

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Chữ cái:</i></li> <li>+ <i>Tìm từ có chứa chữ cái, bù chữ thiếu, Tạo chữ cùng bạn, Xếp chữ</i></li> <li>- <i>Thực hành cuộc sống: (Montessori)</i></li> <li>+ <i>Chơi gấp bom bom theo màu sắc</i></li> <li>+ <i>Hót rác trên sàn</i></li> <li>+ <i>Gấp quần, áo</i></li> <li>+ <i>Cài cúc áo khuyết dọc, khuyết ngang, kéo khóa,</i></li> <li>+ <i>Buộc dây giày</i></li> </ul>
<b>Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Mời cô mời bạn khi ăn, ăn từ tốn, không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn. Rửa tay, lau mặt trước khi ăn.</i></li> <li>- <i>Đọc truyện trước giờ ngủ.</i></li> </ul> <p><i>Kỹ năng tự phục vụ:</i></p> <p><i>Trải chiếu, gấp chiếu, cách lồng, tháo vỏ gối, cách xếp gối</i></p>
<b>Hoạt động chiều</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Hướng dẫn: Cài cúc áo khuyết dọc, khuyết ngang, kéo khóa, buộc dây giày; (Montessori)</i></li> <li>- <i>Xem quà tặng cuộc sống: Video hạn hán, cách tiết kiệm nước, rác thải, phân loại rác</i></li> <li>- <i>Xem chúng em khám phá khoa học: Các hiện tượng thiên tai</i></li> <li>- <i>Thơ: Từ hạt đến hoa, hoa trong vườn, vườn cây của ba, Vòng quay luân chuyển</i></li> <li>- <i>Truyện: Trái cây trong vườn, sự tích cây thì là.</i></li> <li>- <i>Đọc bài về: rau quả, luyện phát âm “Đồng dao về củ” (Trang 9)</i></li> <li>- <i>Kể tên các món ăn từ rau, củ mà bé thích</i></li> <li>- <i>TC: Cái gì biến mất, Chiếc túi bí ẩn, Tìm chi tiết không đúng, Tung bóng nói nhanh, Ai kể nhiều nhất? Bé thích ăn gì? Kể đủ 3 món.</i></li> <li>- <i>Chơi theo ý thích.</i></li> </ul>

	<p><i>Thứ 5 hàng tuần dọn dẹp vệ sinh góc, sắp xếp đồ dùng đồ chơi trong lớp</i></p> <p><i>Thứ sáu tổ chức kết thúc chủ đề.</i></p>		
<b><i>Chủ đề- sự kiện</i></b>	<b><i>Phân loại</i></b> <b><i>rau ăn củ- ăn quả - ăn lá.</i></b>	<b><i>Bảo vệ môi trường</i></b>	<b><i>Sự kì diệu của nước</i></b>